

ỦY BAN CHỨNG KHOẢN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHỈ CỐ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HẠM Y ĐẠM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỖI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CHÀO BÁCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500313811 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/09/2004, cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 11/09/2018)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 88./GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27. tháng 12. năm 2018...)

QUYỀN 1

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

- Trụ sở chính: Tầng 7, Tòa nhà Hồn hợp Sông Đà, Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam

- Điện thoại: (024) 33 545 735 Fax: (024) 33 542 280

- Website: www.songdal1.com.vn

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

- Trụ sở chính: Tầng 12 tòa nhà CDC, 25 Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Điện thoại: (024) 3944 6666 Fax: (024) 3944 8071

- Website: www.irs.com.vn

Phu trách công bố thông tin:

- Họ tên: Ông Lê Văn Tuấn

- Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty

- Điện thoại: (024) 33 545 735

Fax: (024) 3354 2280

ỦY BAN CHỨNG KHOẢN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHỈ CỐ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HẠM Y ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500313811 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/09/2004, cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 11/09/2018)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày tháng năm)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

- Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**
- Trụ sở chính: Tầng 7, Tòa nhà Hồn hợp Sông Đà, Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam
 - Điện thoại: (024) 33 545 735
 - Website: www.songda11.com.vn
 - Trụ sở chính: Tầng 12 tòa nhà CDC, 25 Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
 - Điện thoại: (024) 3944 6666
 - Website: www.its.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

- Họ tên: Ông Lê Văn Tuấn
- Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty
- Điện thoại: (024) 33 545 735

Fax: (024) 3354 2280

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500313811 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/09/2004, cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 11/09/2018)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần Sông Đà 11

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu

Mã cổ phiếu : SJE

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 6.931.863 cổ phiếu (Bảng chữ: Sáu triệu chín trăm ba mươi một nghìn tám trăm sáu mươi ba cổ phiếu)

Tổng giá trị chào bán (tính theo mệnh giá): 69.318.630.000 đồng

Giá chào bán: 15.000 đồng/cổ phiếu

Tổng giá trị thu được từ đợt chào bán dự kiến: 103.977.945.000 đồng (Bảng chữ: Một trăm linh ba tỷ chín trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C – CHI NHÁNH HÀ NỘI
- Địa chỉ: Số 40, Đường Giảng Võ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (024) 3 7367 879 Fax: (024) 3 7367 869
- Website: <https://www.a-c.com.vn/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
- Trụ sở chính: Tầng 12 tòa nhà CDC, 25 Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (024) 3944 6666 Fax: (024) 3944 8071
- Website: www.irs.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	7
1. Rủi ro về kinh tế.....	7
2. Rủi ro về luật pháp	11
3. Rủi ro đặc thù	11
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán	13
5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu	14
6. Rủi ro quản trị Công ty.....	16
7. Rủi ro khác	16
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CẠO BẠCH.....	17
1. Tổ chức phát hành.....	17
2. Tổ chức tư vấn.....	17
III. CÁC KHAI NIỆM.....	18
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	19
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	19
2. Cơ cấu tổ chức Công ty.....	21
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	22
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại.	25
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty cổ phần Sông Đà 11	30
6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty	31
7. Hoạt động kinh doanh	37
8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....	48
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	52
10. Chính sách đối với người lao động.....	58
11. Chính sách cổ tức.....	61
12. Tình hình tài chính	61
13. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	73
14. Tài sản	86
15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	89

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	90
17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường cổ tổ chức.....	90
18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành.....	90
19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán.....	90
V. CỎ PHIẾU CHÀO BÁN.....	91
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	96
VII. MỐI QUAN HỆ CỦA CTCP SÔNG BÀ 11 VÀ NGƯỜI CỎ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY VỚI CTCP ĐÀU TƯ ĐIỆN MẶT TRỜI.....	104
VIII.KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỎ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ BỐT CHÀO BÁN.....	105
IX. CÁC BỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI BỐT CHÀO BÁN.....	106
X. PHỤ LỤC.....	106

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

Sơ đồ số 1: GDP giai đoạn 2013-2017 và 9 tháng đầu năm 2018	8
Sơ đồ số 2: Cơ cấu các ngành giai đoạn 2013-2017 và 09 tháng đầu năm 2018	8
Sơ đồ số 3: Cơ cấu tổ chức Công ty	21
Sơ đồ số 4: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	22
Bảng số 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty	25
Bảng số 2: Danh sách người có liên quan của cổ đông cá nhân	25
Bảng số 3: Danh sách thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban TGD Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	27
Bảng số 4: Danh sách cổ đông sáng lập	29
Bảng số 5: Cơ cấu cổ đông của Công ty đến thời điểm ngày 20/9/2018	29
Bảng số 6: Tổng hợp quá trình tăng vốn của Công ty	32
Bảng số 7: Cơ cấu Tổng doanh thu của công ty mẹ	38
Bảng số 8: Cơ cấu Tổng doanh thu của công ty (Hợp nhất)	39
Bảng số 9: Các nhà cung cấp nguyên vật liệu thường xuyên của Công ty	42
Bảng số 10: Chỉ phí sản xuất kinh doanh qua các năm của Công ty (Công ty mẹ)	43
Bảng số 11: Chỉ phí sản xuất kinh doanh qua các năm của Công ty (Hợp nhất)	43
Bảng số 12: Danh mục máy móc thiết bị thi công của Công ty cổ phần Sông Đà 11	44
Bảng số 13: Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	47
Bảng số 14: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Công ty mẹ)	49
Bảng số 15: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Hợp nhất)	49
Bảng số 16: Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp cùng ngành	53
Bảng số 18: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 30/9/2018	58
Bảng số 19: Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2016, 2017 và dự kiến 2018	61
Bảng số 20: Tình hình nguồn vốn kinh doanh của Công ty (Công ty mẹ)	62
Bảng số 21: Tình hình nguồn vốn kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)	62
Bảng số 22: Tình hình sử dụng nguồn vốn kinh doanh của Công ty (Công ty mẹ)	63
Bảng số 23: Tình hình sử dụng nguồn vốn kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)	63
Bảng số 24: Mức lương bình quân giai đoạn 2015-2017	64
Bảng số 25: Số dư các khoản thuế phải nộp (Công ty mẹ)	65
Bảng số 26: Số dư các khoản thuế phải nộp (Hợp nhất)	65
Bảng số 27: Chi tiết các khoản vay của Công ty (Công ty mẹ)	66
Bảng số 28: Chi tiết các khoản vay của Công ty (Hợp nhất)	67
Bảng số 29: Các khoản phải thu của Công ty (Công ty mẹ)	68
Bảng số 30: Các khoản phải thu của Công ty (Hợp nhất)	69

Bảng số 31: Các khoản phải trả của Công ty (Công ty mẹ).....	69
Bảng số 32: Các khoản phải trả của Công ty (Hợp nhất).....	70
Bảng số 33: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (Công ty mẹ).....	71
Bảng số 34: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (Hợp nhất).....	72
Bảng số 35: Danh sách thành viên HĐQT, BKS, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.....	73
Bảng số 36: Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2017 (Công ty mẹ).....	86
Bảng số 37: Giá trị tài sản cố định tại ngày 30/09/2018 (Công ty mẹ).....	87
Bảng số 38: Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2017 (Hợp nhất).....	87
Bảng số 39: Giá trị tài sản cố định tại ngày 30/09/2018 (hợp nhất).....	87
Bảng số 40: Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận của Công ty.....	89
Bảng số 41: Tổng mức đầu tư dự án Nhà máy điện mặt trời Phong Phú.....	101
Bảng số 42: Mọi quan hệ của CTCP Sông Đà 11 và người có liên quan của Công ty cổ phần Dầu từ Điện mặt trời.....	104

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty cổ phần Sông Đà 11 hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần với ngành nghề chính là xây dựng các công trình thủy điện, giao thông bưu điện, Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình; Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện. Đây là một ngành thiết yếu, giữ vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Là một công ty cổ phần hoạt động trong nền kinh tế thị trường, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu tác động trực tiếp từ những thay đổi trong nền kinh tế nói chung và các rủi ro khác trong ngành điện, ngành xây lắp nói riêng.

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua các yếu tố như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái,... các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Một khi các yếu tố trên thay đổi sẽ ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung. Vì vậy, việc phân tích các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế sẽ làm rõ mức độ tác động của các loại rủi ro này cũng như đưa ra được các biện pháp hạn chế, khác phục mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.

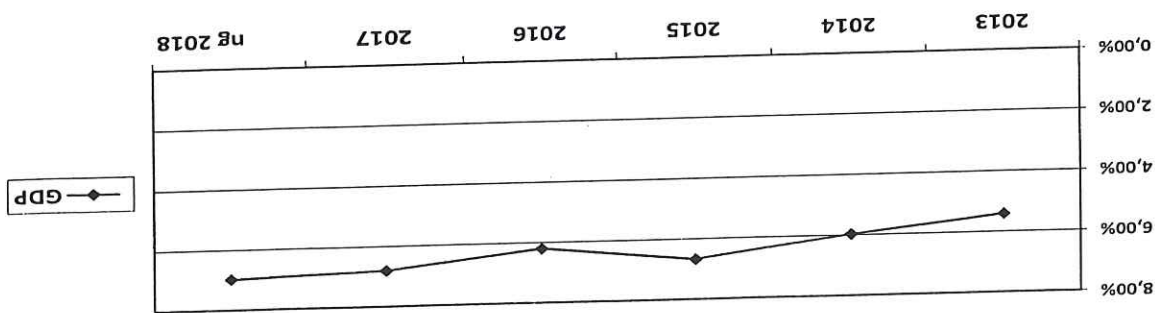
1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Năm 2017, tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tính tăng 6,81% so với năm 2016. Mức tăng trưởng năm nay vượt mức tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành và sự chỉ đạo quyết liệt từ các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện. Trong mức tăng 6,81% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đã có sự phục hồi đáng kể với mức tăng 2,90% (cao hơn mức tăng 1,36% của năm 2016), đóng góp 0,44 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,00%, đóng góp 2,77 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 7,44%, đóng góp 2,87 điểm phần trăm.

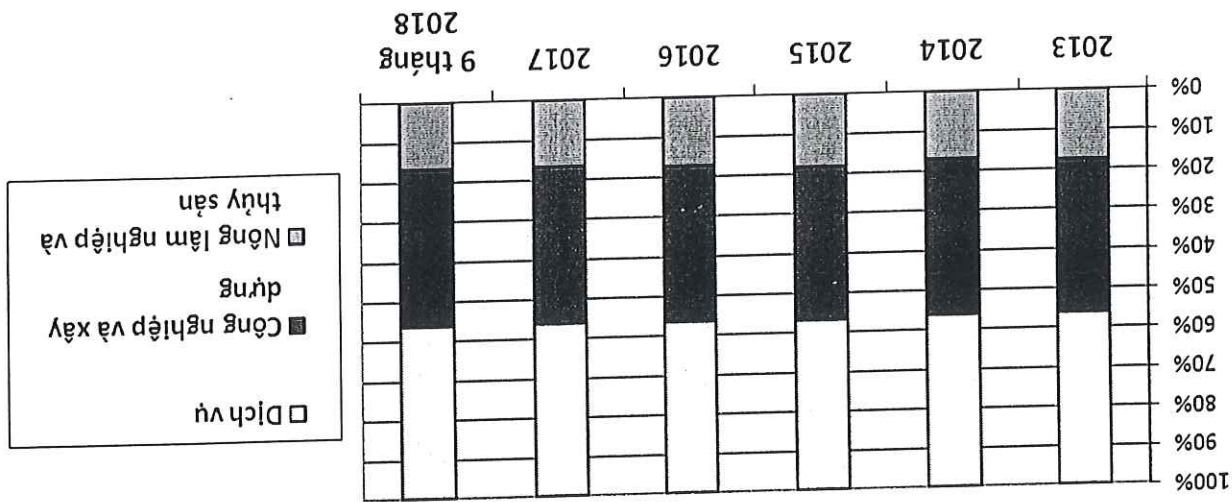
Trong 9 tháng đầu năm 2018, GDP ước tính tăng 6,98% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất của 9 tháng kể từ năm 2011 trở về đây. Kết quả tăng trưởng này khẳng định tính kịp thời và hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng năm 2018. Trong mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,65%, đóng góp 8,8% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,89%, đóng góp 48,7%; khu vực dịch vụ tăng 6,89%, đóng góp 42,5%. Ngành công nghiệp và xây dựng tiếp tục đóng góp cao vào

sự tăng trưởng GDP. Theo Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 của Quốc hội, tổng sản phẩm trong nước bình quân 5 năm đạt 6,5 – 7%. Chỉ tiêu tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP năm 2020 khoảng 85%. Điều này thể hiện quyết tâm của Chính phủ trong việc duy trì tốc độ tăng trưởng bền vững, tạo điều kiện cho ngành công nghiệp xây dựng phát triển, sớm đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp hóa theo hướng hiện đại hóa.

Sơ đồ số 1: GDP giai đoạn 2013-2017 và 9 tháng đầu năm 2018



Sơ đồ số 2: Cơ cấu các ngành giai đoạn 2013-2017 và 09 tháng đầu năm 2018
(Nguồn: Số liệu từ Tổng cục thống kê)



Kinh tế - xã hội nước ta 9 tháng đầu năm 2018 diễn ra trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế thế giới tiếp tục cải thiện nhưng tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức. Ngành Công nghiệp và Xây dựng tiếp tục duy trì mức độ đóng góp khá vào tăng trưởng GDP của đất nước, chiếm tỷ trọng khoảng 35,02%. Theo số liệu ước tính 9 tháng đầu năm 2018, ngành

(Nguồn: Số liệu từ Tổng cục thống kê)

phần Sông Đà 11 ký hợp đồng dài hạn với khách hàng, trong đó giá cả được điều chỉnh để giảm thiểu tác động của rủi ro làm phát đến hoạt động kinh doanh, Công ty cổ phần kinh tế trong dài hạn.

mặt bằng giá mới và là nhân tố làm gia tăng làm phát, có nguy cơ làm giảm sức cầu của và 14% từ ngày 01/01/2021. Việc tăng thuế VAT trong các năm tới sẽ hình thành một hiện nay lên 12% từ 01/01/2019 hoặc tăng theo lộ trình lên 12% kể từ ngày 01/01/2019 Bên cạnh đó, Bộ Tài chính đang lấy ý kiến tăng thuế giá trị gia tăng (VAT) từ 10% nhưng rủi ro về làm phát vẫn có thể xảy ra nếu không có giải pháp kiểm soát tốt.

tăng sức ép làm phát. Vì thế, mặc dù nền kinh tế vĩ mô đang được kiểm soát ổn định Tuy nhiên, giá cả hàng hóa cơ bản trên thế giới biến động, có xu hướng tăng làm gia sạch tiền tệ vẫn đang được điều hành ổn định.

cùng kỳ năm 2017, thấp hơn mức kế hoạch đề ra là dưới 4% và điều đó cho thấy chính 1,61% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 9 tháng đầu năm 2018 tăng 1,41% so với Lâm phát cơ bản tháng 9 năm 2018 có mức tăng 0,14% so với tháng trước và tăng

1.2. Rủi ro về làm phát

động của mình, tăng trưởng và phát triển tốt trong giai đoạn tới.
khả quan cho giai đoạn 2019-2020 sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty đẩy mạnh hoạt nhiên, với triển vọng phát triển kinh tế vĩ mô Việt Nam trong năm 2018 và những dự báo công ty sẽ chịu ảnh hưởng bởi xu thế phát triển của ngành điện, ngành xây dựng. Tuy đường dài, trầm biến áp và cung cấp điện, nước phục vụ các công trình thủy điện nên trong lĩnh vực thiết yếu của quốc gia là sản xuất, phân phối điện và các hoạt động xây lắp Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, cụ thể là tệ hạn hẹp.

động trong tương lai của Việt Nam có thể sẽ gặp khó khăn hơn bởi dư địa tài chính, tiền mình Châu Âu, Nhật Bản. Đồng thời, với quy mô kinh tế nhỏ, việc ứng phó với các biến do căng thẳng thương mại giữa Mỹ với Trung Quốc và các đối tác lớn khác như Liên gia. Hoạt động thương mại toàn cầu duy trì đà tăng trưởng nhưng đối mặt nhiều khó khăn như xăng dầu, sắt thép, chất đốt... tăng cao đang gây áp lực lên làm phát tại nhiều quốc Tuy nhiên, cũng có nhiều thách thức cần phải lưu tâm. Giá các mặt hàng thiết yếu thiện, tiếp tục tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

được củng cố sau 3 năm 2016 - 2018 tăng trưởng cao, môi trường kinh doanh được cải tổ tích cực nội tại tại môi trường kinh tế vĩ mô ổn định hơn, nội tại nền kinh tế cũng đã tích cực nhờ triển vọng lạc quan về tăng trưởng kinh tế và thương mại toàn cầu, các yếu tăng thêm toàn nền kinh tế. Nền kinh tế tiếp tục được dự đoán sẽ phát triển theo hướng Công nghiệp và Xây dựng đóng góp 3,46 điểm phần trăm vào tốc độ tăng của tổng giá trị

linh hoạt nhằm đảm bảo lượng hàng cung cấp cho đối tác và giá cả cạnh tranh so với thị trường.

1.3. Lãi suất

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng vốn vay từ ngân hàng

dẫn đến chi phí đi vay tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong những năm qua, lãi suất trên thị trường biến động không ngừng với nhiều những chính sách được ban hành như thắt chặt chính sách tiền tệ, áp trần lãi suất, hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Sự biến động lãi suất sẽ tác động trực tiếp đến chi phí lãi vay hằng năm của Công ty. Rủi ro thay đổi lãi suất Công ty liên quan đến các khoản vay hoạt động kinh doanh của Công ty tại các tổ chức tín dụng.

Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay của các tổ chức tín dụng nói chung tương đối ổn định, mặc dù một số ngân hàng đã có động thái tăng lãi suất huy động nhưng mức độ tăng nhỏ, không thể hiện xu hướng tăng của thị trường. Hiện mặt bằng lãi suất huy động Công ty Việt Nam phổ biến ở mức 0,6%-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,3%-5,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,3%-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,5%-7,3%/năm. Lãi suất cho vay Công ty Việt Nam phổ biến khoảng 6%-9%/năm đối với ngân hàng và 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn; đối với khách hàng tốt, lãi suất cho vay ngân hàng từ 4%-5%/năm. Cơ cấu tín dụng tiếp tục chuyển hướng theo hướng tích cực tập trung chủ yếu vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên, các dự án lớn, trọng tâm trọng điểm theo chủ trương của Chính phủ.

Theo Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8/2018, Chính phủ yêu cầu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ thận trọng, linh hoạt, hỗ trợ thanh khoản hợp lý cho các tổ chức tín dụng, kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào lĩnh vực bất động sản. Tăng cường công tác thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng, đảm bảo an toàn hệ thống. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020. Bảo đảm chất lượng dịch vụ, an toàn hoạt động thanh toán điện tử, thanh toán thẻ.

Dư nợ tín dụng của Công ty thời điểm 30/09/2018 theo Báo cáo tài chính hợp nhất tự lập 9 tháng đầu năm 2018 là 757,7 tỷ đồng, trong đó dư nợ ngân hàng là khoảng 275,6 tỷ đồng, dư nợ dài hạn là khoảng 482,1 tỷ đồng, Công ty đang tạm thời có khả năng trả được các khoản vay ngân hàng và dài hạn. Tuy nhiên, trong dài hạn để giảm thiểu rủi ro biến động của lãi suất, Công ty luôn theo dõi chặt chẽ biến động thị trường tiền tệ trong và ngoài nước để dự báo và điều chỉnh kế hoạch dòng tiền phù hợp.

2. Rủi ro về luật pháp

Mọi hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Đất đai, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế thu nhập cá nhân và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan... Tuy nhiên, hệ thống văn bản pháp luật, các văn bản hướng dẫn thi hành hàng năm luôn có sự thay đổi, điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Những sự thay đổi này sẽ có tác động nhất định đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro luật pháp phát sinh khi Công ty không thực hiện đúng hoặc không kịp thời cấp nhất áp dụng những thay đổi của các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là đơn vị hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xây lắp hệ thống lưới điện điện năng trên lưới truyền tải, bảo đảm khai thác kinh tế các nguồn điện. Như vậy, trong thời gian tới, Chính phủ vẫn giữ ưu đãi, thuận lợi để phát triển lưới điện và các sản phẩm hỗ trợ cho ngành điện.

Bên cạnh đó, những chính sách, hướng dẫn liên quan: Thuế, chiến lược phát triển ngành điện, ... cũng có những tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế những rủi ro liên quan đến luật pháp, Công ty luôn tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động kinh doanh, đồng thời chủ động theo dõi, cập nhật thường xuyên các văn bản pháp lý có liên quan nhằm đưa ra các giải pháp và định hướng kinh doanh phù hợp.

3. Rủi ro đặc thù

Với đặc thù là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng hệ thống đường dây tải điện, trạm, biến áp đến cấp điện áp 500KV, xây dựng hệ thống cấp và thoát nước... hoạt động của Công ty có phần Sông Đà 11 chịu ảnh hưởng không nhỏ bởi những rủi ro đặc thù của ngành điện và ngành xây dựng.

3.1. Rủi ro cạnh tranh

Hiện nay, trên địa bàn cả nước có nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, sản xuất kinh doanh điện. Những doanh nghiệp này đều là đối thủ cạnh tranh trực tiếp của Công ty. Ngoài ra, lĩnh vực mà công ty đang hoạt động trong thời gian tới cũng

sẽ thu hút được sự tham gia của nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước. Điều này cũng ít nhiều tạo ra sức ép cạnh tranh đối với công ty.

Tuy nhiên, nhờ mối quan hệ chặt chẽ với Tập đoàn điện lực Việt Nam, Tổng Công ty truyền tải điện Quốc gia, Tổng Công ty Sông Đà,... Công ty vẫn đảm bảo thị trường hoạt động của mình. Song, để tăng khả năng cạnh tranh, Công ty đã chủ động triển khai đổi mới, nâng cao công tác quản trị điều hành, công tác nghiên cứu dự báo thị trường, đặc biệt chú trọng đến chất lượng các dự án, khẳng định thương hiệu Sông Đà 11 qua việc đảm bảo đầu ra của mình. Cùng với đó, Công ty cũng có kế hoạch phát triển mạnh hơn các mảng khác ngoài xây lắp các công trình thủy điện, thủy lợi.

3.2. Rủi ro biến động giá

Trong hoạt động xây lắp và kinh doanh điện thương phẩm, chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ lệ lớn trong tổng chi phí về giá vốn, chính vì vậy biến động nguyên vật liệu là yếu tố quan trọng, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là đối với các hợp đồng tròn gói đã ký kết. Khi giá cả nguyên vật liệu tăng quá cao, khiến các nhà thầu phải kéo dài thời gian thi công chờ ổn định giá vật tư hoặc phải chịu các khoản chi phí phát sinh do để hoàn thành hợp đồng đã ký.

Để hạn chế bất cập này, hiện nay các doanh nghiệp đã cố gắng để tính toán thật chính xác về khối lượng công việc, vật tư, đơn giá... để đảm bảo hiệu quả kinh tế trước khi đàm phán ký hợp đồng. Công ty chủ động xây dựng cho mình những kịch bản phù hợp. Đồng thời, tìm ra những biện pháp thi công giám thiểu chi phí với việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào thi công, nâng cao trình độ đội ngũ nhân lực để đối phó với rủi ro do biến động giá nguyên vật liệu gây ra. Tuy nhiên do sự hạn chế của các tài nguyên như cát, đá, nước và một phần phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên nên phần nào, rủi ro này khó có biện pháp khắc phục hiệu quả. Khi rủi ro xảy ra Công ty vẫn sẽ phải chịu những ảnh hưởng tiêu cực mà nó mang đến.

3.3. Rủi ro ngành nghề

Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực xây lắp các công trình thủy điện, thủy lợi nên thị trường hoạt động của Công ty rộng khắp cả nước. Một số công trình do vướng mắc công tác đền bù giải phóng mặt bằng nên công tác thi công gặp nhiều khó khăn, dẫn đến thời gian thi công bị kéo dài, chi phí dự án tăng, làm giảm lợi nhuận của Công ty. Ngoài ra, một số công trình Công ty thực hiện tại các vùng núi xa xôi, có địa hình, điều kiện tự nhiên phức tạp và hạn chế về nguồn nhân lực khiến công tác thi công các công trình gặp những khó khăn nhất định cho Công ty không chỉ trong công tác đảm bảo việc vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thiết bị phục vụ thi công kịp thời mà việc đảm bảo nguồn lực thi công để hoàn thiện dự án đúng thời gian và đảm bảo chất lượng.

Thị trường xây lắp các công trình thủy điện, thủy lợi đang dần hoàn thiện và đi vào ổn định. Trong tương lai, việc xây lắp mới sẽ có xu hướng giảm dần. Đây cũng là rủi ro cho Công ty cổ phần Sông Đà 11 trong việc đảm bảo hoạt động kinh doanh xuyên suốt, có hiệu quả trong lĩnh vực này trong dài hạn.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng (cho cổ đông hiện hữu) tăng vốn điều lệ của Công ty được dự kiến hành thập vì tỷ lệ phân phối và giá chào bán được tính toán để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cổ đông hiện hữu.

- Tuy nhiên, vẫn có khả năng xảy ra rủi ro cổ phiếu chào bán không được cổ đông đăng ký mua hết, các cổ đông ngại rủi ro sẽ không thực hiện quyền mua cổ phiếu, Công ty không huy động đủ số vốn như dự kiến để bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh. Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán mà cổ phiếu chào bán vẫn không được phân phối hết do cổ đông không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết (nếu có) thì số cổ phần còn lại được coi như chưa chào bán và tổng số cổ phần chào bán của đợt này sẽ được tính giảm theo số lượng tương ứng. Trường hợp, các cổ đông hiện hữu tham gia mua cổ phần chỉ đạt khoảng 50% tổng số vốn cần huy động của đợt phát hành, tương ứng số tiền huy động được chỉ đạt khoảng 51,988 tỷ đồng. Số tiền còn thiếu (khoảng 51.989 tỷ đồng), Công ty sẽ huy động từ nguồn vốn vay dài hạn các ngân hàng thương mại và/ hoặc nguồn vốn nhân rồi từ các Công ty con (Vay dài hạn của Công ty cổ phần thủy điện Đak Đoa số tiền khoảng 30 tỷ đồng; vay dài hạn Công ty cổ phần thủy điện To Bua số tiền khoảng 22 tỷ đồng). Trường hợp việc chào bán cổ phiếu không thành công hoặc không thu đủ số tiền tối thiểu như dự kiến nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 11 thông qua việc xem xét cần đổi sử dụng linh hoạt nguồn vốn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và/hoặc nguồn vốn vay dài hạn các tổ chức khác để góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư điện Mặt Trời nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện đầu tư xây dựng dự án Nhà máy điện mặt trời Phong Phú theo kế hoạch đã phê duyệt ... Tuy nhiên, phương án này sẽ làm tăng chi phí tài chính và giảm lợi nhuận kinh doanh của Công ty.

4.2. Rủi ro của phương án sử dụng tiền mua được từ đợt chào bán

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến 103.977.945.000 đồng (tính trên số tiền thu thực tế từ việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu) sẽ sử dụng vào mục đích đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư Điện Mặt Trời để thực hiện đầu tư xây dựng dự án Nhà máy điện mặt trời Phong Phú. Hiện nay, Công ty cổ phần Đầu tư điện Mặt Trời đã ký kết xong Hợp đồng tín dụng tại trụ sở vốn cho dự án, hợp đồng EPC về thiết

kế, xây lắp và cung cấp, lắp đặt thiết bị, hợp đồng tổng thầu xây dựng đường dây và các thành phần hàng mục công trình khác. Chủ đầu tư cũng đã cơ bản hoàn thành các thủ tục về đền bù, giải phóng mặt bằng, các thủ tục pháp lý đầu tư,... đã bắt đầu triển khai thực dự án. Đại hội Đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh, thay đổi phương án sử dụng vốn cho phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của công ty, đảm bảo hoạt động đầu tư có hiệu quả, gia tăng giá trị cho các cổ đông và bảo cao tài cuộc hợp BHHCD gần nhất. Bên cạnh đó, với số vốn đầu tư rất lớn, việc huy động vốn không đủ và dùng tiền độ cũng có thể tạo nên rủi ro phát sinh chi phí cho dự án đầu tư của Công ty.

5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán trong đợt này là 6.931.863 cổ phiếu, tương đương 60% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty trên thị trường (11.553.105 cổ phiếu). Rủi ro pha loãng cổ phiếu có thể xảy ra khi Công ty thực hiện chào bán thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ với giá bán ưu đãi (thấp hơn thị giá của cổ phiếu đang lưu hành). Sau khi lượng cổ phiếu chào bán này chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường, nhà đầu tư nên lưu ý một số vấn đề sau:

➤ Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu:

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền, giá giao dịch cổ phiếu SJF sẽ được điều chỉnh kỹ thuật theo công thức sau:

$$P_{ic} = \frac{(P_{R-1} \times \text{Số lượng CP đang lưu hành}) + (PR \times \text{Số lượng CP chào bán thêm})}{\text{Số lượng CP đang lưu hành} + \text{Số lượng CP chào bán thêm}}$$

Trong đó:

P_{ic} : Giá tham chiếu cổ phiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu mới trong đợt chào bán tăng vốn

P_{R-1} : Giá chứng khoán phiên trước phiên giao dịch không hưởng quyền

PR: Giá chào bán

Ví dụ: Giá sử ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 31/10/2018. Tại ngày trước ngày giao dịch không hưởng quyền (30/10/2018), giá cổ phiếu của Công ty là 27.000 đồng/cổ phiếu, giá cổ phiếu sẽ được điều chỉnh là

$$P_{ic} = \frac{(27.000 \times 11.553.105) + (15.000 \times 6.931.863)}{11.553.105 + 6.931.863} = 22.500 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Tuy nhiên, mức độ pha loãng giá cổ phiếu sẽ được giám đi khi công ty sử dụng số tiền huy động được từ đợt chào bán để đầu tư một cách có hiệu quả nhất, mang về tốc độ tăng trưởng tốt hơn trong tương lai.

➤ Rủi ro pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS):

Công thức tính:

Lợi nhuận sau thuế - Cỏ tức của cỏ phiếu ưu đỏi¹

EPS =

Sỏ lượng cỏ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ

Giỏ đính chỉ cỏ thay đỏi về sỏ lượng cỏ phiếu lưu hành, sự thay đỏi EPS của cỏ

phiếu như sau:

+ Lợi nhuận dự kiến sau thuế năm 2018 là 63.930.000.000 đồng¹.

❖ Trường hợp 1: Công ty không phát hành thêm cỏ phiếu. Sỏ lượng cỏ phiếu

đang lưu hành là 11.553.105 cỏ phiếu.

EPS = $\frac{63.930.000.000}{11.553.105}$

= 5.533,57 đồng

❖ Trường hợp 2: Công ty chào bán thành công cỏ phiếu và dự kiến 6.931.863 cỏ

phiếu phát hành thêm của Công ty chính thức lưu hành vào tháng 12 năm

2018, do cỏ sự thay đỏi về sỏ lượng cỏ phiếu đang lưu hành nên chỉ sỏ EPS

của Công ty sẽ cỏ sự thay đỏi như sau:

EPS = $\frac{63.930.000.000}{(11.553.105 * 11 + 18.484.968 * 1) / 12}$

= 5.207,07 đồng

Như vậy, đỏi chào bán này sẽ làm cho cỏ phiếu đang lưu hành của Công ty tăng lên

ảnh hưởng đến thu nhập trên mỗi cỏ phiếu của Công ty. Rủi ro của việc pha loãng thu

nhập trên cỏ phiếu sẽ được hạn chế nếu Công ty tỏi ưu nguồn vốn huy động được và duy

trí tỏi hoạt động kinh doanh sau đỏi chào bán.

➤ *Pha loãng giá trị sỏ sách*

Sau khi hoàn thành đỏi chào bán, giá trị sỏ sách của mỗi cỏ phần cỏ thể sẽ bị thay

đỏi do cỏ sự thay đỏi về sỏ lượng cỏ phiếu lưu hành và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sỏ

hữu. Với việc chào bán thêm cỏ phiếu với giá thấp hơn giá trị sỏ sách, trong thời gian

ngắn ngay sau khi chào bán do tỷ lệ tăng sỏ lượng cỏ phiếu lưu hành lớn hơn tỷ lệ tăng

của vốn chủ sở hữu nên sẽ làm giảm giá trị sỏ sách 01 cỏ phiếu của Công ty.

➤ *Pha loãng tỷ lệ biểu quyết:*

Đỏi tượng của đỏi chào bán cỏ phiếu này là Cỏ đông hiện hữu, do vậy tỷ lệ biểu

quyết của cỏ đông sẽ không bị pha loãng khi Công ty thực hiện đỏi chào bán. Tuy nhiên,

trong trường hợp cỏ đông hiện hữu không đăng ký mua hết sỏ lượng cỏ phiếu được phần

phối hoặc chỉ đăng ký mua một phần thì tỷ lệ biểu quyết của cỏ đông cỏ thể bị pha loãng.

Giả sử, đỏi với cỏ đông A cỏ 100.000 cỏ phiếu. Trường hợp cỏ đông A không đăng

ký mua cỏ phiếu được phần phối, tỷ lệ biểu quyết của cỏ đông A bị pha loãng như sau:

¹ Công ty không cỏ cỏ phần ưu đỏi.

² Theo kế hoạch SXKD năm 2018 thông qua tại NQ ĐHCĐ ngày 26/4/2018.

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... nếu có gây thiệt hại về tài sản, con người và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty. Để hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty đang nghiên cứu để tham gia vào các hợp đồng bảo hiểm cho các tài sản của Công ty.

7. Rủi ro khác

DH có động theo quy định của pháp luật.

Vì tư vấn nhằm hỗ trợ công ty trong công tác quản trị, quan hệ nhà đầu tư, tư vấn tổ chức cầu nối giữa cổ đông và Công ty. Đồng thời, Công ty cũng ký kết hợp đồng với các đơn cấp nhất thông tin thường xuyên tới cổ đông, thực hiện tốt công tác quan hệ cổ đông làm thông qua. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng hoàn thiện website, thực hiện công bố, Thực hiện đúng chủ trương, kế hoạch hoạt động kinh doanh đã trình và được DHDCE nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành, giám sát trong hoạt động kinh doanh. thể chế hoạt động, năng lực quản lý, trình độ chuyên môn của HĐQT, Ban điều hành Để khắc phục rủi ro về quản trị, Công ty cổ phần Sông Đà 11 luôn hoàn thiện các doanh, công tác quản lý chưa kịp.

Về Doanh thu, Lợi nhuận, Cổ tức, hiệu quả sử dụng vốn... khi quy mô hoạt động kinh ty, quyền lợi của cổ đông. Việc phát hành cổ phiếu, huy động thêm vốn cũng tạo áp lực được từ đợt chào bán không hiệu quả sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công đồng hiện hữu), trường hợp HĐQT, Ban điều hành Công ty quản lý, sử dụng số tiền thu dự kiến từ đợt chào bán là 103.977.945.000 đồng (thực thu từ chào bán cổ phiếu cho cổ Việc Công ty chào bán 6.931.863 cổ phiếu tăng vốn điều lệ, số lượng vốn huy động rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động Công ty, quyền lợi của cổ đông, người lao động.

điều hành và các bên liên quan, quan hệ của cổ đông với Công ty, ... cũng là yếu tố gây ra mối quan hệ sở hữu giữa các nhóm cổ đông Công ty, giữa các thành viên HĐQT, Ban Bên cạnh đó, những thông tin liên quan đến quản trị Công ty như cơ cấu cổ đông, gây ra rủi ro và ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

bách, không kịp thời phát hiện những rủi ro do hành vi sai phạm của Ban điều hành sẽ cổ đông của Công ty. Trường hợp, Hội đồng quản trị quản lý không hiệu quả, thiếu minh sự phát triển lâu dài và ổn định của Công ty, gây thiệt hại cho Công ty, người lao động và Rủi ro quản trị Công ty xuất phát từ việc quản trị Công ty yếu kém, ảnh hưởng đến

6. Rủi ro quản trị Công ty

- Trước khi chào bán: tỷ lệ biểu quyết là 100.000/11.553.105 = 0,86%
- Sau khi chào bán: tỷ lệ biểu quyết là 100.000/18.484.968 = 0,54%.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH BỘI VỚI NỘI

DUNG BẢN Cáo BáCH

1. Tổ chức phát hành

- Ông Nguyễn Văn Sơn
Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Ông Lê Văn Tuấn
Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Bà Hà Hồng Nhung
Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát
- Ông Trần Văn Ngự
Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

- Bà Trần Thị Thu Hương
Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Sông Đà 11. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Sông Đà 11 cung cấp.

III. CÁC KHAI NIỆM

SJE/ Công ty/ Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Sông Đà 11	
IRS/ Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	
DHBCB	: Đại hội đồng cổ đông
Cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty cổ phần Sông Đà 11
HBQT	: Hội đồng quản trị
BKS	: Ban kiểm soát
Điều lệ Công ty	: Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Sông Đà 11
UBCKNN	: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
VSD	: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
SGDCKHN	: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
CTCP	: Công ty cổ phần
BCTC	: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Sông Đà 11
NSNN	: Ngân sách nhà nước
TSCB	: Tài sản cố định
VNB	: Việt Nam đồng

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

- Tên tiếng Anh: Song Da Noi Joint Stock Company

- Tên Công ty viết tắt: SÔNG ĐÀ 11, JSC

- Mã chứng khoán: SJE

- Logo Công ty:



- Trụ sở chính: Tầng 7 Tòa nhà Hồn hợp Sông Đà, Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (024) 3354 4735 Fax: (024) 3354 2280
Website: <http://www.songda11.com.vn>

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500313811 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/09/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 11/09/2018

- Vốn điều lệ đăng ký: 115.531.050.000 đồng (Một trăm mười lăm tỷ, năm trăm ba mươi một triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng)

- Vốn điều lệ thực góp: 115.531.050.000 đồng (Một trăm mười lăm tỷ, năm trăm ba mươi một triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng)

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Tuấn – Tổng Giám đốc Công ty
Nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Tây
Số TK: 4501 0000 000426

- Lĩnh vực kinh doanh chính:

- + Xây dựng công trình thủy
- + Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông bưu điện;
- + Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình;
- + Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện;
- + Xây lắp, thi nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500 kV;
- + Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Sông Đà 11 tiền thân là đội điện, nước thuộc Công ty Xây dựng Thủy điện Thác Bà từ năm 1961. Đến năm 1973, đội này được nâng cấp thành Công trường Cơ điện. Năm 1976 theo Quyết định của Bộ Xây dựng, chuyển đơn vị về Thị xã Hoà Bình để chuẩn bị cho khởi công Nhà máy Thủy điện Hoà Bình trên Sông Đà và được đổi tên là “XI nghiệp Lập máy Điện nước” thuộc Tổng Công ty Xây dựng Thủy điện Sông Đà.

Đến năm 1989, với sự trưởng thành về quy mô và hoạt động sản xuất kinh doanh, đơn vị được nâng cấp thành Công ty Lắp máy Điện nước. Năm 1993, Hội đồng Bộ trưởng ra Nghị định số 388/HĐBT thành lập lại Công ty, đổi tên thành Công ty Xây lắp Năng lượng. Đến năm 2002, với việc phát triển, đa dạng hoá ngành nghề, Công ty được đổi tên thành Công ty Sông Đà 11. Cùng năm này, Công ty vinh dự được nhận chứng chỉ quốc tế ISO 9001:2000 về quản lý chất lượng.

Ngày 17 tháng 8 năm 2004, Công ty nhân Quyết định số 1332/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Ngày 04/12/2006, Công ty chính thức niêm yết và giao dịch cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là SJF.

Trong năm 2007, Công ty cổ phần Sông Đà 11 đã thực hiện việc phát hành thêm cổ phiếu huy động vốn nhằm mục đích tăng nguồn vốn kinh doanh phục vụ các dự án mà Công ty đã, đang và sẽ triển khai. Công ty đã thực hiện phát hành 3.000.000 cổ phiếu, tương đương 30 tỷ đồng, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 20 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng.

Trong năm 2010, Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu tương ứng với giá trị là 7.991.410.000 đồng. Ngoài ra, trong năm 2010, với mục đích huy động vốn phục vụ cho hoạt động của Công ty như: Góp vốn thành lập Công ty cổ phần thủy điện To Bường, đầu tư dự án NCNL thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2010 và đầu tư thực hiện dự án khu dân cư Vĩnh Thanh – Nhơn Trạch – Đồng Nai, Công ty đã thực hiện chào bán 2.197.756 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tương đương 21.977.560.000 đồng, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 50 tỷ đồng lên 79.968.970.000 đồng.

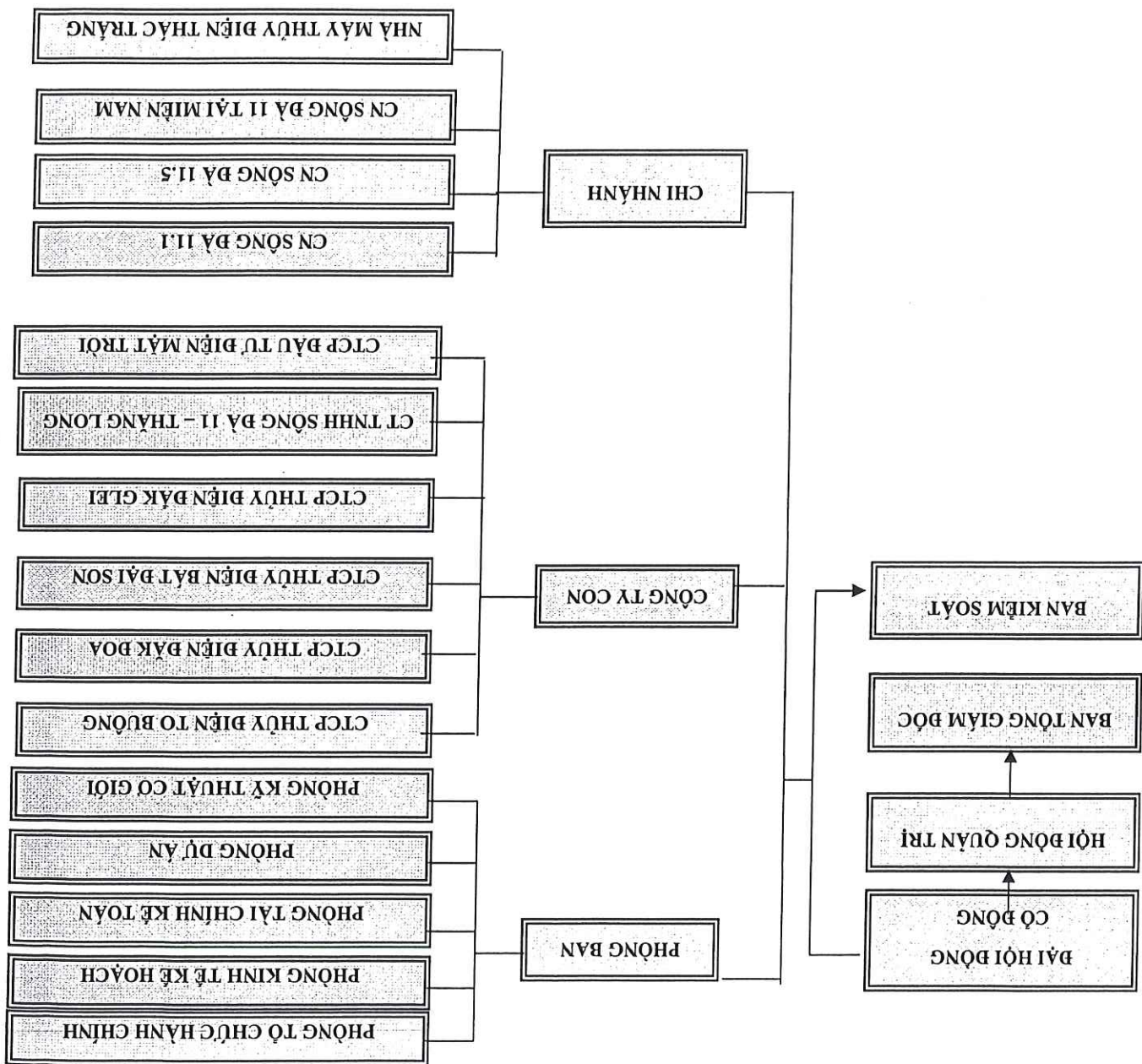
Năm 2013, thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Công ty đã phát hành thêm 3.556.208 cổ phiếu phổ thông để hoán đổi cổ phiếu của Công ty cổ phần Sông Đà 11 – Thăng Long và Công ty cổ phần Dầu tư và Xây lắp Sông Đà 11. Sau khi sắp nhập, Công ty cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long do Công ty cổ phần Sông Đà 11 sở hữu 100% vốn và Công ty Cổ phần Dầu tư và Xây lắp Sông Đà 11 trở thành đơn vị trực thuộc với tên gọi Chi nhánh Công ty cổ phần Sông Đà 11 tại Miền Nam. Vốn điều lệ của Công ty sau khi hoàn thành việc phát hành là 115.531.050.000 đồng.

Trải qua gần 60 năm trưởng thành và phát triển, Công ty không ngừng lớn mạnh về quy mô và tổ chức, đã và đang không ngừng góp sức mình vào sự nghiệp xây dựng tổ quốc. Công ty đảm nhận công tác xây lắp điện nước phục vụ thi công và sinh hoạt cho

nhiều công trường xây dựng thủy điện, trải rộng trên khắp vùng miền đất nước. Trong quá trình hoạt động và trưởng thành, phát triển, Công ty cổ phần Sông Đà 11 đã được Đảng và Nhà nước phong tặng nhiều danh hiệu cao quý.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Sơ đồ số 3: Cơ cấu tổ chức Công ty

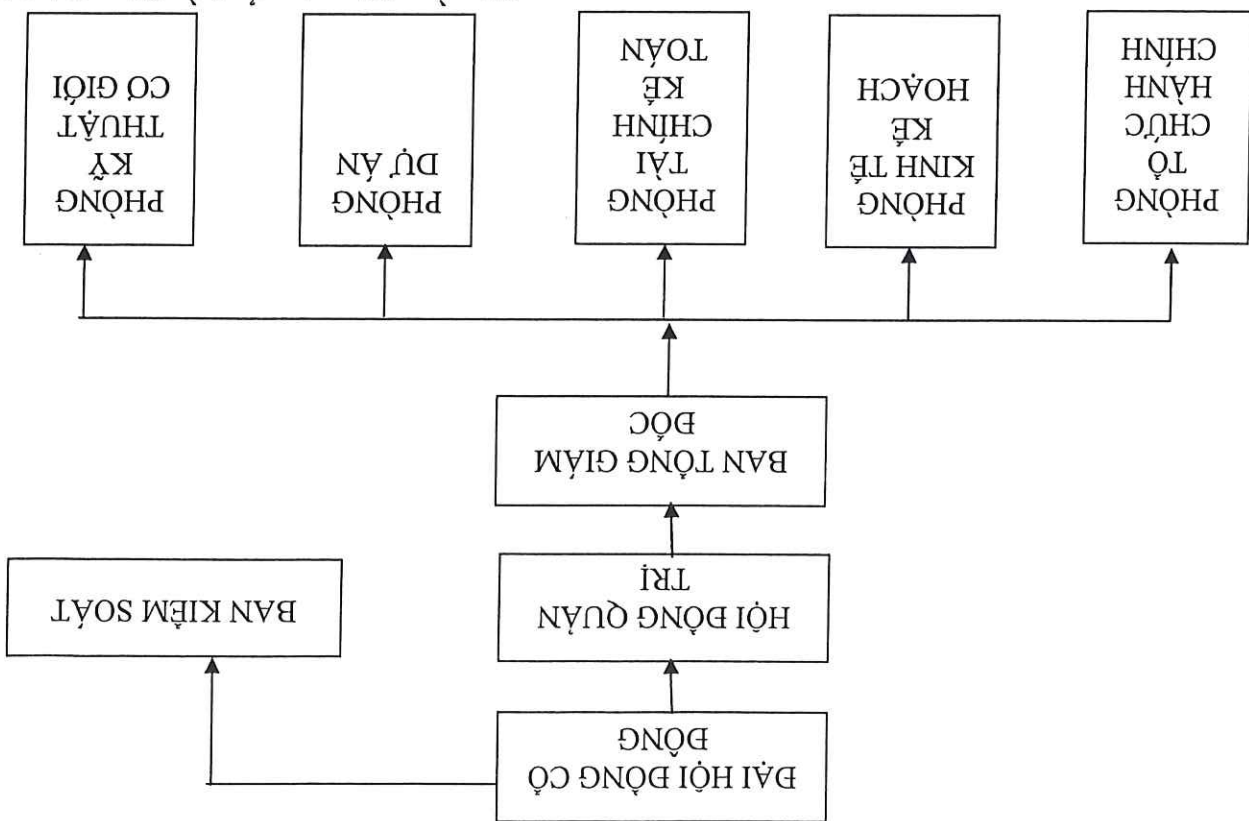


Công ty cổ phần Sông Đà 11 được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.

(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 11)

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ số 4: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 11)

3.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty cổ phần Sông Đà 11, có quyền và nhiệm vụ:

- Thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán; Báo cáo của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban Kiểm soát; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; Mức cổ tức hàng năm; Lựa chọn công ty kiểm toán; Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý;
- Các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 5 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề

Liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCB.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

3.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty có phần Sông Đà 11 bao gồm 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập BCTC; Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán; Kiểm tra, thẩm định các báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng, hàng quý, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và đề trình lên Đại hội đồng cổ đông;

Quyền và nghĩa vụ khác của Ban kiểm soát do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

3.4. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc điều hành.

Tổng Giám đốc có trách nhiệm thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc sẽ căn cứ vào khả năng và nhu cầu quản lý để thực hiện việc ủy quyền một số quyền hạn nhất định cho các Phó Tổng Giám đốc.

Quyền và nghĩa vụ khác của Tổng Giám đốc do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

3.5. Phòng Tổ chức Hành chính

- Là đầu mối trực tiếp truyền đạt chỉ đạo chung của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tới các phòng ban, đơn vị, đối trực thuộc Công ty, và chiếu hướng ngược lại;

- Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ công văn, tài liệu, hồ sơ cần bộ công nhân viên và công tác hành chính phục vụ công tác quản lý, sản xuất kinh doanh;

- Thay mặt Tổng Giám đốc Công ty giám sát việc tuân thủ quy tắc, nội quy làm việc tại văn phòng Công ty, các quy chế, quy định liên quan đến các lĩnh vực phòng phụ trách hoặc tham gia phụ trách;

- Quản lý nhà cửa, mua sắm và quản lý trang thiết bị văn phòng, xe con phục vụ trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh tại cơ quan Công ty;

- Công tác tổ chức và công tác cán bộ, công tác đào tạo;
- Công tác BHXH và giải quyết chế độ, chính sách cho người lao động, công tác thi đua khen thưởng.

3.6. Phòng Kinh tế - Kế hoạch

- Tham mưu, thực hiện, giám sát, chịu trách nhiệm và liên đới chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến công tác kinh tế, kế hoạch và công tác cung ứng vật tư cơ giới;
- Kiểm soát giá trị thực hiện, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán, rà soát với chủ đầu tư và các đơn vị liên quan, lưu trữ hồ sơ;
- Xây dựng chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch phát triển các tuyến mới, phát triển các dịch vụ trên cơ sở kinh doanh hiện tại nhằm nâng cao chất lượng phục vụ của Công ty;

- Nghiên cứu, xây dựng, trình duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, kế hoạch trung hạn, dài hạn;

- Quản lý thực hiện các loại định mức như định mức lao động, định mức đơn giá tiền lương, các chế độ phụ cấp hiện hành; đảm bảo cung ứng kịp thời nhu cầu phụ tùng vật tư, nhiên liệu theo yêu cầu của công tác sản xuất, phục vụ công tác sửa chữa xe máy, thiết bị trên cơ sở kế hoạch được HĐQT, Tổng Giám đốc phê duyệt;
- Tổ chức nghiệm thu thu hồi vốn tại các công trình.

3.7. Phòng Tài chính kế toán

- Tổ chức bộ máy tài chính, kế toán, tin dụng. Tham mưu giúp Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác Tài chính, công tác Kế toán trên phạm vi toàn Công ty theo các quy định về quản lý tài chính của nhà nước và của công ty.

3.8. Phòng Dự án

- Tìm kiếm, phát triển thị trường và tiếp thị đầu thầu các công trình trong phạm vi ngành nghề kinh doanh của Công ty;
- Lập và trình duyệt các dự án đầu tư của Công ty;
- Tham mưu, giúp việc HĐQT và Ban TGD trong công tác đầu tư của toàn công ty, bao gồm cả đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh và đầu tư nâng cao năng lực thi công;
- Tư vấn, giúp việc ban lãnh đạo công ty thực hiện hoạt động đầu tư theo đúng quy định của pháp luật.

3.9. Phòng Kỹ thuật Cơ giới

- Tham mưu, giám sát, thực hiện, chịu trách nhiệm và liên đới chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến kỹ thuật, tiến độ, an toàn lao động, quản lý tiếp thị các dự án và công tác Quản lý cơ giới;
- Quản lý toàn bộ máy móc thiết bị và tài sản của Công ty, đảm bảo cung ứng kịp thời các nhu cầu vật tư, phụ tùng thiết yếu nhằm đáp ứng yêu cầu công tác sản xuất, công tác phục hồi và sửa chữa xe máy;

- Kiểm soát tiền độ, chất lượng, giá trị thực hiện, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán; rà soát, lưu trữ hồ sơ hoàn công các công trình; giúp lãnh đạo Công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu thị trường, bảo cáo cơ hội đầu tư, quản lý các dự án đầu tư đã được HĐQT phê duyệt từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư đến khi kết thúc xây dựng đưa dự án vào vận hành, khai thác, sử dụng;
- Quản lý, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện các yêu cầu của công tác an toàn về sinh lao động, bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ trong toàn Công ty;
- Tham mưu cho lãnh đạo Công ty thực hiện đúng các quy định của pháp luật về công tác quản lý cơ giới, thiết bị và thanh lý xe máy.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại.

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan tại ngày 20/9/2018.

4.1.1. Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty.

Bảng số 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty

Tên cổ đông	Số ĐKSH/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Tổng cộng
Tông Công ty Sông Bà - CTCP	0100105870	Tòa nhà Sông Bà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đĩnh, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.103.000	26,86%	
Ông Trần Văn Ngự	017309764	B44, TT44 khu đô thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	843.128	7,30%	
			3.946.128	34,16%	

(Nguồn: DSCB của Công ty chốt ngày 20/09/2018 do VSD cung cấp)
4.1.2. Danh sách người có liên quan của cổ đông sở hữu từ 5% trở lên vốn của Công ty.

Bảng số 2: Danh sách người có liên quan của cổ đông cá nhân

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Mối quan hệ của người có liên quan
----	-------------	---------	-------------------------	------------------------	---

BẢN CẠO BÁCH

Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

I	Trần Văn Ngụ	B44, TT44 Khu đô thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	843.128	7,30%	
1	Đào Thị Rý	Nghĩa Thành, Nghĩa Hưng, Nam Định	0	0	Mẹ đẻ
2	Trần Thị Nhi	Nghĩa Thành, Nghĩa Hưng, Nam Định	0	0	Chị ruột
3	Trần Văn Bông	B44, TT14 KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	0	0	Em ruột
4	Trần Thị Nguyệt	B44, TT14 KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	0	0	Vợ
5	Trần Đức Minh	B44, TT14 KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	0	0	Con trai
6	Trần Đức Dũng	B44, TT14 KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	0	0	Con trai
7	Trần Đức Trí	B44, TT14 KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	0	0	Con trai
8	Trần Thị Phương Anh	B44, TT14 KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	0	0	Con gái

(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 11)

Danh sách tổ chức có liên quan của cổ đông cá nhân

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Chức vụ nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần
1	Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	BT03, Vị trí 24, Khu đô thị Xa La, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	Thành viên HĐTV	0%
2	Công ty cổ phần Sông Đà Hà Nội	Tầng 15 tháp A, Tòa nhà HH4 Mỹ Đình Sông Đà, Hà Nội	Thành viên HĐQT	0%

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

		Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội		
3	Công ty cổ phần Thủy điện To Bường	Bản Tin Tộc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, Sơn La	Thành viên	3,556%
4	Công ty cổ phần Thủy điện Đắk Đoa	Số 138 Tôn Đức Thắng, Yên Thế, TP. Pleiku, Gia Lai	Chủ tịch	0%
5	Công ty cổ phần Dầu tư điện mặt trời	Số nhà 1N7A, đường Nguyễn Thị Thập, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Thành viên	0%

(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà II)

Bảng số 3: Danh sách thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban TGD Tổng Công ty

Sông Đà - CTCP

I	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu tại SJE
1	Hồ Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	0%
2	Trần Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	0%
3	Nguyễn Văn Tùng	Thành viên HĐQT	0%
4	Phạm Văn Quân	Thành viên HĐQT	0%
5	Đảng Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	0%
II	Ban TGD Điều hành		
1	Trần Văn Tuấn	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc	0%
2	Phạm Đức Thành	Phó Tổng giám đốc	0%
3	Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng giám đốc	4,32%
4	Hoàng Ngọc Tú	Phó Tổng giám đốc	0%
5	Vũ Đức Quang	Kế toán trưởng	0%
III	Ban kiểm soát		
1	Phạm Văn Việt	Kiểm soát viên	0%
2	Nguyễn Văn Thăng	Kiểm soát viên	0%
3	Trần Thị Mỹ Hào	Kiểm soát viên	0%

(Nguồn: Tổng công ty Sông Đà - CTCP)
Danh sách các Công ty con, công ty góp vốn của Tổng công ty Sông Đà - CTCP

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu của TCT
1	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội	77,65%
2	Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Tầng 3 tòa nhà hỗn hợp TM, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, TP Hà Nội	63,82%
3	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội	63,3%
4	Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Tầng 10-11, khu B, tòa nhà HH4 Sông Đà Holding, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội	62,8%
5	CTCP Thủy điện Nậm Chiến	Tiểu khu 5, Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, Tỉnh Sơn La	58,58%
6	Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Tòa nhà TM - Khu ĐTM Văn Khê, P.La Khê, Q.Hà Đông, TP. Hà Nội	55,61%
7	Công ty Cổ phần Sông Đà 3	105 Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	51,84%
8	CTCP Dầu tư phát triển điện Sê San 3A	Số 96 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai	51%
9	CTCP PCCC & BTXD Sông Đà	Phòng 506, Tòa nhà CT1 – VIMECO, Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội	51%
10	Công ty Cổ phần Thủy điện Cản Đon	Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	50,96%
11	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucin	Tầng 5 - Nhà G10 - 493 Nguyễn Trãi Thanh Xuân Nam - Thanh Xuân - Hà Nội	50%
12	Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Tầng 8 khối A, tòa nhà sông Đà, đường Phạm Hùng, P. Mỹ Đình I, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội	49%
13	Công ty Cổ phần Someco Sông Đà	Lô A38 khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố HN	47,87%
14	CTCP Điện Việt - Lào	Tầng 9 Tháp B Tòa nhà HH4 - Đường Phạm Hùng - Phường Mễ Trì - Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội	44,77%
15	Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Km 10, đường Nguyễn Trãi, Thành phố Hà Đông, Hà Tây	39,71%
16	Công ty CP Phát triển nhà Khánh Hòa	03 Nguyễn Thiện Thuật, Nha Trang, Khánh Hòa	36%
17	Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Nhà G9 số 495 – Đường Nguyễn Trãi - Thanh Xuân Nam - Quận Thanh Xuân - Hà Nội	35,6%

18	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	Tòa nhà SUDICO, Đường Mễ Trì, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.	33,39%
19	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Tầng 7 Tòa nhà Hồn hợp Sông Đà Hà Đông - Đường Trần Phú - Hà Đông - Hà Nội	26,86%
20	CTCP Đầu tư phát triển Phú Riêng - Kratie	Huyện Phú Riêng – Tỉnh Bình Phước	25%

(Nguồn: Tổng công ty Sông Đà - CTCP)

4.2. Cổ đông sáng lập và tỷ lệ sở hữu cổ phần

Theo điều lệ là Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 11, danh sách cổ đông sáng lập của Công ty có 01 cổ đông, chi tiết như sau:

Bảng số 4: Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Tên cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ CP nắm giữ
1	Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Tòa nhà Sông Đà, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.103.000	26,86%

(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 11)

4.3. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 20/9/2018

Bảng số 5: Cơ cấu cổ đông của Công ty đến thời điểm ngày 20/9/2018

STT	Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần (CP)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	825	11.473.150	99,31%
1	Cổ đông tổ chức	19	3.104.029	26,87%
2	Cổ đông cá nhân	806	8.369.121	72,44%
II	Cổ đông nước ngoài	17	79.955	0,69%
1	Cổ đông tổ chức	01	20	0,00%
2	Cổ đông cá nhân	16	79.935	0,69%
III	Cổ phiếu quỹ	00	00	0,00%
Tổng cộng		842	11.553.105	100%

(Nguồn: DSCD của Công ty chốt ngày 20/09/2018 do VSD cung cấp)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty cổ phần Sông Đà 11
- 5.1. Công ty mẹ, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành: Không có
- 5.2. Công ty con, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối
- 5.2.1 Công ty con

- a) Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long
- Trụ sở: Nhà BT03 - VT24 - Khu đô thị Xa La - Phường Phúc La - Quận Hà Đông - TP. Hà Nội.
- Hoạt động kinh doanh chính: Xây dựng công trình điện
- Đến ngày 30/9/2018, SJF đã đầu tư số tiền 47.381.773.480 đồng, nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long.

- b) Công ty cổ phần Thủy điện To Bùng
- Trụ sở: Bản Tin Tộc, xã Tụ Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất truyền tải và phân phối điện
- Đến ngày 30/9/2018, SJF nắm giữ 5.600.000 cổ phiếu, tương ứng 70% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện To Bùng.

- c) Công ty cổ phần Thủy Điện Bát Đại Sơn
- Trụ sở: Số 182, đường Trần Hưng Đạo, tổ 5, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang
- Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; sản xuất truyền tải và phân phối điện
- Đến ngày 30/9/2018, SJF nắm giữ 3.548.576 cổ phiếu, tương ứng 56,71% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn.

- d) Công ty cổ phần Thủy điện Đăk Đoa
- Trụ sở: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Hoạt động kinh doanh chính: Đầu tư các công trình thủy điện; nhiệt điện; sản xuất truyền tải và phân phối điện
- Đến ngày 30/9/2018, SJF nắm giữ 5.407.590 cổ phiếu, tương đương 65,10% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Đăk Đoa.
- e) Công ty cổ phần Thủy điện Đăk Glei
- Trụ sở: Làng Đăk Nhoong, xã Đăk Nhoong, Huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum

- Hoạt động kinh doanh chính: Đầu tư các công trình thủy điện, nhiệt điện; sản xuất truyền tải và phân phối điện.
- Đến ngày 30/9/2018, SJE nắm giữ 70,4% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Đắk Glei

f) Công ty cổ phần Đầu tư Điện mặt trời

- Trụ sở: Số nhà 1N7A, đường Nguyễn Thị Thập, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Đến ngày 30/9/2018, SJE nắm giữ 2.311.000 cổ phiếu, tương đương với 94,5% vốn thực góp của Công ty cổ phần Đầu tư điện Mặt trời

5.2.2 Các chi nhánh

a) Chi nhánh Sông Đà 11.1

- Trụ sở: Xã Ít ong - huyện Mường La - tỉnh Sơn La.
- Điện thoại: 0231 388 4658. - Fax: 0231 388 6656.

b) Chi nhánh Sông Đà 11.5

- Trụ sở: Phường Hà Khánh - TP. Hà Long - Tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: 033 626 745. - Fax: 033 625 352.
- VPBD tại Hà Nội: Nhà B42 - TT14 - Khu đô thị Văn Quán - Văn Quán - Quận Hà Đông - TP. Hà Nội.

- Điện thoại: 04 6293 3996. - Fax: 04 3354 7788.

c) Chi nhánh Sông Đà 11 tại Miền Nam

- Trụ sở: Lô 74 - 76C, KP 3 - Phường Long Bình Tân - TP Biên Hoà - Đồng Nai
- Điện thoại: (84) 0616606133 - Fax: (84) 0616291347

d) Nhà máy Thủy điện Thác Trảng:

- Trụ sở: Xã Nà Nhàn - Huyện Điện Biên - Tỉnh Điện Biên.
- Điện thoại: 0230 392 3008. - Fax: 0230 392 3006

5.3. Danh sách công ty liên kết: Không có

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Cùng với sự phát triển kinh tế xã hội, Công ty ngày càng phát triển mạnh hơn và đã triển khai nhiều dự án lớn. Để đảm bảo nguồn tài chính cho hoạt động của mình, Công ty cổ phần Sông Đà 11 đã tăng vốn điều lệ 3 lần từ số vốn ban đầu 20.000.000.000 đồng lên 115.531.050.000 đồng như ngày hôm nay. Chi tiết lần tăng vốn điều lệ của Công ty như sau:

Bảng số 6: Tổng hợp quá trình tăng vốn của Công ty

Đơn vị: đồng

Thời gian	Vốn DL trước phát hành thêm	Vốn DL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Giai đoàn 1/1/2007 đến 23/10/2007	20.000.000.000	50.000.000.000	Phát hành cổ phiếu bán cho cổ đông hiện hữu, SLCP chào bán 1.500.000 cổ phiếu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu; Phát hành cổ phiếu bán ra công chúng theo hình thức đấu giá tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. SLCP chào bán 1.500.000 cổ phiếu.	- Nghị quyết số 01/NQ-DHBCĐ ngày 29/3/2007 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2006 Công ty cổ phần Sông Đà 11; - Quyết định số 58/SDD11-HBQT ngày 24/5/2007 về việc phê duyệt giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần; - Quyết định số 121/UBCK-BKCB ngày 5/7/2007 của Chủ tịch UBNDNN Cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty cổ phần Sông Đà 11; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần thay đổi lần thứ 3 ngày 18/10/2007
1/7/2010 đến 10/11/2010	50.000.000.000	79.968.970.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu, SLCP phát hành 2.197.756 cổ phiếu với giá chào bán 10.000 đồng/CP Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức, SLCP phát hành 799.141 cổ phiếu với giá bán 10.000 đồng/CP	- Nghị quyết số 01/NQ-DHBCĐ ngày 21/4/2010 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 11 thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Sông Đà 11 từ 50.000.000.000 đồng lên 80.000.000.000 đồng - Quyết định số 26/QĐ-SD11-HBQT ngày 20/6/2010 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 11 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ;

11 Tháng Long;	- Quyết định số 38/GCN-UBCK ngày 3/9/2013 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc cấp giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi cho Công ty cổ phần Sông Đà 11			
----------------	--	--	--	--

Lần 1: Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán cổ phiếu ra công chúng theo hình thức bán đấu giá tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Vốn điều lệ ban đầu: 20.000.000.000 đồng (tương đương 2.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
- Số vốn tăng thêm: 30.000.000.000 đồng (tương đương 3.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)

Về phát hành cổ phiếu bán cho cổ đông hiện hữu

Số lượng cổ phiếu: 1.500.000 cổ phiếu

Gia phát hành: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu

Đổi tương phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu

Về phát hành cổ phiếu bán ra công chúng theo hình thức đấu giá tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội

Số lượng cổ phiếu: 1.500.000 cổ phiếu

Gia khởi điểm: 30.000 đồng/cổ phiếu

Gia đầu thành công bình quân: 30.011 đồng/cổ phiếu

Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0303000212 ngày 18/10/2007 với số vốn điều lệ 50 tỷ đồng

Lần 2: Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tăng vốn từ 50.000.000.000 đồng lên 79.968.970.000 đồng

- Vốn điều lệ trước đợt phát hành: 50.000.000.000 đồng (tương đương 5.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
- Số vốn tăng thêm: 29.968.970.000 đồng (tương đương 2.996.897 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)

- Kết thúc đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức, số lượng và loại cổ phiếu đến thời điểm 10/11/2010 là:
- Tổng số cổ phiếu: 7.996.897 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá trị cổ phiếu: 79.968.970.000 VNĐ

<p>- Quyết định số 633/UBCK-GCN ngày 10/8/2010 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng;</p> <p>- Quyết định số 68/SDĐ11-HĐQT ngày 5/11/2010 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 11 về việc phê duyệt phương án xư lý cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu không hết.</p>	<p>- Nghị quyết số 01/NQ-BHĐCB ngày 24/6/2013 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Sông Đà 11 thông qua phương án sáp nhập Công ty cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long và Công ty cổ phần Dầu tư và Xây lắp Sông Đà 11 bằng hình thức hoán đổi cổ phiếu;</p> <p>- Nghị quyết số 37 và số 58 NQ/HĐQT ngày 22/7/2013 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 11 về việc thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu ra công chúng theo phương thức hoán đổi cổ phiếu để thực hiện sáp nhập Công ty cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long và Công ty cổ phần Dầu tư và Xây lắp Sông Đà 11;</p> <p>- Hợp đồng sáp nhập 5/7/2013 giữa Công ty cổ phần Sông Đà 11 và Công ty cổ phần Dầu tư và Xây lắp Sông Đà 11;</p> <p>- Hợp đồng sáp nhập 22/7/2013 giữa Công ty Cổ phần Sông Đà 11 và Công ty cổ phần Sông Đà 11 và Công ty cổ phần Sông Đà</p>			
				<p>Phát hành cổ phiếu tăng vốn</p>
				<p>điều lệ theo hình thức hoán đổi cổ phiếu</p>
			<p>3/9/2013 đến 11/10/2013</p>	<p>13</p>
79.968,9	115.531.050.000			

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.

■ Dựa theo Báo cáo tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu từ ngày 01/7/2010 đến ngày 30/09/2010 của Công ty cổ phần Sông Đà 11 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C – Chi nhánh Hà Nội, tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành của Công ty như sau:

➢ Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 số 01/NQ-BHCBĐ ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 11 về việc kế hoạch sử dụng vốn từ đợt phát hành cổ phiếu từ 50.000.000.000 VND lên 79.968.970.000 VND như sau:

- Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần thủy điện To Bùng: 3 tỷ đồng;
- Đầu tư dự án năng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2010: 7 tỷ đồng;
- Đầu tư thực hiện dự án khu dân cư Vinh Thanh – Nhon Trách – Đồng Nai: 20 tỷ đồng.

➢ Căn cứ vào tình hình thực tế, tiến độ đầu tư, số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu từ 50.000.000.000 VND lên 79.968.970.000 VND, Công ty đã sử dụng vốn như sau:

STT	Tên dự án	Thực tế	Phương án
1.	Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần thủy điện To Bùng	4.700.000.000	3.000.000.000
2.	Đầu tư dự án năng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2010	7.323.810.479	7.000.000.000
3.	Đầu tư thực hiện dự án khu dân cư Vinh Thanh – Nhon Trách – Đồng Nai(*)		20.000.000.000
4.	Thanh toán, tạm ứng tiền hàng cho nhà cung cấp(*)	20.080.972.049	
	Cộng	32.104.782.528	30.000.000.000
	Sử dụng nguồn vốn điều lệ	29.968.970.000	
	Chênh lệch	2.135.812.528	

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu từ ngày 01/7/2010 đến ngày 30/09/2010 của Công ty cổ phần Sông Đà 11)
Trong đó, phần chênh lệch được lấy từ nguồn vốn khác của Công ty.

(*) Theo Quyết định 197/QĐ-HĐQT ngày 19 tháng 7 năm 2013, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 11 thông nhất sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu năm 2010 còn lại (khoảng 20.000.000.000 VND, số tiền theo kế hoạch đầu tư vào dự án khu dân cư Vĩnh Thanh – Nhơn Trạch – Đồng Nai) bổ sung vào nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013 của Công ty.

Y kiến của kiểm toán viên:

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 VND lên 79.968.970.000 VND của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 từ ngày 01 tháng 7 năm 2010 đến ngày 30 tháng 9 năm 2013, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và phù hợp với cơ sở lập Báo cáo như trình bày tại thuyết minh số II.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn."

Cơ sở kế toán:

"Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý đến thuyết minh số II.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn về cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Báo cáo này chỉ được sử dụng để tổng hợp tình hình sử dụng vốn của Công ty, không mở rộng ra cho toàn bộ Báo cáo tài chính của Công ty và được lập để giúp Công ty Cổ phần Sông Đà 11 đáp ứng yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước. Vì thế, Báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác."

Lần 3: Chào bán cổ phiếu ra công chúng theo phương thức hoán đổi cổ phiếu để thực hiện sáp nhập Công ty cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11

- Vốn điều lệ trước đợt phát hành: 79.968.970.000 đồng (tương đương 7.996.897 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
- Số vốn tăng thêm: 35.562.080.000 đồng (tương đương 3.556.208 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
- Phương thức phân phối cổ phiếu

Phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi cổ phần của Công ty cổ phần Sông Đà 11 – Thăng Long (SEL) và Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11 (SINCO) theo phương án được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24/6/2013 của Công ty cổ phần Sông Đà 11. Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 3.556.208 cổ phiếu. Trong đó:

- Phát hành 2.880.000 cổ phiếu để hoán đổi 3.200.000 cổ phiếu của SEL
- Phát hành 676.208 cổ phiếu để hoán đổi 1.040.320 cổ phiếu của SINCO

▪ Phương thức thực hiện phân phối cổ phiếu:

- Tỷ lệ hoàn đổi cổ phiếu SJE và SEL là 0,9:1 (Cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu SEL được nhận 90 cổ phiếu SJE)
 - Tỷ lệ hoàn đổi cổ phiếu SJE và SINCO là 0,65:1 (Cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu SINCO được nhận 65 cổ phiếu SJE)
- Đội tượng thực hiện:
- Các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách của SEL và SINCO để hưởng quyền hoàn đổi cổ phiếu để lấy cổ phiếu của SJE.
 - Cổ đông SEL đã lưu ký sẽ nhận cổ phiếu SJE tại thành viên lưu ký.
 - Cổ đông SINCO và cổ đông của SEL chưa lưu ký sẽ nhận giấy chứng nhận sở hữu cổ phần SJE tại trụ sở chính của SEL và SINCO (kèm theo chứng minh nhân dân và Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần)

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

7.1.1. Sản phẩm, dịch vụ:

Hoạt động kinh doanh của SJE hiện đang tập trung vào 03 lĩnh vực chính (xây lắp, đầu tư dự án thủy điện, kinh doanh góp chủ yếu vào tổng doanh thu hiện tại là mảng xây lắp (xây dựng các công trình đường dây và trạm biến áp, xây dựng công hệ thống cấp và thoát nước, xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, hạ tầng kỹ thuật). Hoạt động này đóng góp khoảng 80% tổng doanh thu cho Công ty. Địa bàn hoạt động của Công ty trải dài khắp 3 miền Bắc, Trung, Nam. Ngoài ra, Công ty còn đạt được những thành công nhất định khi mở rộng các dự án xây lắp sang nước bạn Lào.

Định hướng trong dài hạn của SJE sẽ tập trung vào 02 mảng kinh doanh chính trong đó xây lắp vẫn giữ vai trò chủ đạo chiếm khoảng 60%, kinh doanh điện thương phẩm 30% và các hoạt động kinh doanh khác chiếm 10%.

7.1.2. Các hoạt động chính của Công ty

❖ Hoạt động xây lắp

Xây lắp là hoạt động truyền thống của SJE đóng góp khoảng 70-80% tổng doanh thu. Tiền thân của SJE là Đội điện nước thuộc Công ty xây dựng thủy điện Thác Bà, với hơn 55 năm kinh nghiệm, cùng với đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật lành nghề có trình độ cao. Hiện nay, Công ty cổ phần Sông Đà 11 được đánh giá là một trong những đơn vị có năng lực thi công hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng đường dây truyền tải điện, trạm biến áp cấp điện áp 500KV; xây dựng hệ thống cấp và thoát nước. Công tác đầu thầu, lập dự toán thi công được thực hiện bài bản nên công ty có khả năng cạnh tranh và trúng thầu nhiều công trình trọng điểm và hiệu quả của các Chủ đầu tư như EVN,

Ngoài ra, SJE còn có khả năng đảm nhận vai trò Tổng thầu xây lắp đối với các công trình thủy điện vừa và nhỏ. Các công trình tiêu biểu mà SJE đã và đang tham gia như thi công BZ 500KV Long Phú - Ô Môn, BZ 220KV Long Phú - Sóc Trăng, BZ 110KV Phong Thổ - Thanh Uyên, BZ 220KV đầu nối Nhà máy Thủy điện Nho Quế 1, BZ 110KV Thường Tín - Thanh Oai, BZ 110KV Bến Lức - Long Thành; hoàn thành tiến độ đưa vào đóng điện công trình BZ220KV Trục Ninh cắt BZ220KV Ninh Bình - Nam Định, BZ 110KV Thường Tín - Thanh Oai, BZ 110KV Nho Quế 1, BZ 500KV Long Phú - Ô Môn, BZ 220KV Long Phú - Sóc Trăng, BZ 110KV Phong Thổ - Thanh Uyên, BZ 110KV Bến Lức - Long Thành. Quyết toán xong công trình BZ220KV Trục Ninh cắt BZ220KV Ninh Bình - Nam Định, BZ 220KV Phan Thiết - Phú Mỹ 2, BZ 110KV Thường Tín - Thanh Oai, BZ 110KV Nho Quế 1. Hiện, Công ty đang vận hành và khai thác tốt một số nhà máy thủy điện với tổng công suất trên 30MW.

❖ Hoạt động kinh doanh điện

Kinh doanh điện là một trong hai lĩnh vực hoạt động chính của SJE mang lại doanh thu cho Công ty. Theo định hướng dài hạn của công ty, mảng kinh doanh điện sẽ đóng góp 30% tổng doanh thu. Hiện nay, nhằm phát triển mạnh hơn vào lĩnh vực này, Công ty đã và đang đầu tư vào các Công ty con và các chi nhánh chuyên về sản xuất, truyền tải và phân phối điện như: Công ty cổ phần Thủy điện To Bùng, Công ty cổ phần Thủy điện Đak Đoa, Công ty cổ phần Thủy điện Bat Đại Sơn, Nhà máy Thủy điện Thác Trảng, ... Niềm vui lớn của Công ty trong năm 2017, Nhà máy Thủy điện Đông Khùa đã hòa vào lưới điện quốc gia tháng 11/2017, đây là dự án tăng giá trị đầu tư. Công ty cổ phần Thủy điện ĐakGlei là chủ đầu tư dự án thủy điện Đak Pru 1 đang trong giai đoạn lắp máy, chuẩn bị phát điện thương mại vào tháng 11/2018. Trong thời gian tới, Công ty dự kiến đầu tư vào dự án Nhà máy Điện mặt trời Phong Phú để tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh điện, mang lại lợi nhuận, hiệu quả và tạo ra dòng tiền đều cho Công ty.

Ngoài ra, Công ty đã thực hiện hợp tác khai thác, sản xuất và kinh doanh đã xây dựng đối với mô tả Suối Nậy. Công ty đã phối hợp với Cty TNHH Xây dựng và Thương mại Nghĩa Tân. Bước đầu đã nâng cao được sản lượng khai thác và hiệu quả của dự án.

7.1.3. Giá trị sản phẩm, dịch vụ qua các năm:

❖ Cơ cấu Tổng doanh thu của Công ty

Bảng số 7: Cơ cấu Tổng doanh thu của công ty mẹ

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		9 tháng đầu năm 2018	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%

Đơn vị: đồng

		TDT		TDT		TDT
	Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	759.606.719.610	95,92	455.467.928.915	89,20	365.769.640.792
1						94,55
1.1	Doanh thu bán điện thương phẩm	26.144.345.877	3,30	25.861.160.202	5,06	17.512.912.543
1.2	Doanh thu hợp đồng xây dựng	710.415.997.375	89,70	406.105.656.008	79,53	308.880.474.124
1.3	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	23.046.376.358	2,91	23.501.112.705	4,60	39.376.254.125
2	Doanh thu hoạt động tài chính	20.161.340.124	2,55	14.142.826.096	2,77	13.873.657.693
3	Thu nhập khác	12.189.986.424	1,54	41.006.456.880	8,03	7.223.030.386
I	Tổng cộng doanh thu	791.958.046.158	100,00	510.617.211.891	100,00	386.866.328.871
II	Tổng chi phí	733.074.778.532	92,56	438.508.401.065	85,88	353.096.881.897
I	Giá vốn hàng bán	675.446.671.884	85,29	368.905.571.698	72,25	312.030.469.237
2	Chi phí tài chính	6.055.082.527	0,76	9.581.984.998	1,88	10.792.300.521
3	Chi phí bán hàng	0	0,00	0	0,00	0
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	49.346.867.899	6,23	40.975.149.171	8,02	29.734.455.387
5	Chi phí khác	2.226.156.222	0,28	19.045.695.198	3,73	539.656.752
III	Lợi nhuận					
1	Lợi nhuận trước thuế	58.883.267.626	7,44	72.108.810.826	14,12	33.769.446.974
2	Lợi nhuận sau thuế	51.572.648.062	6,51	60.185.109.585	11,79	28.489.894.992

(Người: BCTC kiểm toán 2017, BCTC tự lập công ty mẹ 9 tháng đầu năm 2018 công ty mẹ)

Bảng số 8: Cơ cấu Tổng doanh thu của công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: đồng

TT	Chi tiêu	Năm 2016		Năm 2017		9 tháng đầu năm 2018
		Giá trị	TDT %	Giá trị	TDT %	Giá trị %
1	Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	968.875.469.382	97,11	702.425.437.114	92,64	371.833.669.327
1.1	Doanh thu bán hàng hóa	2.517.722.035	0,25	265.480.500	0,04	0
1.2	Doanh thu bán điện thương phẩm	108.367.022.524	10,86	139.027.632.650	18,33	108.730.851.926
						28,52

TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Doanh thu của Công ty có sự biến động tùy thuộc vào sự ảnh hưởng của các yếu tố bên trong và bên ngoài. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là nguồn đem lại doanh thu chính cho Công ty trong giai đoạn 2016-2017 và 9 tháng đầu năm 2018. Doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty năm 2016 đạt 759,6 tỷ, chiếm 95,92% tổng doanh thu. Doanh thu thuần hợp nhất cũng đạt 968,8 tỷ, chiếm 97,11% tổng doanh thu. Trong đó, doanh thu từ hoạt động xây lắp luôn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu. Năm 2016, doanh thu từ hoạt động xây lắp của công ty mẹ đạt 710,4 tỷ, chiếm 89,70% tổng doanh thu. Doanh thu xây lắp hợp nhất đạt 823,4 tỷ đồng, chiếm 82,53% tổng doanh thu. Năm 2017, doanh thu hoạt động xây lắp của công ty mẹ có sự sụt giảm mạnh so với năm trước đó, xuống còn 406,1 tỷ. Doanh thu hoạt động xây lắp hợp nhất cũng giảm xuống giảm xuống còn 539,3 tỷ, chiếm 71,13% tổng doanh thu. Mảng kinh doanh truyền thông của Công ty có sự sụt giảm trong doanh thu do gặp phải những khó khăn chung của ngành điện trong năm 2017, thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt khiến công tác đầu thầu gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ trúng thầu thấp. Sự sụt giảm doanh thu của hoạt động chính cũng khiến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2017, BCTC tự lập hợp nhất 9 tháng đầu năm 2018)

2	Lợi nhuận sau thuế	37.764.286.077	3,78	84.864.472.934	11,19	26.812.230.178	7,03
1	Lợi nhuận trước thuế	45.213.670.518	4,53	100.482.095.104	13,25	28.633.730.925	7,51
III	Lợi nhuận						
5	Chi phí khác	4.107.381.367	0,41	22.120.483.873	2,92	1.609.342.290	0,42
4	Chi phí QLDN	82.712.018.643	8,29	61.253.840.420	8,08	44.979.414.024	11,80
3	Chi phí bán hàng	0	0,00	0	0,00	0	0,00
2	Chi phí tài chính	42.022.599.544	4,21	48.608.685.133	6,41	37.104.893.279	9,73
1	Giá vốn hàng bán	823.615.519.481	82,55	525.801.059.626	69,34	268.934.562.380	70,54
II	Tổng chi phí	952.457.519.035	95,47	657.784.069.052	86,75	352.628.211.973	92,49
I	Tổng cộng doanh thu	997.671.189.553	100	758.266.164.156	100	381.261.942.898	100
3	Thu nhập khác	26.060.412.973	2,61	48.970.079.608	6,46	7.258.121.295	1,90
2	Doanh thu hoạt động tài chính	2.735.307.198	0,27	6.870.647.434	0,91	2.170.152.276	0,57
1.4	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	34.579.755.583	3,47	23.804.171.028	3,14	19.805.656.725	5,19
1.3	Doanh thu hoạt động xây dựng	823.410.969.240	82,53	539.328.152.936	71,13	243.297.160.676	63,81

2017 của công ty mẹ chỉ đạt 455,4 tỷ đồng, giảm khoảng 43% so với năm trước. Đối mặt với những khó khăn trên ngành điện trong năm 2017, Công ty vẫn tăng cường hoạt động đầu tư kinh doanh điện thương phẩm nên doanh thu từ hoạt động này tuy không có sự tăng trưởng về giá trị nhưng có xu hướng chiếm tỷ trọng cao hơn cơ cấu doanh thu. Năm 2017, Doanh thu từ hoạt động bán điện thương phẩm của công ty mẹ đạt 25,8 tỷ đồng, chiếm 5,06% tổng doanh thu, cao hơn so với mức 3,30% của năm 2016. Doanh thu hợp nhất của hoạt động này cũng đạt 139 tỷ đồng, chiếm 18,33% tổng doanh thu của. Tuy có sự sụt giảm đáng kể về doanh thu của Công ty trong năm 2017 so với 2016, nhưng lợi nhuận sau thuế có xu hướng tăng lên rõ rệt. Tổng doanh thu của công ty mẹ năm 2016 cao gấp 1,55 lần so với năm 2017 nhưng lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ năm 2017 đạt 60.185.109.585 đồng, gấp 1,17 lần so với năm 2016. Điều này cho thấy những nỗ lực trong việc quản lý các loại chi phí, tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

9 tháng đầu năm 2018, Tổng doanh thu của Công ty mẹ đạt 386.866.328.871 đồng, tổng doanh thu hợp nhất đạt 381.261.942.898 đồng. Trong đó, nguồn thu từ hoạt động xây lắp vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Doanh thu hợp nhất từ hoạt động bán điện thương phẩm chiếm 28,52% tổng doanh thu. Trong khi đó, con số này tại thời điểm 31/12/2017 đạt 18,33%. Đây là một nỗ lực rất lớn của Công ty trong công tác phát triển, mở rộng thị trường cung ứng sản phẩm, tăng cường năng lực cạnh tranh, năng lực tài chính, đồng thời hướng tới mục tiêu phát triển mạnh lĩnh vực kinh doanh điện của mình.

Doanh thu từ hoạt động tài chính và thu nhập khác chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu trong giai đoạn 2016-2017 và 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty.

7.2. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của Công ty.

Trong giai đoạn 2016-2017, Công ty cổ phần Sông Đà 11 đã thực hiện đầu tư, xây dựng các dự án sau:

- Đầu tư năng cao năng lực thi công: Đầu tư máy móc, thiết bị kéo dây đồng bộ và hiện đại, nhằm nâng cao năng suất lao động và làm chủ tiến độ các công trình;
- Góp vốn vào Công ty cổ phần thủy điện Đăk Glai để đầu tư xây dựng dự án thủy điện Đăk Pru 1 (công suất 7MW) tại tỉnh Kon Tum;
- Đầu tư vào Công ty cổ phần Dầu từ Điện Mặt Trời để thực hiện dự án Nhà máy điện mặt trời Phong Phú (công suất 42MWp) tại huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

7.3. Nguyên vật liệu

7.3.1. Nguồn nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu là một trong những yếu tố cơ bản và quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Nguồn nguyên liệu của Công ty được sử dụng chủ yếu từ cát, đá, phụ gia bê tông,....

Đội tác cung cấp và đánh giá sự ổn định của các nguồn cung cấp nguyên vật liệu: Một số nhà cung cấp thường xuyên của Công ty:

Bảng số 9: Các nhà cung cấp nguyên vật liệu thường xuyên của Công ty

Thông tin nhà cung cấp	Trụ sở chính
Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn và Cơ khí Bình Dương	Thôn Lương Nổ, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội
Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	Lô A38 - Khu Dịch vụ Đông Dưa - P. Hà Cầu - Q. Hà Đông - TP. Hà Nội
Công ty cổ phần Thành Long	Số 763 - Ngõ gia tự - Đức Giang - Long biên - Hà Nội
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khánh Hưng	Số 8 TT2B khu DT Văn quán, Yên Phúc, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Hà Nội
Công ty TNHH Hưng Hiệp	Số 55, Thị trấn Phú Minh, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội
Công ty cổ phần Tập đoàn Hanaka	Từ Sơn, Bắc Ninh
Công ty TNHH Cấp điện lực Kevil Việt Nam	Số 116 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
Công ty cổ phần Monotech Việt Nam	Số 126A, đường Kinh Kinh Dương Vương, Phường Vũ Ninh, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
Công ty TNHH Nhất Nước	Phòng 4.4, Tòa nhà Vimeco, Lô E9, Đường Phạm Hùng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 11)

Y thức được tầm quan trọng của sự ổn định của nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây lắp, vì vậy Công ty luôn chủ động tìm kiếm và quản lý các nguồn cung cấp nguyên vật liệu. Các nhà cung cấp nguyên vật liệu cho Công ty là những doanh nghiệp có uy tín lâu năm trên thị trường. Trên cơ sở khảo sát thị trường, Công ty cung cấp đầy đủ thông tin về nguyên vật liệu cần sử dụng, tập hợp đánh giá khả năng cung cấp sản phẩm của các nhà cung ứng, lựa chọn nhà cung ứng phù hợp và thực hiện việc ký hợp đồng và kiểm soát quá trình thực hiện hợp đồng.

Việc lựa chọn, đánh giá nhà cung cấp được thực hiện thường xuyên, phù hợp với

từng dự án đảm bảo nguyên vật liệu được cung cấp ổn định, đầy đủ, đạt yêu cầu về chất lượng, đặc tính kỹ thuật, có chứng chỉ xuất xứ hàng hoá rõ ràng. Công ty thực hiện việc thanh toán đúng hạn cho nhà cung cấp, giúp họ an tâm thực hiện cung cấp theo đúng hợp đồng đã ký kết.

7.3.2. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Đối với doanh nghiệp xây lắp, biến động giá nguyên vật liệu ảnh hưởng trực tiếp và sâu sắc tới kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi giá vật liệu tăng thì giá vốn hàng bán tăng ngay trong khi việc điều chỉnh dự toán xây dựng công trình, điều chỉnh giá gói thầu với chủ đầu tư được thực hiện sau. Dẫn đến lợi nhuận biên của doanh nghiệp giảm xuống. Tuy nhiên, đối với công ty việc biến động giá của nguyên vật liệu ít tác động đến do nguồn cung cấp nguyên vật liệu của công ty ổn định, đối tác cung cấp là những doanh nghiệp lớn và có uy tín trên thị trường. Ngoài ra, khi thực hiện hợp đồng, công ty thường tính toán một lượng nguyên vật liệu và ký hợp đồng với đối tác cung cấp nhằm giảm thiểu tác động của biến động giá nguyên nhiên vật liệu. Bên cạnh đó, đối tác cung cấp của công ty cũng có sự thay đổi theo từng thời kỳ, địa điểm thực hiện công trình, dự án của công ty, công ty có nhiều sự lựa chọn nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh.

7.4. Chi phí sản xuất

Bảng số 10: Chi phí sản xuất kinh doanh qua các năm của Công ty (Công ty mẹ)

Đơn vị: đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2016		Năm 2017		9 tháng đầu năm 2018	
	Gia trị	TDT %	Gia trị	TDT %	Gia trị	TDT %
Gia vốn hàng bán	675.446.671.884	85,29	368.905.571.698	72,25	312.030.469.237	80,66
Chi phí tài chính	6.055.082.527	0,76	9.581.984.998	1,88	10.792.300.521	2,79
Chi phí bán hàng	0	0,00	0	0,00	0	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	49.346.867.899	6,23	40.975.149.171	8,02	29.734.455.387	7,69
Chi phí khác	2.226.156.222	0,28	19.045.695.198	3,73	539.656.752	0,14
Tổng chi phí	733.074.778.532	92,56	438.508.401.065	85,88	353.096.881.897	91,27

(Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán 2017, BCTC tự lập công ty mẹ 9 tháng đầu năm 2018)

Bảng số 11: Chi phí sản xuất kinh doanh qua các năm của Công ty (Hợp nhất)

Yếu tố chi phí	Năm 2016		Năm 2017		9 tháng đầu năm 2018	
	Gia trị	TDT %	Gia trị	TDT %	Gia trị	TDT %
Gia vốn hàng bán	823.615.519.481	82,55	525.801.059.626	69,34	268.934.562.380	70,54
Chi phí bán hàng	0		0		0	

Chi phí tài chính	42.022.599.544	4,21	48.608.685.133	6,41	37.104.893.279	9,73
Chi phí quản lý doanh nghiệp	82.712.018.643	8,29	61.253.840.420	8,08	44.979.414.024	11,80
Chi phí khác	4.107.381.367	0,41	22.120.483.873	2,92	1.609.342.290	0,42
Tổng chi phí	952.457.519.035	95,47	657.784.069.052	86,75	352.628.211.973	92,49

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2017, BCTC tự lập hợp nhất 9 tháng đầu năm 2018)

Do đặc thù ngành nghề kinh doanh của Công ty là lĩnh vực xây lắp nên tổng chi phí hoạt động của công ty vẫn chiếm tỷ trọng cao trong tổng doanh thu của công ty, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty. Theo số liệu báo cáo hợp nhất của Công ty, năm 2016, tỷ lệ tổng chi phí so với tổng doanh thu là 95,47%. Năm 2017, tổng chi phí chiếm 86,75% tổng doanh thu, giảm 8,72%. Trong đó, sự giảm tỷ trọng giá vốn hàng bán trong cơ cấu chi phí chính là yếu tố góp phần quan trọng trong việc giảm chi phí hoạt động của công ty. Mặc dù vậy, do đặc thù hoạt động xây lắp, giá vốn hàng bán là chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí của Công ty, bình quân khoảng 70-80% tổng chi phí của công ty.

Trong giai đoạn 2016-2017, chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty mẹ có xu hướng tăng lên và chiếm tỷ trọng khoảng từ 6-8% tổng chi phí của Công ty. Trong giai đoạn này, Công ty không phát sinh chi phí bán hàng.

Chi phí tài chính năm 2017 theo báo cáo hợp nhất là 48.608 triệu đồng, trong đó chi phí lãi vay lên tới 41.962 triệu đồng, lớn hơn khá nhiều so với 38.270 triệu đồng năm 2016 do Công ty có phát sinh một số khoản vay lớn trong năm 2017. Số dư vay nợ ngắn hạn cuối năm 2017 giảm khoảng 99.357 triệu đồng so với cuối năm 2016. Tuy nhiên, số dư vay nợ dài hạn tăng khoảng 125.971 triệu đồng so với cuối năm 2016. Đây cũng là một trong những nguyên nhân khiến chi phí tài chính năm 2017 tăng lên.

Đến 30/09/2018, Giá vốn hàng bán của công ty mẹ khoảng 312 tỷ, chiếm 80,66% tổng doanh thu, còn theo báo cáo hợp nhất khoảng 269 tỷ đồng, chiếm 70,54% tổng doanh thu. Chi phí tài chính theo báo cáo hợp nhất là 37.104.893.279 đồng, trong đó chi phí lãi vay là 35.131.412.016 đồng chiếm 94,68% chi phí tài chính. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lên đáng kể, từ mức chiếm 8,08% vào cuối năm 2017 lên 11,80% vào cuối quý 3 năm 2018.

7.5. Trình độ công nghệ

Danh mục một số máy móc, thiết bị công ty đang sử dụng, bao gồm:

Bảng số 12: Danh mục máy móc thiết bị thi công của Công ty cổ phần Sông Đà 11

TT	Tên máy móc, thiết bị	Nước/ nơi sản xuất	Công suất	SP sản xuất/ thi công	Số lượng	Giá trị (trệu đồng)
----	-----------------------	--------------------	-----------	-----------------------	----------	---------------------

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

TT	Tên máy móc, thiết bị	Nước/ nơi sản xuất	Công suất	SP sản xuất/ thi công	Số lượng	Giá trị (trệu đồng)
1	Máy nén khí VF	Trung Quốc	37kW/380v	DZ&TBA	02	220
2	Máy khoan đá	Trung Quốc	4kW/380v	DZ&TBA	01	88
3	Máy toàn đạc điện tử	Trung Quốc		DZ&TBA	01	75
4	Máy ép dầu cốt thủy lực 100 tấn	Việt Nam	100 tấn	DZ&TBA	4	580
5	Cùm bom ép 100 tấn	Việt Nam		DZ&TBA	05	725
6	Máy tời 5 tấn	Việt Nam	21,1HP-3600v/p	DZ&TBA	11	1529
7	Máy kéo ra dây 5 tấn	Việt Nam	5 tấn	DZ&TBA	02	279
8	Máy kéo ra dây 5 tấn	Việt Nam	5 tấn	DZ&TBA	01	139
9	Máy tời kéo thiết giáp 10 tấn	Việt Nam	10 tấn	DZ&TBA	3	375
10	Máy thăng thủy lực	Việt Nam		DZ&TBA	2	522
11	Máy kéo cáp lực 9 tấn	Trung Quốc	121kW/2500v/p	DZ&TBA	01	1.107
12	Máy băm 8 tấn 2 dây	Trung Quốc	51kW-250v/p	DZ&TBA	2	2.146
13	Cần bích xoay	Việt Nam	2,9T tại R=3,7m	DZ&TBA	19	889

(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 11)

7.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

7.6.1. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Xác định mục tiêu phát triển bên vững phải đi từ yêu cầu chất lượng, Công ty quản lý chất lượng từ các giải pháp kiểm soát chất chế hệ thống tại các công trình cũng như tại các đơn vị trực thuộc; kiểm tra, kiểm soát tiến độ, hoàn thành hồ sơ chất lượng phục vụ nhiệm vụ kỹ thuật, nghiệm thu thanh toán và quyết toán các công trình.

Hiện nay, Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 vào

trong các hàng mục công việc xây lắp công trình dân dụng và công nghiệp; Khai thác và cung ứng đá dăm,... Việc áp dụng ISO 9001 sẽ giúp cho công ty tạo được cách làm việc quản trong công việc, chuẩn hóa các quy trình hoạt động, nâng cao năng lực trách nhiệm cũng như ý thức của cán bộ công nhân viên.

Công tác bảo hộ và an toàn lao động đã được chú trọng, nhất là công tác an toàn điện tại các trạm bơm nước hồ móng và thi công trên cao. Ngoài ra, để đảm bảo việc vận hành các nhà máy điện đạt chất lượng, đảm bảo công suất, công ty đã kiểm tra, đón đón công tác bảo dưỡng thiết bị của Nhà máy Thủy điện Thác Trảng, Thủy điện Đắk Đoa, Thủy điện Sông Miên. Đảm bảo an toàn phát điện trong mùa mưa, đồng thời theo dõi, giải quyết các công việc liên quan đối với thiết bị các Nhà máy Thủy điện To Bông, công tác quản lý xe máy, thiết bị phục vụ thi công tại các đơn vị trực thuộc.

7.6.2. Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty

Như đã đề cập ở trên, việc đảm bảo chất lượng và tiến độ của các hợp đồng được Công ty đặc biệt quan tâm. Việc kiểm tra chất lượng được thực hiện thông qua việc giám sát để theo dõi chặt chẽ tiến độ thực hiện của từng dự án cũng như chất lượng công trình. Đội ngũ cán bộ của Công ty liên tục được đào tạo bổ sung nghiệp vụ và học tập, nâng cao kiến thức chuyên sâu, trong đó, các cán bộ chủ chốt trong ban chỉ huy công trình được trang bị, đào tạo các nghiệp vụ về tư vấn giám sát, quản lý kỹ thuật, phòng cháy chữa cháy,... Ngoài ra, chất lượng dịch vụ của Công ty luôn được kiểm soát chặt chẽ bởi các bộ phận của Công ty mẹ, cụ thể như sau:

Đối với công tác kỹ thuật: Áp dụng quy trình bắt đầu từ công tác đầu tư, đầu thầu, triển khai thi công công trình, quản lý chất lượng, an toàn trong thi công đến khi bàn giao công trình đưa vào quản lý sử dụng.....

Đối với công tác Tổ chức - nhân sự: Áp dụng các quy trình về công tác tuyển dụng, điều động, đào tạo và nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên.

Công tác Kinh tế - Kế hoạch: Áp dụng cho các quy trình về kỹ hợp đồng, xây dựng định mức, đơn giá, đầu thầu mua sắm vật tư thiết bị.

Công tác Cơ giới - Vật tư: Áp dụng các quy trình về theo dõi điều động, sửa chữa lớn, bảo dưỡng định kỳ, thanh lý và quản lý xe máy

7.7. Hoạt động Marketing

Bên cạnh việc tập trung chuyên sâu vào ngành nghề chính và tăng cường đầu tư trang thiết bị hiện đại, kỹ thuật mới, Công ty cổ phần Sông Đà II cũng rất coi trọng hoạt động marketing để quảng bá thương hiệu SJF đến các đối tác tiềm năng. Tuy nhiên, chính sách marketing mà Công ty lựa chọn vẫn dựa trên cơ sở đảm bảo những cam kết thực tế với khách hàng về chất lượng và tiến độ công trình.

Đề ra mục tiêu Marketing xuất phát từ mục tiêu kinh doanh của Công ty. Từ đó tập trung vào chính là nghiên cứu và phân tích thị trường để nắm được những yếu tố vĩ mô, vi mô có tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Năm vùng nhu cầu và mong muốn của khách hàng, những đối thủ cạnh tranh và những đối tượng tác động.

Triển khai thực hiện, đánh giá kết quả thực hiện và rút kinh nghiệm được tiến hành liên tục nhằm điều chỉnh các kế hoạch được sâu sát và đạt hiệu quả cao hơn.

Luôn luôn duy trì hình ảnh và mối quan hệ với khách hàng cũng giúp Công ty ngoài việc nâng cao giá trị thương hiệu cũng thu thập thêm lượng lớn thông tin phản hồi để lắp và điều chỉnh các hoạt động Marketing.

Tuy chưa thực sự đưa ra chiến lược marketing cụ thể, nhưng năm qua Công ty cũng đã chú trọng đến việc quảng bá thương hiệu Sông Đà 11 thông qua Website công ty, Các trang báo điện tử, các buổi hội đàm, gặp gỡ trực tiếp, giao lưu với các đối tác.

7.8. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Nhân hiệu thương mại đã đăng ký bản quyền:



• Logo của Công ty:

7.9. Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết
Bảng số 13: Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

T	T	Hợp đồng	Thời gian ký kết HĐ	Thời gian thực hiện HĐ	Đối tác	SP cung cấp/ Công trình thực hiện	Giá trị hợp đồng (trệu đồng)
1	Hợp đồng số 36 HBXL/SPMB-SD11	26/12/2017	26/06/2019	BQL dự án các công trình điện Miền Nam	Dục Hòa và các BZ đầu nối	TBA 500kV	121.660
2	Hợp đồng số 77/EVNNPT/N	20/7/2018	20/7/2019	BQL dự án các công	Tây Hà Nội	BZ 500kV	60.826

T	T	Hợp đồng	PMB-HDXL-KTKH			SP cung cấp/ Công trình thực hiện	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)
	Thời gian ký kết HĐ						
	Thực hiện HĐ						
	Đối tác		trình diện Miền Bắc				
3	Hợp đồng số 10/2018/HĐ/SO LACOM-TRINA-SONGDA11	26/07/2018	10/03/2019	Cty CP đầu tư điện mặt trời	Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thi công xây dựng trọn gói nhà máy tới ngoài hàng rào trạm năng lượng	164.702	
4	Hợp đồng số 11/2018/HĐ/SO LACOM-SONGDA11	21/05/2018	21/01/2019	Cty CP đầu tư điện mặt trời	Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thi công xây dựng trọn gói Đ Z 110kv Phong Phú – Phan Rí	84.722	
5	Hợp đồng số 20/2018/HĐ/SO LACOM-SONGDA11	18/05/2018	18/01/2019	Cty CP đầu tư điện mặt trời	XD cơ sở hạ tầng nhà máy	14.211	

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất và 9 tháng đầu năm 2018

(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 11)

Bảng số 14: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Công ty mẹ)

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng trường 2017/2016	9 tháng đầu năm 2018
Tổng giá trị tài sản	793.620.394.937	806.814.939.797	1,66%	877.082.586.607
Vốn chủ sở hữu	317.570.105.664	364.670.657.287	14,83%	364.884.708.779
Doanh thu thuần	795.606.719.610	455.467.928.915	-42,75%	365.769.640.792
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	84.160.047.726	86.562.357.217	2,85%	53.739.171.555
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	48.919.437.424	50.148.049.144	2,51%	27.086.073.340
Lợi nhuận khác	9.963.830.202	21.960.761.682	120,40%	6.683.373.634
Lợi nhuận trước thuế	58.883.267.626	72.108.810.826	22,46%	33.769.446.974
Lợi nhuận sau thuế	51.572.648.062	60.185.109.585	16,70%	28.489.894.992
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ túc	20%	23%	/	/
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quản	16,62%	17,64%	/	/

(Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán 2017, BCTC tư lập công ty mẹ 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty)

Bảng số 15: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Hợp nhất)

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng trường 2017/2016	9 tháng đầu năm 2018
Tổng giá trị tài sản	1.456.127.248.152	1.466.032.081.423	0,68%	1.539.800.253.505
Vốn chủ sở hữu	423.860.833.282	495.585.655.431	16,92%	487.869.127.316
Doanh thu thuần	968.875.469.382	702.425.437.114	-27,50%	371.833.669.327
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	145.259.949.901	176.624.377.488	21,59%	102.899.106.947
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	23.260.638.912	73.632.499.369	216,55%	22.984.951.920

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng trường 2017/2016	9 tháng đầu năm 2018
Lợi nhuận khác	21.953.031.606	26.849.595.735	22,30%	5.648.779.005
Lợi nhuận trước thuế	45.213.670.518	100.482.095.104	122,24%	28.633.730.925
Lợi nhuận sau thuế	37.764.286.077	84.864.472.934	124,72%	26.812.230.178
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	/	/	/	/
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quán (%)	8,98%	18,46%	/	/

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2017, BCTC từ lập hợp nhất 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty)

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

8.2.1 Nhân tố thuận lợi

▪ Vị thế của Công ty

Công ty cổ phần Sông Đà 11 được thừa hưởng giá trị thương hiệu hàng đầu trong ngành xây dựng thủy điện Việt Nam và nhận được sự quan tâm, chỉ đạo và giúp đỡ của Tổng Công ty Sông Đà – CTEP, Các chủ đầu tư, các ngành, địa phương, đặc biệt là của các Ban quản lý dự án trực thuộc NPT, EVN về mọi mặt trong quá trình hoạt động. Thương hiệu và uy tín của Công ty đã được khẳng định trên địa bàn, được các chủ đầu tư tin tưởng. Sản phẩm của Công ty luôn đảm bảo chất lượng, tiến độ thi công và giá thành cạnh tranh. Điều này đã tạo nên sự khác biệt và lợi thế cho Công ty khi tiến hành đàm phán, thương thảo, ký kết các hợp đồng kinh tế.

Công ty có kinh nghiệm triển khai thi công các công trình lớn có kết cấu phức tạp, đòi hỏi chất lượng cao. Đội ngũ quản lý điều hành và trực tiếp thi công của Công ty có kinh nghiệm và hiểu biết sâu. Tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên công ty luôn đoàn kết, không ngừng nỗ lực cố gắng nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công việc. Bên cạnh đó, hàng năm Công ty luôn đầu tư năng lực thi công, trang bị máy móc hiện đại. Năng lực tài chính của Công ty trong những năm qua luôn có sự phát triển bền vững.

▪ Triển vọng tăng trưởng của ngành điện

Trong hơn một thập kỷ qua, nền kinh tế Việt Nam đã trải qua những giai đoạn thăng

trăm từ tăng trưởng nông đến suy thoái kinh tế nhưng ngành Điện vẫn tăng trưởng bền vững qua từng năm với tốc độ tăng trưởng cao. Từ sản lượng điện thương phẩm chỉ ở mức 22,4 tỷ kWh vào năm 2000, đến năm 2016 sản lượng thương phẩm đã tăng lên 159,79 tỷ kWh tương ứng với mức tăng bình quân 13,07%/năm.

Theo thống kê của Tổng cục Thống kê, năm 2017, ngành sản xuất và phân phối điện đạt mức tăng trưởng 9,4% so với năm 2016, đóng góp 0,6 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng GDP của cả nền kinh tế. Sự tiêu thụ điện của nền kinh tế ngày càng tăng nhờ sự tăng trưởng của ngành Công nghiệp – Xây dựng do tác động của quá trình dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa. Tính đến cuối năm 2016, tổng công suất lắp đặt của các nhà máy điện đạt 41.424 MW, tương đương với mức tăng 7 lần so với năm 2000 (tương đương với CAGR 12,57% trong 16 năm). Công suất lắp đặt của các nhà máy phát điện gia tăng nhanh chóng đã tăng cường khả năng đáp ứng nhu cầu tiêu thụ điện trong nước và giảm sự phụ thuộc vào sản lượng điện nhập khẩu. Tỷ trọng điện nhập khẩu giảm từ mức 2,34% năm 2012 xuống còn 0,81% năm 2016.

Hơn nữa, cơ sở hạ tầng truyền tải điện còn hạn chế, tổng mức đầu tư lưới điện theo quy hoạch lên tới 824.000 tỷ đồng từ 2016-2030. Để đảm bảo đáp ứng nhu cầu điện tăng nhanh, Quy hoạch điện VII điều chỉnh 2016 đã đặt ra kế hoạch đầu tư lưới điện rất lớn trong giai đoạn từ 2016 đến 2030. Theo kế hoạch này, giai đoạn 2016-2020 tổng vốn đầu tư lưới điện là 214 nghìn tỷ đồng và giai đoạn 2021-2030 là 610 nghìn tỷ đồng. Tổng mức đầu tư lưới điện tăng trưởng mạnh mẽ hứa hẹn sẽ giúp cho ngành Xây lắp điện tăng trưởng cao từ nay tới 2030.

Căn cứ vào tình hình ngành điện hiện nay và dự kiến tỷ lệ tăng trưởng trong những năm tới, có thể thấy, trong vòng 10 năm tới, nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành điện của Việt Nam nói riêng có khả năng phát triển rất tốt. Kinh tế phục hồi kéo theo nhu cầu tiêu dùng điện ngày một tăng cao. Đây chính là một điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty trong tương lai.

■ Sự ổn định trong nguồn cung nguyên vật liệu

Công ty cổ phần Sông Đà 11 có lợi thế là mối quan hệ bán hàng thân thiết với các nhà cung cấp. Hơn nữa, với những nỗ lực bình ổn giá vật liệu xây dựng của các cơ quan, ban ngành sẽ giúp công ty chủ động trong việc tính toán chi phí sản xuất.

8.2.2 Nhân tố khó khăn

Bên cạnh những dấu hiệu tích cực của nền kinh tế so với những năm trước như: giá xăng dầu giảm, chỉ số lạm phát tốt hơn, lãi suất giảm thì vẫn còn những tồn tại từ hệ lụy của khủng hoảng kinh tế kéo dài từ nhiều năm trước tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất của Công ty, cụ thể:

■ **Khó khăn trong công tác thi công**

Đối với các dự án lưới điện truyền tải thi giải phóng mặt bằng luôn được coi là khâu quan trọng nhất và quyết định đến tiến độ mỗi dự án. Bởi đặc thù đường dây đi qua nhiều địa phương, nhiều địa hình khác nhau và môi trường địa phương lại áp dụng đơn giá bồi thường khác nhau nên công tác đền bù giải phóng mặt bằng luôn gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc. Một số công trình do vướng mắc về công tác đền bù và giải phóng mặt bằng nên công tác thi công gặp nhiều khó khăn, cụ thể như: DZ500KV Sông Mây - Tân Uyên, DZ500KV TTDL Vĩnh Tân - rẽ Sông Mây - Tân Uyên, DZ500KV Mý Tho - Đức Hòa.

Khó khăn này không chỉ ảnh hưởng đến tiến độ thi công các công trình mà còn gây tổn thất cho công ty một khoản chi phí không nhỏ phụ thuộc vào đặc điểm riêng mỗi dự án.

Điều kiện thi công và điều kiện thời tiết luôn là khó khăn mà Công ty cổ phần Sông Đà 11 phải đối mặt trong hoạt động thi công các công trình. Các hoạt động xây lắp của Công ty chủ yếu được tiến hành ngoài trời và tại nhiều khu vực có địa hình phức tạp, do đó, điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả và mức độ an toàn trong sản xuất kinh doanh của lĩnh vực này. Đây được coi là khó khăn chung mà tất cả các công ty thuộc ngành xây lắp điện và xây dựng đều phải đối mặt.

■ **Khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn đầu tư**

Thực tế, nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển ngành Điện lực ở Việt Nam rất lớn, tuy nhiên khả năng đáp ứng nhu cầu này còn hạn chế. Lãi suất huy động năm 2017 và 9 tháng đầu năm 2018 tương đối ổn định. Lãi suất cho vay đồng Việt Nam phổ biến khoảng 6%-9%/năm đối với ngân hàng và 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn; đối với khách hàng tốt, lãi suất cho vay ngân hàng từ 4%-5%/năm. Nhìn chung, cơ cấu tín dụng đang tiếp tục theo hướng tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm hỗ trợ có hiệu quả cho tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, dưới áp lực kiểm soát nợ xấu, các tổ chức tín dụng hiện nay đang tỏ ra rất thận trọng với những khoản vay ngân hàng và trung hạn. Là Công ty hoạt động trong lĩnh vực chính là đầu tư xây lắp điện, nhu cầu vốn lưu động để phục vụ cho hoạt động triển khai các công trình, dự án là rất lớn. Trong khi đó, việc phụ thuộc lớn vào những yếu tố nội lực như lợi nhuận để lại, vốn chủ sở hữu có thể khiến việc huy động vốn không đủ, không kịp thời nên nhiều dự án phải hoãn tiến độ, tạm dừng để chờ bổ sung vốn.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Mục tiêu của SJE là trở thành đơn vị vững mạnh trong ngành xây dựng, duy trì tốc độ tăng trưởng trung bình 10%/năm. Bên cạnh các công trình xây lắp được Tổng Công ty Sông Đà giao, Công ty sẽ chủ động chuẩn bị nhân lực, vật lực và tiềm năng tài chính để

tham gia đầu tư các công trình xây dựng công nghiệp, thủy điện lớn.

- *Lời thề về thuwong hiều lâu năm:* Công ty cổ phần Sông Đà 11 là nhà thầu có uy tín và năng lực thi công mạnh trên thị trường. Với hơn 55 năm hình thành và phát triển, đi cùng sự phát triển của mạng lưới điện quốc gia từ những ngày đầu tiên, Công ty luôn chiếm ưu thế và nhận được lòng tin của khách hàng qua chất lượng của các công trình. SJE có kinh nghiệm trong việc xây lắp hàng nghìn km đường dây điện và hàng trăm trạm biến áp 500KV. Công ty đã có đủ năng lực để thực hiện thành công các dự án xây dựng thủy điện vừa và nhỏ. Chẳng đường hơn 55 năm đó đủ để chứng minh sự phát triển của một doanh nghiệp đã trải qua nhiều biến động khó khăn của nền kinh tế.

- *Lời thề về quản trị:* Ban lãnh đạo điều hành Công ty đều là những người có nhiều năm kinh nghiệm lâu năm, hầu hết đều gắn bó với ngành điện từ những năm đầu tiên phát triển tại Việt Nam, đã cùng Công ty vượt qua những biến động của nền kinh tế cũng như những thăng trầm trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, nhân sự Công ty được đào tạo chuyên nghiệp, bài bản và luôn được đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, quản trị, quản lý đạt hiệu quả công việc cao nhất.

- *Thị trường :* Thị trường hoạt động của Công ty rộng khắp cả nước, trải dài từ miền Bắc đến miền Nam, các tỉnh Tây Nguyên,... Trong thời gian tới, với chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn của mình, công ty sẽ tiếp tục đầu tư phát triển các ngành nghề truyền thống, mở rộng phạm vi hoạt động ra rộng khắp các tỉnh trên cả nước. Ngoài ra, Công ty hướng tới mục tiêu mở rộng thị trường sang các nước lân cận như Lào, Campuchia,...

- *Tình hình tài chính:* Hoạt động kinh doanh năm 2017 của Công ty cổ phần Sông Đà 11 so với các doanh nghiệp trong cùng ngành hiện đang niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán như sau:

Bảng số 16: Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp cùng ngành

Đơn vị: Đồng

BẢN CÁO BẠCH

Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

TT	Công ty	Mã CK	Tổng tài sản	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	ROA (%)	ROE (%)
1	Công ty cổ phần Sông Đà 11	SJE	1.466.032.081.423	115.531.050.000	495.585.655.431	702.425.437.114	84.864.472.934	5,13	16,31
2	Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 1	VE1	62.686.851.846	60.000.000.000	55.393.938.249	25.906.461.681	186.303.675	0,39	0,46
3	Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	VNE	1.558.528.613.294	904.329.530.000	936.867.831.095	908.832.575.760	65.817.069.984	4,11	6,63
4	Công ty cổ phần Xây lắp điện I	PCI	6.213.772.236.180	1.154.528.420.000	2.813.992.283.340	3.160.556.015.495	256.301.876.312	4,41	9,71
5	Công ty cổ phần Sông Đà 2	SD2	739.843.483.384	144.235.360.000	206.534.713.583	702.744.814.014	4.439.546.335	0,55	2,13
6	Công ty cổ phần Đạt Phương	DPG	3.946.832.932.910	118.577.380.000	880.610.621.627	1.410.358.511.627	191.110.673.241	4,91	21,57
7	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà	SDD	437.840.887.121	160.076.850.000	154.824.203.679	38.763.128.275	-6.242.770.117	-1,46	-3,95
8	Công ty cổ phần Sông Đà 4	SD4	1.264.923.851.021	103.000.000.000	178.932.591.904	868.572.141.092	28.546.763.091	2,43	17,21

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 của các đơn vị đã niêm yết trên thị trường chứng khoán)

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Ở Việt Nam hiện nay, có nhiều Công ty trong lĩnh vực xây lắp điện đang hoạt động. Trong số đó, có những công ty có tiềm lực tài chính mạnh, năng lực thi công tốt như Công ty cổ phần Xây lắp Điện 1, Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam với vốn điều lệ lớn hơn rất nhiều lần so với Công ty cổ phần Sông Đà 11. Ngoài ra, có một số doanh nghiệp với mức vốn điều lệ tương đồng với SJE như: Công ty cổ phần Đát Phung, Công ty cổ phần Sông Đà 2, Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà. Việc so sánh các chỉ tiêu chính là hệ số ROA, ROE sẽ cho chúng ta thấy khả năng sinh lời và hiệu quả sử dụng vốn của các công ty cùng hoạt động trong lĩnh vực này.

Nhìn vào chỉ số ROA của các Công ty cho ta biết hiệu quả của công ty đó trong việc sử dụng tài sản để sinh lời. Năm 2017, tổng tài sản của VNE là hơn 1.500 tỷ đồng nhưng lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 65,8 tỷ và ROA là 4,11%. ROA của PCI là 4,41%. Trong khi đó, ROA của SJE đạt 5,13%, là công ty có ROA cao nhất trong số các Công ty được so sánh.

Hệ số ROE phản ánh năng lực sử dụng đồng vốn để sinh lời của doanh nghiệp. Năm 2017, ROE của Công ty cổ phần Sông Đà 11 là 16,31%, cao hơn các công ty có vốn lớn trong ngành như Công ty cổ phần Xây Lắp điện 1, Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam và thấp hơn các công ty như Công ty cổ phần Đát Phung, Công ty cổ phần Sông Đà 4.

Như vậy, so với một số doanh nghiệp tiêu biểu trong cùng ngành, tình hình các chỉ số tài chính của Công ty trong năm 2017 khá tốt. Công ty đã sử dụng nguồn vốn và tài sản có hiệu quả để đầu tư phát triển các hoạt động của mình.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngày 17/7, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) cho biết trong năm 2017 tổng đầu tư vào khai thác khí đốt và dầu mỏ. Như vậy, 2017 là năm thứ hai liên tiếp đầu tư vào ngành điện cao hơn so với đầu tư vào ngành dầu khí. Theo báo cáo của IEA, nhiều quốc gia tăng cường đầu tư để nâng cấp hoặc xây mới mạng lưới sản xuất điện, nhằm cân bằng cung-cầu, trước sự gia tăng của điện gió, điện Mặt Trời và các loại xe điện.

Phát triển kinh tế – chính trị luôn đòi hỏi sự tăng trưởng của nhu cầu năng lượng và điện năng toàn thế giới. Tại Việt Nam, nhằm nâng lực truyền tải của hệ thống điện, đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu đầu nối các công trình nguồn điện, đảm bảo cấp điện cho miền Nam và các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, giải quyết tình trạng quá tải về cung cấp điện cho nhiều địa phương và các khu vực kinh tế trọng

Công ty đề ra những định hướng phát triển trong tương lai như sau:

Tăng cường công tác quản trị trên mọi lĩnh vực, hoàn thiện mô hình quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh đồng bộ, tinh gọn, đáp ứng triển khai thực hiện xây dựng các công trình đường dây tải điện và hệ thống điện nước, sản xuất công nghiệp.

Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao năng lực thi công cốt lõi; Xây dựng và định hình các Chi nhánh, Đội xây lắp có tiềm lực, đảm bảo tính cơ động cao và đủ khả năng đảm nhận thi công các công trình có quy mô lớn và yêu cầu kỹ thuật cao.

9.3.1. Định hướng phát triển của Công ty

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng, kế hoạch phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và của xu thế chung trên thế giới

tương lai.

những điều kiện thuận lợi cho Công ty trong việc phát triển, mở rộng hoạt động trong kinh tế, mặt khác là mạng lưới truyền tải điện được nâng cấp và mở rộng. Đây chính là (chiếm tỷ trọng lớn thứ hai, trên 40%) cũng sẽ gia tăng, một mặt nhờ đa phúc hội của nền tổng mức tiêu thụ điện năng của cả nước. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu thụ điện hộ gia đình của lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, trong khi lĩnh vực này chiếm tỷ trọng trên 50% tăng mạnh. Đặc biệt trong giai đoạn này, GDP tăng trưởng chủ yếu nhờ sự phát triển GDP được dự báo ở mức 6,7-7%/năm thì nhu cầu tiêu thụ điện nhiều khả năng sẽ tiếp tục phôi điện tạm tính tăng 9,4% so với năm 2016. Trong giai đoạn 2016-2020, tốc độ tăng Năm 2017, tốc độ tăng trưởng GDP là 6,81%. Tốc độ tăng trưởng ngành sản xuất và phân Tốc độ tăng của tiêu thụ điện vượt xa so với tốc độ tăng trưởng GDP trong cùng kỳ.

Báo cáo cập nhật nhanh ngành điện năm 2016 của MBS)

(Nguồn: Tổng sơ đồ phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn 2030;

Hàng mục	Đơn vị	2011-2015	2016-2020	2021-2025	2026-2030
Trạm 500 KV	MVA	17.100	24.400	24.500	20.400
Trạm 220 KV	MVA	35.863	39.063	42.775	5.325
Đường dây 500KV	Km	3.833	4.539	2.234	2.724
Đường dây 220 KV	Km	10.637	5.305	5.552	5.020

gia giai đoạn 2011-2030

Bảng số 17: Số lượng đường dây và các trạm điện được bổ sung và lưới điện quốc

phản ánh thông qua vốn đầu tư cho ngành điện tăng mạnh qua các năm.

ngành điện với nhiệm vụ quan trọng là cung cấp năng lượng điện cho mọi hoạt động, (98% hộ dân tại đây có điện), Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, chủ trương phát triển điểm của đất nước cũng như đảm bảo chương trình đưa điện về nông thôn và miền núi

Đảm bảo ngày càng hòa mẫn tốt hơn nhu cầu về thu nhập, đời sống của người lao động, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút lao động có trình độ và tay nghề cao; tạo điều kiện và môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp để người lao động yên tâm công tác, gắn bó lâu dài và cống hiến vì sự phát triển của Công ty.

Công ty đề ra chiến lược phát triển trung và dài hạn như sau:

Xây dựng và phát triển Công ty một cách toàn diện, với mục tiêu tập trung dùng mức các nguồn lực cho đầu tư phát triển ngành nghề truyền thống là lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 500KV, xây dựng hệ thống cấp thoát nước, sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm và sản xuất đá xây dựng. Đồng thời nâng cao năng lực làm chủ đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực năng lượng tái tạo, phần đầu đến năm 2020 sẽ sở hữu 10 nhà máy thủy điện và điện mặt trời có tổng công suất trên 100MW

Phát huy cao độ mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động, đảm bảo mức tăng trưởng lợi nhuận và có tức cho các cổ đông.

Xây dựng cơ cấu tổ chức hợp lý với nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ các công trình đang thi công trước mắt và hướng tới lâu dài kết hợp cùng chiến lược đầy mạnh đầu tư trang thiết bị thi công với công nghệ tiên tiến.

9.3.2. Định hướng phát triển ngành

Theo Quyết định số 176/2004/QĐ-TTg ngày 5/10/2004 của Thủ tướng chính phủ về

việc phê duyệt chiến lược phát triển ngành điện Việt Nam giai đoạn 2004 – 2010, định hướng đến năm 2020 đưa ra chiến lược phát triển đồng bộ nguồn và lưới điện theo hướng hiện đại. Phát triển thủy điện, nhiệt điện than, điện điện khí, điện nguyên tử..., kết hợp trao đổi, liên kết lưới điện với các nước trong khu vực. Tổng công ty Điện lực Việt Nam chỉ đầu tư những công trình phát điện có công suất từ 100 MW trở lên, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khác đầu tư các công trình có công suất nhỏ hơn. Phát triển nhanh, đồng bộ, hiện đại hệ thống truyền tải, phân phối nhằm nâng cao độ tin cậy, an toàn cung cấp điện và giám sát thất điện năng. Chiến lược phát triển lưới điện cụ thể là phát triển nguồn điện phải đi đôi với phát triển lưới điện, phát triển lưới điện phải phù hợp với phát triển lưới điện truyền tải; Phát triển nhanh hệ thống truyền tải 220, 500 kV nhằm nâng cao độ tin cậy cung cấp điện và giám sát thất điện năng trên lưới truyền tải, bảo đảm khai thác kinh tế các nguồn điện; phát triển lưới 110 kV thành lưới điện phân phối cung cấp trực tiếp cho phụ tải; Nghiên cứu giám sát cấp điện áp trung thế của lưới điện phân phối. Nhanh chóng mở rộng lưới điện phân phối đến vùng sâu, vùng xa. Tập trung đầu tư cải tạo lưới điện phân phối để giám sát thất điện năng, giảm sự cố và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện.

Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030

(QĐH 7) đã được Viện Năng Lượng lập và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 21/7/2011. Một số mục tiêu quan trọng của QHD 7 là: Sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu năm 2020 khoảng 330 - 362 tỷ kWh; năm 2030 khoảng 695 - 834 tỷ kWh. Ưu tiên phát triển nguồn năng lượng tái tạo cho sản xuất điện, tăng tỷ lệ điện năng sản xuất từ nguồn năng lượng này từ mức 2% năm 2010, lên 4,5% tổng điện năng sản xuất vào năm 2020 và 6,0% vào năm 2030. Theo đó, tổng công suất nguồn điện gió từ mức không đáng kể hiện nay dự kiến đạt 1.000MW vào năm 2020, khoảng 6.200MW vào năm 2030; Điện sinh khối, đồng phát điện tại các nhà máy đường đến năm 2020 có tổng công suất khoảng 500MW, nâng lên 2.000MW vào năm 2030.

Cùng với việc ban hành các khung pháp lý như: Luật điện (2004); Luật bảo vệ môi trường (2005); Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 (2007); Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (2010), Chính phủ đã và đang tiếp tục đưa ra các giải pháp hỗ trợ cho phát triển mạnh mẽ nguồn điện từ năng lượng tái tạo như: Quyết định về một số Cơ chế chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch (2007); Qui định về Biểu giá chi phí tránh được cho các nhà máy điện nhỏ sử dụng năng lượng tái tạo (Bộ Công Thương - 2008); Quyết định về Cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam (2010)...

Nhìn chung, chính sách xuyên suốt của Việt Nam đối với ngành điện những năm qua là đảm bảo phát triển ngành điện để đáp ứng nhu cầu phát triển Kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng của đất nước trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, đáp ứng nhu cầu điện cho sinh hoạt của nhân dân. Những mục tiêu, định hướng phát triển này sẽ là một động lực lớn thúc đẩy sự phát triển của toàn ngành.

9.3.3. Đánh giá về sự phù hợp

Với tiềm năng phát triển của mình cùng với các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, định hướng phát triển của Công ty là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành, tận dụng được những lợi thế chủ quan của doanh nghiệp và những lợi thế khách quan do nhu cầu thị trường và chính sách Nhà nước đem lại.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Số lượng và cơ cấu người lao động trong Công ty

Tổng số lao động đến thời điểm 30/9/2018 của Công ty là 444 người, cơ cấu lao động được thể hiện như sau:

Bảng số 18: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 30/9/2018

Phân loại lao động	Số lượng	Tỷ lệ %
Phân theo trình độ lao động	444	100,00%
Lao động có trình độ trên đại học	09	2,03%

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân tài, lao động có trình độ, chuyên môn vào làm việc cho công ty. Tùy từng vị trí cụ thể, công ty có những tiêu chuẩn bất

❖ **Chính sách tuyển dụng:**

cho người lao động. phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động nhằm bảo đảm mức độ an toàn cao nhất lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ và đúng quy định pháp luật các động cho CBNV làm việc tại công trường có yêu cầu về an toàn lao động. Riêng đối với dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Công ty cũng trang bị đầy đủ, đúng cụ và đồ bảo hộ lao *Điều kiện làm việc:* Văn phòng làm việc thoáng mát, trang bị đầy đủ *Nghỉ ốm, thai sản:* Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Nhân viên được nghỉ lễ, tết 09 ngày theo quy định của Luật Lao động.

được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc đủ 12 tháng *Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết:* Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc của nhà nước và có dài nghỉ thỏa đáng cho người lao động.

trách nhiệm làm thêm giờ. Công ty đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định Khi có yêu cầu đột xuất về tiến độ sản xuất, kinh doanh các nhân viên Công ty có trong ngày được quy định cụ thể như sau:

giờ/tuần, làm việc từ thứ 2 đến hết sáng thứ 7, nghỉ chiều thứ 7 và chủ nhật. Giờ làm việc *Thời gian làm việc:* Thời gian làm việc bình thường của Công ty là 8 giờ/ngày, 44

❖ **Chế độ làm việc:**

10.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 11)

Tổng số lao động	444	100,00%
Nữ giới	48	10,81%
Nam giới	396	89,19%
Phân loại lao động theo giới tính	444	100,00%
Lao động thủ việc	0	0,00%
Lao động thời vụ	62	13,96%
Lao động xác định thời hạn từ 1 - 3 năm	135	30,41%
Lao động không xác định thời hạn	247	55,63%
Phân loại theo loại hợp đồng lao động	444	100,00%
Khác: Công nhân	279	62,84%
Lao động có trình độ trung cấp và cao đẳng	37	8,33%
Lao động có trình độ đại học	119	26,80%

buộc riêng nhằm đáp ứng tốt nhất nguồn nhân lực cho hoạt động kinh doanh của công ty. Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty và thực hiện theo kế hoạch hàng năm. Công ty đề ra tiêu chí tuyển dụng lao động, trong đó ưu tiên lao động tốt nghiệp đại học và sau đại học trong và ngoài nước, lao động có chuyên môn giỏi, kinh nghiệm và năng lực đáp ứng yêu cầu của Công ty, sinh viên khá giỏi vừa mới tốt nghiệp trong và ngoài nước nhằm tạo nguồn nhân lực cho phát triển lâu dài cho Công ty.

Năm 2017, căn cứ khối lượng công việc và nhu cầu nhân lực, Công ty đã tuyển dụng thêm 50 cán bộ công nhân viên bao gồm 5 cán bộ khoa học nghiệp vụ và 45 công nhân kỹ thuật để bổ sung sự thiếu hụt nhân lực, lao động của các đơn vị.

❖ **Chính sách đào tạo:**

Công ty xác định công tác đào tạo phải được thực hiện thường xuyên, việc đào tạo phải xuất phát từ lợi ích Công ty. Ngoài việc khuyến khích và tạo điều kiện cho CBCNV của Công ty tự giác học tập, nâng cao tay nghề, Công ty còn thường xuyên tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hoặc cử CBCNV tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề.

Đối với lao động trực tiếp: mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ và sự hiểu biết của người lao động. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác. Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Công ty luôn tạo điều kiện tham gia các khóa học với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước.

Trong năm 2017, Công ty đã tổ chức 5 lớp bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ công nhân viên, cụ thể: lớp đào tạo quản trị tài chính kế toán, rủi ro, kiểm soát nội bộ 3 người; lớp đào tạo an toàn lao động và vệ sinh môi trường 20 người; lớp đào tạo kỹ thuật đầu nối cáp ngầm trung thế 24 người; lớp bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát công trình 9 người; lớp đào tạo công nhân điện 24 người với giá trị đào tạo là 270,7 triệu đồng.

❖ **Chính sách lương và thưởng:**

Công ty thực hiện các chế độ cho người lao động theo Luật lao động. Ngoài ra, chế độ lương và thưởng của Công ty cổ phần Sông Đà 11 còn được gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng phục vụ, gồm các chế độ cơ bản như sau:

- Mỗi năm, nhân viên được thưởng tối thiểu 01 tháng lương, ngoài ra nhân viên còn được hưởng lương theo năng suất và thưởng hoàn thành công việc;

- Thường cho các đơn vị, cá nhân tiêu biểu trong năm; thường sáng kiến;
- Thường trong các dịp lễ tết của quốc gia và kỷ niệm thành lập Công ty.

❖ **Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội:**

Công ty thực hiện các chế độ cho người lao động theo Luật lao động. Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật. Cán bộ công nhân được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN. Công ty cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động tham quan, nghỉ mát hàng năm cho CBNV, ... từ đó tạo niềm tin và động lực phấn đấu hết mình của người lao động cho sự phát triển của Công ty.

Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên nâng cao chính sách phúc lợi cho CBCNV bằng các trợ cấp đối với các nhân viên cưới hỏi, ốm đau, năm viên, thai sản, nghỉ hưu, mất sức, chế độ tang chế... Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo cùng Công đoàn công ty luôn chú tâm phát triển phong trào văn thể mỹ và duy trì các hoạt động ngoài khóa như các giải thể thao, văn nghệ, sinh hoạt tập thể, tổ chức từ thiện giúp đỡ người nghèo...

11. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do HĐQT đề nghị và ĐHĐCĐ quyết định. Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, HĐQT đề xuất phương án chia cổ tức phù hợp trình ĐHĐCĐ quyết định. Tùy theo tình hình thực tế, HĐQT có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo quý hoặc 6 tháng nhưng không vượt quá mức cổ tức dự kiến.

Chính sách cổ tức trong những năm tiếp theo sẽ được tính toán phù hợp dựa vào kết quả sản xuất kinh doanh thực tế. Cụ thể, trong 2 năm gần đây, Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức như sau:

Bảng số 19: Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2016, 2017 và dự kiến 2018

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Hình thức thực hiện
2016	20%	Tiền mặt
2017	23%	Tiền mặt
Dự kiến 2018	20%	Cổ phiếu

(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà II)

12. Tình hình tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Từ năm tài chính 2015, Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

12.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

❖ Báo cáo về vốn điều lệ của công ty:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
Vốn điều lệ	115.531.050.000	115.531.050.000	115.531.050.000

Trong giai đoạn 2016-2017 và đến 9 tháng đầu năm 2018, Công ty cổ phần Sông Đà II không có sự thay đổi vốn điều lệ. Công ty vẫn giữ nguyên mức vốn là 115.531.050.000 đồng.

❖ Báo cáo tình hình vốn kinh doanh của Công ty:

Bảng số 20: Tình hình nguồn vốn kinh doanh của Công ty (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
I. Vốn chủ sở hữu	317.570.105.664	364.670.657.287	364.884.708.779
- Vốn góp của chủ sở hữu	115.531.050.000	115.531.050.000	115.531.050.000
- Thặng dư vốn cổ phần	34.366.527.623	34.366.527.623	34.366.527.623
- Quỹ đầu tư phát triển	127.652.984.979	154.587.970.079	186.497.236.164
- LNST chưa phân phối	40.019.543.062	60.185.109.585	28.489.894.992
II. Nợ phải trả	476.050.289.273	442.144.282.510	512.197.877.828
- Nợ ngắn hạn	422.668.608.238	374.445.218.220	448.775.724.308
- Nợ dài hạn	53.381.681.035	67.699.064.290	63.422.153.520
Tổng vốn kinh doanh	793.620.394.937	806.814.939.797	877.082.586.607

(Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán 2017, BCTC tự lập công ty mẹ 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty)

Bảng số 21: Tình hình nguồn vốn kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
I. Vốn chủ sở hữu	423.860.833.282	495.585.655.431	487.869.127.316
- Vốn góp của chủ sở hữu	115.531.050.000	115.531.050.000	115.531.050.000
- Thặng dư vốn cổ phần	37.566.527.623	37.566.527.623	37.566.527.623
- Vốn khác của CSH	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	127.652.984.979	160.692.327.505	192.601.593.590
- LNST chưa phân phối	38.239.840.373	66.707.183.253	22.079.240.682

- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	84.870.430.307	95.088.567.050	100.090.715.421
II. Nợ phải trả	1.032.266.414.870	970.446.425.992	1.051.931.126.189
- Nợ ngắn hạn	696.158.136.271	547.854.602.451	547.713.103.752
- Nợ dài hạn	336.108.278.599	422.591.823.541	504.218.022.437
Tổng vốn kinh doanh	1.456.127.248.152	1.466.032.081.423	1.539.800.253.505

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2017, BCTC tự lập hợp nhất 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty)

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty được sử dụng và tài trợ cho các tài sản chủ yếu như sau:

Bảng số 22: Tình hình sử dụng nguồn vốn kinh doanh của Công ty (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
Tiền và các khoản tương đương tiền	168.376.737.626	144.234.948.699	45.059.326.610
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	12.545.806.365	550.790.000	1.161.770.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	209.362.018.969	259.742.782.221	328.127.440.766
Hàng tồn kho	85.171.166.517	53.635.069.639	117.299.148.332
Tài sản ngắn hạn khác	1.763.780.488	3.717.148.518	5.324.424.666
Các khoản phải thu dài hạn	19.185.963.470	5.403.047.793	5.391.547.793
Tài sản cố định	86.233.978.659	93.572.164.823	86.555.127.156
Bất động sản đầu tư	/	/	/
Tài sản dở dang dài hạn	/	/	425.454.545
Đầu tư tài chính dài hạn	210.196.893.145	245.145.644.720	286.679.954.720
Tài sản dài hạn khác	784.049.698	813.343.384	1.058.392.019
Tổng cộng	793.620.394.937	806.814.939.797	877.082.586.607

(Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán 2017, BCTC tự lập công ty mẹ 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty)

Bảng số 23: Tình hình sử dụng nguồn vốn kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
Tiền và các khoản tương đương tiền	240.010.237.469	163.080.582.267	74.760.518.029
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	15.886.696.365	551.283.335	1.162.263.335
Các khoản phải thu ngắn hạn	358.349.501.963	454.986.191.490	456.598.538.998
Hàng tồn kho	159.305.585.958	131.684.405.728	184.392.085.490

TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Mức lương bình quân của CBCNV Công ty cổ phần Sông Đà 11 khá cao, phù hợp với kinh nghiệm, trình độ của người lao động Công ty và duy trì ở mức ổn định có thể đảm bảo cuộc sống cho người lao động. Đây có thể coi là một lợi thế của Công ty trong

(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 11)

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Mức lương bình quân/ người/ tháng (đồng)	8.709.000	8.130.000	8.002.000

Bảng số 24: Mức lương bình quân giai đoạn 2015-2017

12.1.3. Mức lương bình quân:

TT	Loại tài sản	Năm
1	Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 – 50
2	Máy móc thiết bị	3-20
3	Phương tiện vận tải	6-30
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-6
5	Tài sản cố định khác	5

hao cụ thể như sau:

- TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu phải được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại.
- định hữu hình được đánh giá lại thì nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại xác định theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại. Trường hợp tài sản cố Sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan TSCĐ được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.

chính, cụ thể như sau:

Chi phí khấu hao TSCĐ của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài

12.1.2. Trích khấu hao TSCĐ:

(Công ty)

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2017, BCTC tự lập hợp nhất 9 tháng đầu năm 2018 của

Tổng cộng	1.456.127.248.152	1.466.032.081.423	1.539.800.253.505
Tài sản dài hạn khác	23.912.635.441	22.439.360.346	24.312.809.143
Tài sản dở dang dài hạn	9.738.153.164	16.902.733.023	143.103.989.468
Tài sản cố định	618.126.123.850	644.164.818.691	612.007.586.870
Các khoản phải thu dài hạn	26.463.697.456	24.045.497.210	23.830.555.205
Tài sản ngắn hạn khác	4.334.616.486	8.177.209.333	19.631.906.967

việc thu hút được nguồn nhân lực có kinh nghiệm, trình độ, kỹ năng và tay nghề cao. Cần bộ nhân viên, người lao động gần bó với Công ty.

12.1.4.Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và vay đến hạn. Căn cứ vào báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C, đến thời điểm 31/12/2017, Công ty đã thực hiện thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có khoản nợ nào quá hạn.

Căn cứ báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2018, đến thời điểm 30/06/2018, Công ty đã thực hiện thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có khoản nợ nào quá hạn.

Công ty cam kết không có nợ quá hạn và luôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

12.1.5.Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật. Công ty cam kết luôn tuân thủ theo các quy định, nghĩa vụ đối với các khoản thuế, phí phải nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Bảng số 25: Số dư các khoản thuế phải nộp (Công ty mẹ)

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	4.047.950.981	7.596.101.935	2.458.940.063
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.252.973.391	10.675.387.803	2.175.645.378
Thuế thu nhập cá nhân	2.017.752.574	100.096.422	575.646.276
Thuế tài nguyên	253.824.265	330.585.408	400.425.688
Thuế bảo vệ môi trường	151.916.720	67.204.560	/
Các loại thuế khác	/	/	/
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	74.382.020	1.991.292.624	190.963.457
Tổng cộng	13.798.799.951	20.760.668.752	5.801.620.862

(Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán 2017, BCTC tư lập công ty mẹ 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty)

Bảng số 26: Số dư các khoản thuế phải nộp (Hợp nhất)

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	9.338.850.608	13.027.301.458	11.057.374.777
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	111.789.225	/	/
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.911.840.216	11.827.606.466	2.621.646.821

TT	Đổi tương	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
I	Vay ngắn hạn	193.781.280.215	118.358.762.373	199.271.456.375
I	Vay ngắn hạn ngân hàng	190.181.280.215	92.439.855.430	182.323.089.279
2	Vay ngắn hạn bên liên quan	/	20.178.906.943	14.678.906.943
3	Vay dài hạn đến hạn trả	3.600.000.000	5.740.000.000	2.269.460.153
II	Vay dài hạn	5.662.744.784	56.682.744.784	53.703.421.934
1	BIDV – CN Hà Tây	3.062.882.087	782.882.087	383.421.934
2	BIDV – CN Bắc Hà	2.599.862.697	1.279.862.697	/

Đơn vị: đồng

Bảng số 27: Chi tiết các khoản vay của Công ty (Công ty mẹ)

Công ty không có nợ quá hạn.

12.1.7. Tổng dư nợ vay:

- Trích Quỹ thưởng Ban điều hành công ty: 500.000.000 đồng
- Trích Quỹ phúc lợi: 601.851.000 đồng
- Trích Quỹ khen thưởng: 601.851.000 đồng
- Trích Quỹ đầu tư phát triển: 31.909.266.085 đồng

cụ thể như sau:

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Theo Báo cáo tài chính Hợp nhất đến ngày 30/9/2018, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ-BHBCB ngày 26/4/2018. Việc trích lập các quỹ

12.1.6. Trích lập các quỹ theo luật định:

(Công ty)

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2017, BCTC tự lập hợp nhất 9 tháng đầu năm 2018 của

Tổng cộng	21.842.290.205	29.750.385.895	19.463.738.254
Thuế thu nhập cá nhân	2.242.567.319	713.140.686	909.735.772
Thuế tài nguyên	659.034.236	784.080.783	2.060.583.914
Thuế nhà đất	145.201	145.201	949.741
Tiền thuê đất	/	/	36.472.802
Thuế bảo vệ môi trường	226.298.740	67.204.560	/
Các loại thuế khác	/	/	/
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	351.764.660	3.330.906.741	2.956.974.427

3	Viccombank – CN Gia Lai	/	46.220.000.000	45.520.000.000
4	Agribank – CN Lăng Hà	/	8.400.000.000	7.800.000.000
Tổng cộng		199.444.024.999	175.041.507.157	252.974.878.309

(Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán 2017, BCTC tự lập công ty mẹ 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty)

Bảng số 28: Chi tiết các khoản vay của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: đồng

TT	Đối tượng	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
I	Vay ngắn hạn	331.639.502.669	232.282.406.964	275.580.916.996
I	Vay ngắn hạn ngân hàng	297.041.700.669	201.147.414.964	264.697.244.109
-	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Tây	58.400.136.799	51.584.401.907	82.204.782.711
-	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Quang Trung	84.860.958.470	56.693.433.466	91.063.946.546
-	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – CN Lăng Hà	149.180.605.400	92.869.579.591	91.428.514.852
-	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	4.600.000.000	-	-
2	Vay dài hạn đến hạn trả	34.597.802.000	31.134.992.000	10.883.672.887
II	Vay dài hạn	273.561.943.833	399.532.806.082	482.066.393.016
I	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Điện Biên	125.368.400.000	-	-
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bắc Hà	2.599.862.697	1.279.862.697	-
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Tây	3.062.882.087	782.882.087	36.646.070.847

TT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
I	Các khoản phải thu ngân hàng	209.362.018.969	259.742.782.221	328.127.440.766
I	Phải thu ngân hàng của khách hàng	191.887.085.815	214.397.220.985	253.637.892.173
2	Trả trước cho người bán ngân hàng	4.710.508.285	19.480.218.096	38.001.340.226
3	Phải thu về cho vay ngân hàng	500.000.000	13.720.000.000	19.295.400.000
4	Phải thu ngân hàng khác	43.814.692.389	23.580.716.248	32.134.242.645
5	Dự phòng phải thu ngân hàng khó đòi	(31.550.267.520)	(11.435.373.108)	(14.941.434.278)
6	Tài sản thiếu chờ xử lý	/	/	/

Đơn vị: đồng

Bảng số 29: Các khoản phải thu của Công ty (Công ty mẹ)

12.1.8. Tình hình công nợ hiện nay:

(Công ty)

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2017, BCTC tự lập hợp nhất 9 tháng đầu năm 2018 của

Tổng cộng		605.201.446.502	631.815.213.046	757.647.310.012
4	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Thanh Công	99.669.682	-	-
5	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Gia Lai	81.421.093.057	310.637.180.392	364.784.687.263
6	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – CN Lăng Hà	8.613.841.148	47.192.501.787	46.592.501.787
7	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – CN Hà Giang	49.490.009.002	39.048.631.395	33.648.631.395
8	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Quang Trung	2.906.186.160	591.747.724	394.501.724
Tổng cộng		605.201.446.502	631.815.213.046	757.647.310.012

TT	Chi tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
I	Các khoản phải thu	358.349.501.963	454.986.191.490	456.598.538.998
I	Phải thu ngân hàng của khách hàng	333.069.321.622	381.000.084.206	357.708.764.905
2	Trả trước cho người bán ngân hàng	14.459.358.901	28.095.838.727	50.553.291.648
3	Phải thu về cho vay ngân hàng	795.721.745	795.721.745	795.721.745
4	Phải thu ngân hàng khác	64.971.253.794	65.082.339.322	71.034.614.380
5	Dự phòng phải thu ngân hàng khó đòi	(54.946.154.099)	(19.987.792.510)	(23.493.853.680)
II	Các khoản phải thu dài hạn	26.463.697.456	24.045.497.210	23.830.555.205
I	Phải thu dài hạn của khách hàng	25.304.197.456	23.161.497.210	22.958.055.205
2	Phải thu dài hạn khác	1.159.500.000	884.000.000	872.500.000
Tổng cộng		384.813.199.419	479.031.688.700	480.429.094.203

Bảng số 30: Các khoản phải thu của Công ty (Hợp nhất)

(Đơn vị: đồng)

(Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán 2017, BCTC tự lập công ty mẹ 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty)

TT	Chi tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
I	Nợ ngắn hạn	422.668.608.238	374.445.218.220	448.775.724.308

(Đơn vị: đồng)

Bảng số 31: Các khoản phải trả của Công ty (Công ty mẹ)

(Công ty)

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2017, BCTC tự lập hợp nhất 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty)

1	Phải trả người bán	53.147.632.432	59.481.025.075	78.078.922.822
2	Người mua trả tiền trước ngân hàng	43.078.514.531	102.456.388.353	109.748.703.037
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13.798.799.951	20.760.668.752	5.801.620.862
4	Phải trả người lao động	11.469.231.813	10.582.945.824	19.100.335.291
5	Chi phí phải trả ngân hàng	15.612.901.456	10.949.675.682	6.495.384.863
6	Doanh thu chưa thực hiện ngân hàng	/	42.500.000	42.500.000
7	Phải trả ngân hàng khác	85.402.303.898	49.089.347.025	26.292.564.898
8	Vay và nợ thuế tài chính ngân hàng	193.781.280.215	118.358.762.373	199.271.456.375
9	Dự phòng phải trả ngân hàng	4.708.562.688	1.047.970.920	1.279.754.489
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.669.381.254	1.675.934.216	2.664.481.671
II	Nợ dài hạn	53.381.681.035	67.699.064.290	63.422.153.520
1	Phải trả người bán dài hạn	7.783.336.738	7.985.356.815	7.377.421.935
2	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	202.250.000	/	/
3	Phải trả dài hạn khác	1.000.000.000	500.000.000	/
4	Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	5.662.744.784	56.682.744.784	53.703.421.934
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	/	/	/
6	Dự phòng phải trả dài hạn	38.733.349.513	2.530.962.691	2.341.309.651
Tổng cộng		476.050.289.273	442.144.282.510	512.197.877.828

(Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán 2017, BCTC từ lập công ty mẹ 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty)

Bảng số 32: Các khoản phải trả của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/09/2018
I	Nợ ngắn hạn	696.158.136.271	547.854.602.451	547.713.103.752

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

1	Phải trả người bán ngắn hạn	93.929.694.255	104.081.088.012	92.692.879.493
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	54.206.276.189	68.450.589.632	69.802.806.231
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21.842.290.205	29.750.385.895	19.643.738.254
4	Phải trả người lao động	23.457.211.380	19.092.742.179	23.722.369.760
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	21.193.998.019	24.586.306.480	17.003.380.439
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	42.500.000	42.500.000
7	Phải trả ngắn hạn khác	130.830.527.997	65.505.099.345	43.650.482.818
8	Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	331.639.502.669	232.282.406.964	275.580.916.996
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	16.451.878.788	1.180.581.390	1.412.364.959
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.606.756.769	2.882.902.554	4.161.664.802
II	Nợ dài hạn	336.108.278.599	422.591.823.541	504.218.022.437
1	Phải trả người bán dài hạn	14.068.265.660	19.682.179.398	19.539.753.748
2	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	202.250.000	-	-
3	Phải trả dài hạn khác	1.000.000.000	500.000.000	-
4	Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	273.561.943.833	399.532.806.082	482.066.393.016
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.076.020.315	-	-
6	Dự phòng phải trả dài hạn	46.199.798.791	2.876.838.061	2.611.875.673
Tổng cộng		1.032.266.414.870	970.446.425.992	1.051.931.126.189

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2017, BCTC tự lập hợp nhất 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty)

12.2. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng số 33: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (Công ty mẹ)

TT	Khoản mục			BVT	Năm 2016	Năm 2017
I.	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần		1,13	1,23	
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần		0,93	1,09	
II.	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần		0,6	0,55	
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần		1,50	1,21	
III.	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
1	Vòng quay hàng tồn kho	vòng		10,27	5,32	
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần		0,99	0,57	
IV.	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
1	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%		6,79%	13,21%	
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%		16,62%	17,64%	
3	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%		6,70%	7,52%	
4	Tỷ suất lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%		6,44%	11,01%	
5	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng		4.464	5.209	

(Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán 2016, 2017 của Công ty)

Bảng số 34: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (Hợp nhất)

TT	Khoản mục			BVT	Năm 2016	Năm 2017
I.	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần		1,12	1,38	
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần		0,89	1,14	
II.	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần		0,71	0,66	
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần		2,44	1,96	
III.	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
1	Vòng quay hàng tồn kho	vòng		5,71	3,61	

TT	Khoản mục			Năm 2016	Năm 2017
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần		0,69	0,48
IV.	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%		3,90%	12,08%
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%		8,98%	18,46%
3	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%		2,68%	5,81%
4	Tỷ suất lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%		2,40%	10,48%
5	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng		2.599	6.274

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2016, 2017 của Công ty)

13. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng
13.1. Danh sách thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng
Bảng số 35: Danh sách thành viên HĐQT, BKS, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Trần Văn Ngụ	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT
4	Ông Phạm Việt Cường	Thành viên HĐQT
5	Ông Dương Hoài Nam	Thành viên HĐQT không điều hành
	Ban Tổng Giám đốc	
1	Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
2	Ông Phạm Lập	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
	Ban Kiểm soát	
1	Bà Hà Hồng Nhung	Trưởng BKS
2	Ông Đặng Xuân Thu	Thành viên BKS
3	Ông Nguyễn Vũ Hải	Thành viên BKS
	Kế toán trưởng	
1	Ông Trần Văn Ngụ	Kế toán trưởng

13.2. Sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

❖ Ông Nguyễn Văn Sơn – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên: Nguyễn Văn Sơn

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 11/06/1969

Nơi sinh: Thái Hòa – Bình Giang – Hải Dương

Số CMND: 13287781 do Công an Hòa Bình cấp ngày 30/4/2004

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: C16, Khu Chung cư La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 02433 545 068

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện Tự động hóa

Quá trình công tác (nếu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

Thời gian công tác	Tên công ty	Chức vụ
04/1996 – 07/1997	Công ty Xây lắp Năng lượng Sông Đà 11	Đội trưởng đội điện tại Công trường thủy điện Yaly
07/1999 – 03/2000	Xi nghiệp xây lắp năng lượng Sông Đà 11	Đội trưởng Đội điện
03/2000 – 07/2002	CN Sông Đà 11 tại Miền Nam	Phó Giám đốc
07/2002 – 03/2005	Công ty cổ phần Sông Đà 11	Phó Tổng Giám đốc Công ty kiểm Giám đốc xí nghiệp 11.2
03/2005 – 07/2008	Công ty cổ phần Sông Đà 11	Phó Tổng Giám đốc Công ty kiểm Giám đốc xí nghiệp 11.5
07/2008 – 04/2010	Công ty cổ phần Sông Đà 11	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 11 – Thăng Long
4/2010-6/2014	Công ty cổ phần Sông Đà 11	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc công ty
6/2014-nay	Công ty cổ phần Sông Đà 11	Chủ tịch HĐQT

7/2018-nay	Tổng Công ty Sông Đà - Phó Tổng giám đốc	CTCP
	Tổng Công ty Sông Đà	- CTCP

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác và số cổ phiếu sở hữu tại các tổ chức

này:

STT	Tên tổ chức	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	Phó tổng giám đốc	0%
2	Công ty cổ phần Đầu tư điện mặt trời	Chủ tịch HĐQT	0%

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Sở hữu cá nhân: 499.505 cổ phần, chiếm 4,32% vốn điều lệ công ty.

+ Đại diện vốn của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP: 1.500.000 cổ phần

- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ tại tổ chức chào bán:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Nguyễn Thị Thảo	Chị ruột	3.250	0,028%

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với Công ty (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

❖ Ông Trần Văn Ngu – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Trần Văn Ngu

- Giới tính: Nam

- Ngày, tháng, năm sinh: 30/10/1979

- Nơi sinh: Nghĩa Thành - Nghĩa Hưng - Nam Định

- Số CMTND: 017309764 do Công an Hà Nội cấp ngày 08 tháng 01 năm 2014

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: B44, TT14, KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

- Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 02433 545 867

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

BẢN CẠO BẠCH
Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

- Quá trình công tác (nếu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

Thời gian công tác	Tên công ty	Chức vụ
2001 - 2002	XN Sông Đà 11.3 – Công ty Sông Đà 11	Kế toán tổng hợp
2002 - 2005	XN Sông Đà 11.2 – Công ty Sông Đà 11	Trưởng ban Tài chính kế toán
2005 - 2007	Công ty CP Sông Đà 11	Phó kế toán trưởng Kiểm Trưởng ban TCKT Xi nghiệp Sông Đà 11.2
2007 - 2008	Công ty cổ phần Sông Đà 11	Phó kế toán trưởng
2008 - 05/2010	Công ty cổ phần Sông Đà 11 – Thăng Long	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng
5/2010-nay	Công ty cổ phần Sông Đà 11	Phó chủ tịch HĐQT, Kế toán trưởng

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác và số cổ phiếu sở hữu tại các tổ chức này:

STT	Tên tổ chức	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	Thành viên HĐQT	0%
2	Công ty cổ phần Sông Đà Hà Nội	Thành viên HĐQT	0%
3	Công ty cổ phần Thủy Điện Đắk Doa	Chủ tịch HĐQT	0%
4	Công ty cổ phần Thủy điện To Bường	Thành viên HĐQT	3,556%
5	Công ty cổ phần Dầu tu điện Mặt trời	Thành viên HĐQT	0%

- Số cổ phần nắm giữ: 843.128 cổ phần, chiếm 7,30% vốn điều lệ Công ty
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ tại tổ chức chào bán: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với Công ty (nếu có): Không

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- ❖ Ông Lê Văn Tuấn – Thành viên HĐQT

Họ và tên: Lê Văn Tuấn

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 20/05/1970

Nơi sinh: Hòa Lâm – Ứng Hòa – Hà Nội

Số CMTND: 012845647 do Công an Hà Nội cấp ngày 07 tháng 04 năm 2006.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: SN 38 Villia2 khu đô thị Hyundai, Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: (024) 2 463 212

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Kỹ sư xây dựng, Thạc sĩ QTKD

Quá trình công tác (nếu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

Thời gian công tác	Tên công ty	Chức vụ
8/1993-1/1995	Công ty cổ phần Sông Đà 11	Nhân viên
2/1995-1/2005	Công ty cổ phần Sông Đà 11; Chi nhánh Công ty 11; Xây lắp năng lượng tại Yaly	Trưởng ban Kinh tế kế hoạch – CN Công ty Xây lắp Năng lượng tại Yaly; Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch Công ty CP Sông Đà 11
2/2005-6/2008	Công ty CP Sông Đà 11	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Sông Đà 11
7/2008 – 5/2010	Công ty CP Sông Đà 11	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Sông Đà 11; Thành viên HĐQT Công ty CP Sông Đà 11 Thăng Long
6/2010-5/2012	Công ty CP Sông Đà 11	Thành viên HĐQT Công ty CP Sông Đà 11; Thành viên HĐQT kiêm Thăng Long

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

- Số điện thoại liên lạc: 0914141569 Nội			
- Địa chỉ thường trú: P505 nhà H1-3, P. Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Hà			
- Dân tộc: Kinh			
- Quốc tịch: Việt Nam			
- Số CMND: 013210660 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 22/07/ 2009.			
- Nơi sinh: Ràng Đông, Nghĩa Hưng, Nam Định			
- Ngày, tháng, năm sinh: 12/01/1972			
- Giới tính: Nam			
- Họ và tên: Phạm Viết Cường			
❖ Ông Phạm Viết Cường – Thành viên HĐQT			
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không			
- Lợi ích liên quan với Công ty (nếu có): Không			
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không			
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không			

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Nguyễn Thị Hoan	Vợ	170.300	0,0015%

- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ tại tổ chức chào bán:
 + Đại diện phần vốn của Tổng Công ty Sông Đà: 1.400.000 cổ phần.
 + Sở hữu cá nhân: 86.600 cổ phần, chiếm 0,75% vốn điều lệ công ty.
 - Số cổ phần nắm giữ:
 này: Không
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác và số cổ phiếu sở hữu tại các tổ chức
 - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiểm Tổng Giám đốc.

6/2014-nay	Công ty CP Sông Đà 11	Thành viên HĐQT kiểm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 11
5/2012-6/2014	Công ty CP Sông Đà 11 - Thăng Long	Thành viên HĐQT kiểm Tổng Giám đốc Công ty CP Sông Đà 11 Thăng Long
		Tổng Giám đốc Công ty CP Sông Đà 11 Thăng Long

BẢN Cáo BáCH
Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác (nếu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

Thời gian công tác	Tên công ty	Chức vụ
02/1998 – 01/2001	Công ty cổ phần Sông Đà 11	Nhân viên phòng Kinh tế – Kế hoạch
02/2001 – 06/2008	Xí nghiệp Sông Đà 11.2	Nhân viên, Trưởng ban, Phó Giám đốc
07/2008 – 7/2010	Công ty CP Sông Đà 11-Thăng Long	Phó TGB Công ty
08/2010 – 02/2012	Công ty CP Sông Đà 11	Trưởng phòng Kinh tế – Kế hoạch
03/2012-01/2018	Chi nhánh Sông Đà 11.1	PGD, GD Chi nhánh 11.1
02/2018 - nay	Công ty CP Sông Đà 11	Thành viên HĐQT KT&KH kiểm tra phòng

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiểm tra phòng Kinh tế – Kế hoạch

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác và số cổ phiếu sở hữu tại các tổ chức này: Không

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Sở hữu cá nhân: 91.000 cổ phần, chiếm 0,79% vốn điều lệ công ty.
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ tại tổ chức chào bán:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Nguyễn Thị Hòa	Vợ	125.650	1,09%

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không

- Lợi ích liên quan với Công ty (nếu có): Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

- ❖ Ông Dương Hoài Nam – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Dương Hoài Nam

- Giới tính: Nam

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

BẢN Cáo BẠCH

Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

- Ngày, tháng, năm sinh: 31/12/1987
- Nơi sinh: Hòa Bình
- Số CMND: 012692465 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 14/05/2004
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Lô 87 TT4 – KBT Mỹ Đình Mễ Trì - Mỹ Đình 1 – Nam Từ Liêm – Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0912572868
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân thương mại Quốc tế
- Quá trình công tác (nếu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

Thời gian công tác	Tên công ty	Chức vụ
2005 - 2006	Trường Wellington College – New Zealand	Học sinh
2006 - 2010	Victory University of Wellington – New Zealand	Sinh viên
2011 - 2012	Ngân hàng TPCP kỹ thương Việt Nam	Chuyên viên chính phòng tín dụng
2013 – 5/2014	Ngân hàng TMCP Liên Việt	Chuyên viên phòng khách hàng doanh nghiệp
5/2014 – 10/2016	Ngân hàng CP ngoại thương Việt Nam	Chuyên viên phòng quản trị rủi ro
10/2016 - 2017	Công ty CP Sông Đà 5	Trưởng phòng quản trị rủi ro
6/2014 - nay	Công ty cổ phần Sông Đà 11	Thành viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác và số cổ phiếu sở hữu tại các tổ chức này:
- Số cổ phần nắm giữ: Không
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ tại tổ chức chào bán:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Dương Khánh Toàn	Cha	9.000	0,08%

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với Công ty (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

❖ Bà Hà Hồng Nhung – Trưởng Ban kiểm soát
Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: Hà Hồng Nhung

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 02/07/1992

Nơi sinh: Thanh Hóa

Số CMND/ hộ chiếu: 013443502 do Công an Hà Nội cấp ngày 25/06/2011

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Phòng 514 T5 – Cầu thang 4, DN 3, Tòa nhà CT9, Khu đô thị Mỹ Đình, Mễ Trì, đường Trần Văn Lai, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0839612340

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính

Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

Thời gian công tác	Tên công ty	Chức vụ
1/2015 – 5/2018	Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Chuyên viên Ban Tài chính kế toán
5/2018 - nay	Công ty cổ phần Sông Đà 11	Trưởng Ban Kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác và số cổ phiếu sở hữu tại các tổ chức này (nếu có): Không

Số cổ phần nắm giữ tại công ty:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

+ Đại diện vốn của Tổng Công ty Sông Đà – CTCP: 203.000 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ tại tổ chức chào bán: Không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không

Lợi ích liên quan với Công ty (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

❖ Ông Đặng Xuân Thu – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: Đặng Xuân Thu

- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 06/02/1960
- Nơi sinh: Đồng Lạc – Chương Mỹ – Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/Hộ chiếu: 012198122 do Công an Hà Nội cấp ngày 08/10/2011
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phòng 203 nhà chung cư - Khu đô thị Văn Khê - Hà Đông
- Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 0912546260
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác (nếu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

Thời gian công tác	Tên công ty	Chức vụ
10/1978 – 10/1979	Học tại trường lái xe quân khu 3	Học viên
10/1979 - 02/1983	Trung đoàn vận tải quân khu 3	Lái xe
02/1983 - 06/1994	Tổng Công ty Sông Đà	Lái xe tại văn phòng
06/1994 - 10/1999	Công ty cát đá sỏi thuộc Bộ xây dựng	phòng
10/1999 - 7/2002	Công ty cát đá sỏi thuộc Bộ xây dựng	Phó phòng tổ chức
7/2002 - đến nay	Công ty Sông Đà 11	Trưởng phòng tổ chức hành chính

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên ban kiểm soát kiểm Trưởng
- phòng Tổ chức – hành chính
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác và số cổ phiếu sở hữu tại các tổ chức này (nếu có): Không
- Số cổ phần nắm giữ tại công ty: 1.300 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ Công ty
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ tại tổ chức chào bán: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với Công ty (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- ❖ Ông Nguyễn Vũ Hải – Thành viên Ban Kiểm Soát
- Họ và tên: Nguyễn Vũ Hải
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 24/8/1976

- Nơi sinh: Hai Bà Trưng – Hà Nội
- Số CMND: 001076016469 do Cục BKQL&DLQG về dân cư cấp ngày 19/6/2017
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: B3 Lô 3 Đô thị Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
- Điện thoại cơ quan: 090 345 6886
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

Thời gian công tác	Tên công ty	Chức vụ
09/1999 – 03/2000	Công ty XNNL Sông Đà 11	Nhân viên Phòng KTKH
04/2000 – 09/2003	Tổng công ty Sông Đà – BDH Dự án nước 4 tỉnh	Nhân viên BDH Dự án nước 4 tỉnh
10/2003 – 09/2004	Công ty CP Sông Đà 11	Nhân viên Phòng KTKH
09/2004 – 05/2007	Chi nhánh Sông Đà 11.2	Phó ban KTKH
05/2007 – 07/2008	Chi nhánh Sông Đà 11.2 Thăng Long	Trưởng ban KTKH
08/2008 – 05/2010	Chi nhánh Sông Đà 11.2 Thăng Long	Phó giám đốc chi nhánh
06/2010 – 8/2010	Công ty cổ phần Sông Đà 11	Nhân viên Phòng KTKH
08/2010 – 03/2014	Chi nhánh Sông Đà 11.9	Phó Giám đốc chi nhánh
4/2014 – 9/2016	Công ty cổ phần Sông Đà 11	Phó Phòng KTKH
10/2016 – 01/2018	Chi nhánh Sông Đà 11.1	Phó Giám đốc chi nhánh
02/2018 - nay	Công ty cổ phần Sông Đà 11	Phó phòng KTKH

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên ban kiểm soát kiêm Phó phòng KTKH
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác và số cổ phiếu sở hữu tại các tổ chức này (nếu có): Không
- Số cổ phần nắm giữ tại công ty: 241.383 cổ phần, chiếm 2,09% vốn điều lệ Công ty
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ tại tổ chức chào bán: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với Công ty (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Thành viên Ban Giám đốc

❖ **Ông Lê Văn Tuấn – Tổng Giám đốc**

Thông tin SYLL tại mục Thành viên HĐQT

❖ **Ông Phạm Lập – Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: Phạm Lập
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng năm sinh: 7/9/1963
- Nơi sinh: Lê Lợi, Kiến Xương, Thái Bình
- Số CMND/hộ chiếu: 112374193 do Công an Hà Tây cấp ngày 27/03/2007
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: A38 TT12 KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 0242 146 472
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Quá trình công tác (nếu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

Thời gian công tác	Tên công ty	Chức vụ
1986 – 1989	Trưởng Sỹ quan chỉ huy	Giáo viên
	KT tăng thiết giáp	
1990 – 1993	Công ty Xây lắp năng	Trưởng ban KTKH
	lượng Sông Đà	
1994 – 2003	Công ty Xây lắp năng	Phó GD XI nghiệp thuộc
	lượng Sông Đà	Công ty Xây Lắp năng
2004 – 2006	Công ty Xây Lắp năng	Giám đốc XI nghiệp Sông
	lượng Sông Đà	Đà 11.1
2007 – 2010	Công ty cổ phần đầu tư	Tổng giám đốc
	Công ty cổ phần đầu tư	và xây lắp Sông Đà 11
2010-Nay	CTCP Sông Đà 11	Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác và số cổ phiếu sở hữu tại các tổ chức này (nếu có): Không
- Số cổ phần nắm giữ tại công ty: 26.529 cổ phần, chiếm 0,23% vốn điều lệ

- Công ty
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ tại tổ chức chào bán: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với Công ty (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- ❖ Ông Nguyễn Văn Hai – Phó Tổng Giám đốc
- Họ và tên: Nguyễn Văn Hai
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng năm sinh: 17/05/1967
- Nơi sinh: Đại Đồng, Từ Kỳ, Hải Dương
- Số CMND: 012192796 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 20/3/2014
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 10 TT Dưng cù cát và đo lường, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0919 254 893
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hệ thống điện, Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác (nếu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

Thời gian công tác	Tên công ty	Chức vụ
Năm 1994-1995	Công ty CP Sông Đà 11	Đội trưởng đội lắp đặt cơ khí trạm khí nén 5k Vally
Năm 1996 – 1999	Công ty CP Sông Đà 11	Cán bộ phòng KTKH
Năm 1999-2002	Công ty CP Sông Đà 11	Trưởng ban KTKH – XN Sông Đà 11.4
Năm 2002-2003	Công ty CP Sông Đà 11	Phó giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 11.4
Năm 2003-2005	Công ty CP Sông Đà 11	Trưởng phòng dự án Cty CP Sông Đà 11
Năm 2005-2009	Công ty CP Sông Đà 11	Giám đốc Chi nhánh Cty CP Sông Đà 11 tại Miền Nam
Năm 2009-2010	Công ty CP Sông Đà 11	Trưởng phòng kinh tế kế hoạch Cty CP Sông Đà 11

Năm 2010-2012	Công ty CP Sông Đà 11	Giám đốc chi nhánh sông đà 11.7
Năm 2012-4/2018	Công ty CP Sông Đà 11	Trưởng phòng kinh tế kế hoạch Cty CP Sông Đà 11
Tháng 4/2018 đến nay	Công ty CP Sông Đà 11	Phó tổng giám đốc Cty CP Sông Đà 11

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác và số cổ phiếu sở hữu tại các tổ chức này (nếu có):

STT	Tên tổ chức	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Công ty cổ phần Dầu tu	Thành viên BKS	0%

- Số cổ phần nắm giữ tại công ty: 87 cổ phần, chiếm 0,0008% vốn điều lệ Công ty

- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ tại tổ chức chào bán: Không

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không

- Lợi ích liên quan với Công ty (nếu có): Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Kế toán trưởng

❖ Ông Trần Văn Ngự – Kế toán trưởng

Thông tin SYTL tại mục Thành viên HĐQT

14. Tài sản

Bảng số 36: Giá trị tài sản có định tại ngày 31/12/2017 (Công ty mẹ)

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/Nguyên giá
Tài sản cố định hữu hình	185.576.963.914	83.338.227.823	44,91%
Nhà cửa, vật kiến trúc	86.666.042.683	52.173.827.017	60,20%
Máy móc, trang thiết bị	79.363.174.497	29.978.195.974	37,77%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	18.583.575.352	900.039.701	4,84%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	964.171.382	286.165.131	29,68%

(Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán 2017 của Công ty)

- Tài sản có định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất vô thời hạn.

- Một số tài sản cố định có giá trị là 67.718.816.419 VNĐ đang được thế chấp cho các khoản vay trung hạn và dài hạn tại các Ngân hàng

Bảng số 37: Giá trị tài sản cố định tại ngày 30/09/2018 (Công ty mẹ)

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/Nguyên giá
Tài sản cố định hữu hình	185.176.658.579	76.321.190.156	41,22%
Nhà cửa, vật kiến trúc	86.666.042.683	49.333.528.542	56,92%
Máy móc, trang thiết bị	79.363.174.497	26.214.224.770	33,03%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	18.135.470.017	544.434.660	3,00%
Thiết bị dụng cụ quản lý	1.011.971.382	229.002.184	22,63%

(Nguồn: BCTC công ty mẹ tự lập 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty)

- Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn.

Bảng số 38: Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2017 (Hợp nhất)

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/Nguyên giá
Tài sản cố định hữu hình	939.841.399.903	637.506.821.457	67,83%
Nhà cửa, vật kiến trúc	506.206.413.495	386.337.619.517	76,32%
Máy móc, trang thiết bị	352.943.703.577	201.628.000.396	57,13%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	78.396.588.366	48.996.294.402	62,50%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.294.694.465	544.907.142	23,75%
Tài sản cố định vô hình	6.775.248.986	6.657.997.234	98,27%
Quyền sử dụng đất	6.657.997.234	6.657.997.234	100,00%
Phần mềm máy tính	117.251.752	0	0%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 của Công ty)

Bảng số 39: Giá trị tài sản cố định tại ngày 30/09/2018 (hợp nhất)

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/Nguyên giá
Tài sản cố định hữu hình	936.878.097.961	605.349.589.636	64,61%
Nhà cửa, vật kiến trúc	530.004.069.173	395.028.507.615	74,53%
Máy móc, trang thiết bị	377.458.807.227	209.591.051.552	55,53%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	27.072.727.096	353.191.911	1,30%

Thiết bị dùng cụ quản lý	2.342.494.465	376.838.559	16,09%
Tài sản cố định vô hình	6.775.248.986	6.657.997.234	98,27%
Quyền sử dụng đất	6.657.997.234	6.657.997.234	100,00%
Phần mềm máy tính	117.251.752	0	0,00%

(Nguồn: BCTC hợp nhất từ lập 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty)

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

15.1. Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức

Bảng số 40: Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận của Công ty

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	% tăng giảm so với năm 2017
1	Tổng giá trị sản xuất kinh doanh	Triệu đồng	700.000	22,76%
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	645.180	26,35%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	75.000	4,01%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	63.930	6,22%
5	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/tổng doanh thu	%	9,91%	-15,93%
6	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	/	/
7	Dự kiến tỷ lệ trả cổ tức (bảng cổ phiếu)	Triệu đồng	20%	13,04%

(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 11)

15.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Trong năm 2017, công ty đã hoàn thành toàn bộ các chỉ tiêu kế hoạch đề ra một cách xuất sắc. Tất cả các chỉ tiêu đề ra đều hoàn thành vượt kế hoạch. Doanh thu thực hiện năm 2017 vượt 2,1% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2017 vượt 143,9% so với kế hoạch. Năm 2018, Công ty dự kiến tăng doanh thu 26,35% so với năm 2017. Lợi nhuận sau thuế dự kiến tăng thêm 6,22% so với năm 2017. Kế hoạch năm 2018 của Công ty được xây dựng trên cơ sở những kết quả đã đạt được năm 2017 cùng việc đánh giá thị trường điện tiếp tục tăng trưởng trong những năm tới. Công ty đã chi tiết kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức, cụ thể:

Trong những năm gần đây, doanh thu và lợi nhuận của Công ty luôn duy trì ở mức cao. Năm 2015, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 85,7 tỷ đồng; năm 2016, lợi nhuận sau thuế là 51,5 tỷ đồng. Năm 2017, lợi nhuận sau thuế là 60,2 tỷ đồng. Hiện nay, Công ty đã có năng lực đầu tư mạnh, các đơn vị thi công chuyên nghiệp hoàn toàn đảm bảo khả năng tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận không thấp hơn năm trước.

Hiện nay, Nhà máy Thủy điện Thác Trảng, Nhà máy Thủy điện To Bùng, Thủy điện Đông Khuà, Thủy điện Đak Đoa, Thủy điện Sông Miến đã hoạt động rất ổn định, đem lại lợi nhuận năm sau năm trước. Ngoài ra, hoạt động xây lắp điện cũng rất hiệu quả. Năm 2018, Công ty dự kiến doanh thu xây lắp của Công ty sẽ đạt khoảng 650

tỷ đồng. Dự kiến năm 2018, Công ty sẽ đạt lợi nhuận sau thuế 64 tỷ đồng với chi tiết như sau: Được nhận cổ tức từ Công ty cổ phần Thủy điện Đak Đoa là 10,8 tỷ đồng, lợi nhuận của Nhà máy Thủy điện Thác Tráng đạt 17 tỷ đồng, còn lại lợi nhuận từ hoạt động xây lắp đem lại 36,2 tỷ đồng.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia đưa ra đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Sông Đà 11 trong năm 2017 dựa trên cơ sở thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của Công ty cổ phần Sông Đà 11.

Đối với chỉ tiêu vốn điều lệ, trong quý IV/2018, Công ty cổ phần Sông Đà 11 sẽ thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ với tỷ lệ là 10: 06 thì việc đạt được kế hoạch đề ra là hoàn toàn khả thi.

Công ty cũng đã chi trả mức cổ tức năm 2017 là 23%, cùng với những dự báo tích cực về thị trường từ giữa năm 2018, các chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh của Công ty là phù hợp.

Chúng tôi lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có tính chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Các nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường cổ tổ chức

Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký lưu ký bỏ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bỏ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Sông Đà 11

2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

3. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

4. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: 6.931.863 cổ phiếu

5. Giá chào bán dự kiến:

Giá chào bán cổ phiếu hiện hữu là: 15.000 đồng/cổ phiếu

(Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2018 số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/10/2018 của Công ty cổ phần Sông Đà 11 thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ).

6. Phương pháp tính giá

Phương pháp tính giá cổ phiếu chào bán cho các cổ đông hiện hữu đã được trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2018 thông qua. Mức giá cổ phiếu dự kiến chào cho cổ đông hiện hữu xác định trên cơ sở so sánh giá được tính theo 2 phương pháp:

a) Giá trị sổ sách của cổ phiếu:

$$\begin{aligned} & \text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu - TSCĐ vô hình}}{\text{Số cổ phiếu đang lưu hành}} \\ & \text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} = \frac{364.670.657.287 - 10.233.937.000}{11.553.105} = 30.679 \text{ đồng} \\ & \text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} = \frac{360.131.315.456 - 10.233.937.000}{11.553.105} = 30.286 \text{ đồng} \end{aligned}$$

b) Căn cứ thị giá cổ phiếu SJE:

Thị giá cổ phiếu SJE tại ngày giao dịch không hưởng quyền chốt danh sách cổ đông xin ý kiến cổ đông bằng văn bản (ngày 20/09/2018) là 28.500 đồng/cổ phiếu. Khối lượng giao dịch cổ phiếu SJE không lớn so với tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của công ty. Tuy nhiên, đây là đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, để bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông hiện hữu và nâng cao khả năng chào bán thành công, Hội đồng quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông thông qua mức giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 15.000 đồng/cổ phiếu.

7. Phương thức phân phối

Việc phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu được thực hiện theo phương thức thực hiện quyền mua. Tỷ lệ phân bổ quyền 10 : 06 (nghĩa là cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua, 10 quyền được mua 06 cổ phiếu mới). Cổ phiếu quỹ (nếu có)

không được phân bổ quyền mua.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 100 cổ phần tại thời điểm chốt danh sách cổ đông, theo tỷ lệ thực hiện quyền 10 : 06 thì cổ đông A được hưởng 100 quyền mua và được mua 60 cổ phiếu chào bán.

a) Quy định về việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu:

Cổ đông được chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác nhưng chỉ được chuyển nhượng quyền mua một (01) lần với giá do hai bên tự thỏa thuận trong thời gian quy định (được SJE thông báo sau khi nhận được chấp thuận của UBCKNN). Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng lại cho người thứ ba.

Trong trường hợp các cổ đông hiện hữu chuyển nhượng quyền mua cổ phần cho các Nhà đầu tư/ cổ đông khác dẫn đến tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư / cổ đông đó tại SJE vượt qua các mức tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai theo quy định của pháp luật thì Đại hội đồng cổ đông chấp thuận cho Nhà đầu tư/ cổ đông đó được mua cổ phần mà không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai theo quy định.

b) Xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu cổ đông từ chối mua:

- Công ty phát hành cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 10 : 06 (nghĩa là cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua, 10 quyền được mua 06 cổ phiếu mới). Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.

- Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán mà cổ phiếu chào bán vẫn không được phân phối hết do cổ đông không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết (nếu có) thì số cổ phần còn lại được coi như chưa chào bán và tổng số cổ phần chào bán của đợt này sẽ được tính giảm theo số lượng tương ứng.

8. Thời gian phân phối cổ phiếu

- Trong Quý IV/2018. Việc phân phối cổ phiếu được thực hiện trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu.
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời gian triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu phù hợp với tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu vốn của Công ty trong thời hạn phân phối cổ phiếu nêu trên.

Dự kiến Lịch trình phân phối cổ phiếu chào bán như sau:

TT	Công việc	Dự kiến thời gian thực hiện
----	-----------	-----------------------------

9. **Đăng ký mua cổ phiếu**
- Thời hạn đăng ký: Tối thiểu 20 ngày kể từ ngày được phép thực hiện quyền mua, cổ đông thuộc Danh sách sở hữu cuối cùng sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu và nộp tiền theo tỷ lệ được mua đã quy định. Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở các thành viên lưu ký (Công ty chứng khoán thành viên) nào sẽ chuyển quyền, đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu tại Công ty cổ phần Sông Đà 11.
 - Thủ tục thực hiện chuyển nhượng quyền mua cổ
 - + Cổ đông sở hữu quyền mua cổ phần tự tìm đối tác và thỏa thuận việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần tại Công ty chứng khoán thành viên nơi bên chuyển nhượng mở tài khoản.
 - + Sau khi VSD gửi báo cáo phân bổ cổ phiếu chào bán thêm đến các TVLK, các

1	Nhận Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán từ UBCKNN.	D
2	Gửi thông báo chốt danh sách cổ đông tới VSD chốt DSCD thực hiện quyền mua cổ phiếu	D + 2
3	Công bố thông tin về đợt chào bán trên một tờ báo điện tử hoặc báo viết trong 03 số báo liên tiếp.	D đến D+7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền.	D + 12
5	Ngày đăng ký cuối cùng.	D + 13
6	Tổng hợp danh sách cổ đông, thực hiện phân bổ quyền mua cổ phần.	D + 15
7	Phân bổ cổ phiếu phát hành. Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phiếu.	D + 15 đến D + 35
8	Tổng hợp số lượng cổ phiếu chào bán và HĐQT xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không đặt mua theo Nghị quyết DHBCH.	D + 35 đến D + 40
9	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo UBCKNN kết quả đợt chào bán. - Nộp Hồ sơ đăng ký lưu ký và đăng ký niêm yết bổ sung. 	D + 45
10	Nhận Giấy phép Lưu ký bổ sung và Đăng ký niêm yết bổ sung.	D + 70
11	Công bố thông tin về việc niêm yết bổ sung cổ phiếu.	D + 70
12	Trao trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký	D + 70 đến D + 80
13	Giao dịch cổ phiếu chào bán thêm.	D + 80

TVLK sẽ hạch toán cổ phiếu phát hành thêm vào tài khoản lưu ký của nhà đầu tư.

- + Cổ đông chưa lưu ký sẽ thực hiện chuyển nhượng quyền mua cổ phần tại Công ty cổ phần Sông Đà 11.
- + Sau khi SJF hoàn tất các thủ tục phân phối cổ phiếu, các cổ phiếu mới chào bán có quyền lợi và nghĩa vụ như cổ phiếu cũ đang lưu hành.

- Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu: Không giới hạn số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu.
- Thời hạn và cách thức trả lãi tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu: Không áp dụng.
- Lưu ý: Trong thời hạn đăng ký thực hiện quyền mua theo quy định, các cổ đông không thực hiện quyền mua của mình thì sẽ bị mất quyền mua cổ phần mới mà không nhận được bất cứ sự đền bù nào của Công ty.

10. Phương thức thực hiện quyền

Điều kiện, thời gian thực hiện quyền:

- + Cổ đông hiện hữu: các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông chốt tại ngày chốt danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu.
- + Thời gian thực hiện quyền dự kiến: Theo thời gian nêu trong lịch trình dự kiến tại mục V.7

Phương thức thanh toán quyền mua cổ phiếu:

- + Đối với cổ đông đã đăng ký lưu ký cổ phiếu: Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu tại thành viên lưu ký nào sẽ được nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu và đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm tại Công ty cổ phần Sông Đà 11.
- + Đối với cổ đông chưa lưu ký: Cổ đông chưa thực hiện lưu ký cổ phiếu sẽ được nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu và đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm tại thành viên lưu ký đó.

Chuyển giao cổ phiếu:

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn tất đợt chào bán và báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước kết quả chào bán cổ phiếu, Công ty cổ phần Sông Đà 11 sẽ chuyển giao Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký tại trụ sở chính của Công ty.

Quyền lợi của người mua cổ phiếu:

Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu có quyền từ chối quyền mua hoặc chuyển nhượng quyền mua của mình trong thời gian quy định tại mục V.7. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác theo giá thỏa thuận của hai

bên và chỉ được chuyển nhượng một lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng cho người thứ ba).

11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 11 không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phiếu đối với cổ đông là người nước ngoài. Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tại Công ty sẽ tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán. Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ tài chính và hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông 20/09/2018, số cổ phần nhà đầu tư nước ngoài sở hữu tại công ty là 79.995 cổ phiếu, tỷ lệ 0,69% vốn điều lệ.

Theo Khoản 2 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 có quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau:

“Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau:

- a) Trường hợp điều kiện quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì thực hiện theo điều kiện quốc tế;

- b) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề dẫn đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.

Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề dẫn đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%;

- c) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều kiện quốc tế có quy định khác;

- d) Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c Khoản này, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác”

- Trong các ngành nghề Công ty đang hoạt động có ngành nghề văn tài hàng hóa bằng đường bộ có giới hạn tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 49%.

- Ngoài ra, Công ty có ngành nghề hoạt động kinh doanh bất động sản thuộc danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo danh mục

2. Phương án khả thi

Mặt Trời để thực hiện đầu tư xây dựng dự án Nhà máy điện mặt trời Phong Phú.

hưu tăng vốn điều lệ của Công ty nhằm đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần Dầu tư Điện

gian tới đã được ĐHCĐ Công ty thông qua, việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện

Cần cử vào chiến lược kinh doanh và kế hoạch đầu tư xây dựng dự án trong thời

1. Mục đích chào bán**VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN**

Nam - Chi nhánh Lăng Hạ.

- Ngân hàng mở tài khoản: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt
- Số tài khoản: 1400206033788
- Tên tài khoản: Công ty cổ phần Sông Đà 11

vào tài khoản phong tỏa của Công ty cổ phần Sông Đà 11 mở tại Ngân hàng:

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu của các cổ đông được chuyển

15. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhằm tiền mua cổ phiếu

Khoản 1a Điều 59 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012.

bổ sung trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau khi hoàn thành đợt chào bán theo quy định tại

Công ty cổ phần Sông Đà 11 cam kết thực hiện đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch

14. Đăng ký lưu ký và giao dịch bổ sung cổ phiếu chào bán

thuế theo quy định hiện hành áp dụng cho các doanh nghiệp.

- Đối với các loại thuế khác: Công ty tuân thủ theo Luật thuế và các chính sách về
- Thuế xuất, nhập khẩu: Công ty kê khai và nộp thuế theo thông báo của Hải quan.
- + Hoạt động cung cấp nước sạch: 5%

+ Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm, vật tư: 10%

với thuế suất như sau:

- Thuế Giá trị gia tăng: Công ty nộp thuế Giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ
- là 20% tính trên thu nhập chịu thuế (tính từ năm 2016).

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN theo thuế suất
- thuế Thu nhập cá nhân.

hiện Theo Luật 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật

- Đối với việc chuyển nhượng chứng khoán và quyền mua cổ phiếu chào bán: Thực

13. Các loại thuế có liên quan

chuyển nhượng.

- Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế

12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

lệ của nhà đầu tư nước ngoài tới đa tài công ty là 49%.

do Công thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài công bố. Vì vậy, tỷ lệ sở hữu vốn điều

Đầu tư xây dựng dự án Nhà máy điện mặt trời Phong Phú tại Xã Phong Phú, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận

- Tên dự án: Nhà máy Điện mặt trời Phong Phú – 42MWp
- Tên Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Đầu tư Điện Mặt Trời.
- Địa chỉ: Số nhà 1N7A đường Nguyễn Thị Thập, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Tổ chức lập hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH Kỹ thuật ứng dụng Việt Nam

- Tổ chức tư vấn thẩm tra: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện I và Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng điện Hà An.
- Cam kết cấp hạn mức tín dụng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây. Cụ thể:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây cấp cho Công ty cổ phần Đầu tư Điện Mặt Trời các khoản vay (mỗi khoản vay như vậy được gọi là “Khoản vay”) với tổng số tiền gốc tối đa 659.644.000.000 VND (nhưng không vượt quá 70% - Bảy mươi phần trăm Tổng mức đầu tư Dự Án (sau VAT)) (“Tổng Khoản Cam kết”), với điều kiện là tổng số dư nợ gốc của các Khoản vay của Ngân hàng tại một thời điểm nhất định không vượt quá Khoản Cam kết của Ngân hàng tại thời điểm đó, và tất cả các điều khoản và điều kiện quy định trong Hợp Đồng này và các Văn Kiện Tín dụng khác đã và được được tuân thủ và thực hiện đúng.

- Cấp công trình: Công trình công nghiệp năng lượng, nhóm B, cấp I, công suất lắp đặt 42 MWp. Cụ thể:

- Dự án Điện mặt trời Phong Phú có dây chuyển công nghệ chính là thiết bị quang điện. Cấp công trình theo quy mô công suất được xác định tại Điểm a Khoản 1 Điều 2 Thông tư 03/2016/TT-BXD, tương ứng với Mục 1.2.5.3 bảng 1.2 Phụ lục 1, cấp công trình theo quy mô công suất là cấp I.

- Trạm biến áp năng áp 22/110KV – 2 x 25 MVA và đường dây 110 KV: tương ứng với Mục 1.2.5.11 Bảng 1.2 Phụ lục 1. Cấp công trình xác định được là cấp II.

- Thẩm quyền quyết định đầu tư: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư điện Mặt Trời.

Mục tiêu dự án:

Mục tiêu của dự án nhằm đầu tư xây dựng nhà máy điện mặt trời Phong Phú với quy mô công suất khoảng 42MWp:

- Tăng cường “nguồn điện sạch” theo chỉ thị của Chính phủ, đáp ứng nhu cầu phụ tải của khu vực.

- Tào ra công ăn việc làm (khoảng 20 lao động chính thức và 20 lao động thời vụ).
- Mang lại lợi nhuận cho nhà đầu tư, đóng góp vào ngân sách của địa phương.

• Cơ sở lý luận và thực tiễn:

Phát triển năng lượng bền vững là mối quan tâm hàng đầu của các quốc gia trên thế giới nhằm đảm bảo nguồn cung ứng điện lâu dài và giảm thiểu các tác động đến môi trường từ các nguồn năng lượng hóa thạch. Sử dụng nguồn năng lượng tái tạo (năng lượng gió, mặt trời, biomass...) với tiềm năng vô tận đã trở thành xu thế phát triển tất yếu của mọi quốc gia.

Hiện nay, các dạng năng lượng hóa thạch như than, dầu mỏ, ... đang cạn dần, đồng thời vẫn đề ô nhiễm môi trường do việc đốt nhiên liệu gây ra ngày càng trầm trọng, các nước có xu hướng tìm nguồn năng lượng sạch để thay thế. Trong đó, năng lượng mặt trời là một trong những dạng năng lượng được chọn là nguồn năng lượng thay thế trong tương lai, trong chiến lược năng lượng của các quốc gia trên thế giới có tiềm năng về năng lượng mặt trời.

Trong năm 2005, công suất lắp đặt điện mặt trời trên thế giới là 5,1GW. Sau 10 năm, tính đến năm 2015, tổng công suất lắp đặt điện mặt trời trên thế giới lên đến 227GW. Riêng ở Châu Á, Trung Quốc, Nhật Bản và Ấn độ là các nước có tốc độ tăng trưởng đầu tư lắp đặt nhà máy điện mặt trời PV cao nhất trong năm 2015. Tăng trưởng về đầu tư riêng năng lượng mặt trời với các nước đang phát triển là lớn hơn 12%. Đây là một con số rất ấn tượng, tạo niềm tin cho các nhà đầu tư về lĩnh vực này đối với các nước bất đầu phát triển điện mặt trời như ở Việt Nam.

Việt Nam được xem là quốc gia có tiềm năng lớn về năng lượng mặt trời, đặc biệt là vùng miền Trung và miền Nam của đất nước, với cường độ bức xạ mặt trời trung bình khoảng 5 KWh/m²/ngày (1.825 KWh/m²/năm). Miền Tây Nguyên và Nam Trung Bộ có số giờ nắng trong năm cao nhất cả nước, lên tới 2000-2600 giờ/năm. Hơn nữa, năng lượng mặt trời có sẵn quanh năm và khá ổn định.

Xét về đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội khu vực dự án:

Về điều kiện khí hậu, Nhà máy Điện mặt trời Phong Phú nằm trong vùng chịu ảnh hưởng chung của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa Đông Nam Á, ngoài ra chế độ thời tiết và khí hậu vùng dự án còn mang các đặc điểm của khí hậu miền duyên hải cực Nam Trung Bộ với các đặc điểm như: tình trạng khô hạn cao trong toàn bộ chế độ mưa ẩm liên quan với vị trí che khuất của vùng này bởi vòng cung núi bao bọc từ các phía Bắc, Tây, Nam. Độ ẩm không khí trong vùng thấp, trung bình năm 79%, mây ít, nắng nhiều, vùng này có số giờ nắng trung bình năm cao nhất tỉnh Bình Thuận, lên tới 2700-2755 giờ hoặc hơn nữa. Nhiệt độ trung bình khoảng 26,5-26,9 độ C, trong vùng ít có hoạt động của bão,

trung bình 4-5 năm mới có 1 trận bão đổ bộ xây ra từ tháng 10-11.

Về đặc điểm địa hình, địa chất, khu vực dự án có địa hình cát bằng phẳng ít bị chia cắt, cao độ địa hình thấp dần từ Đông sang Tây, cao độ địa hình trung bình khoảng 50m, độ dốc bình quân khoảng 1-5%, thuận lợi để lấp đất thiết bị. Điều kiện địa chất của nhà máy điện mặt trời Phong Phú không qua phức tạp. Hầu hết khu vực nghiên cứu thuộc diện phân bổ các lớp địa chất có nguồn gốc trầm tích biển (mQ), kết quả khảo sát phân được 1 lớp địa chất kỹ hiện lớp 1, chiều sâu từ 608m chưa dứt lớp, thuận lợi cho xây dựng các trụ móng, tuy nhiên tính chất cơ lý của lớp 1 thấp, do đó thiết kế cần xem xét lựa chọn giải pháp móng và chiều sâu móng cho phù hợp với tải trọng dự kiến xây dựng công trình.

Về định hướng phát triển kinh tế xã hội tỉnh Bình Thuận. Mục tiêu chung của Bình Thuận trong phát triển kinh tế là khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng, lợi thế, chủ động hội nhập, phát triển kinh tế biển, du lịch, năng lượng. Xây dựng và phát triển Bình Thuận đến năm 2030 căn bản trở thành một tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, tập trung xây dựng 3 trung tâm mang tầm quốc gia: Trung tâm năng lượng, trung tâm du lịch - thể thao biển, trung tâm chế biến quặng sa khoáng titan. Phần đầu giai đoạn 2016-2020 có tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) đạt bình quân 7,0-7,5%; giai đoạn 2021-2030 tăng bình quân 7,2-7,5%; thu hút vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP bình quân hàng năm giai đoạn 2016-2020 đạt 9,5-10%; giai đoạn 2021-2030 đạt 9,0-9,5%.

• Sự cần thiết đầu tư xây dựng công trình

Theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Nhà máy Điện mặt trời Phong Phú - 42MWp. Theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh, kế hoạch xây dựng phát triển nguồn điện thì sẽ đẩy nhanh phát triển nguồn điện sử dụng năng lượng mặt trời, bao gồm cả nguồn lắp đặt tập trung trên đất và nguồn phân tán lắp đặt trên mái nhà. Dư thừa công suất nguồn điện mặt trời từ mức không đáng kể như hiện nay lên khoảng 850MW vào năm 2020, khoảng 4000MW vào năm 2025 và khoảng 12.000MW vào năm 2030. Để đáp ứng tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2016-2020 và trong những năm tới của tỉnh nhằm tránh tình trạng thiếu hụt điện vào mùa khô như hiện nay, hệ thống điện phải tăng cường công suất nguồn và lưu trữ để đáp ứng nhu cầu phụ tải trong những năm tới của tỉnh Bình Thuận và khu vực các tỉnh lân cận.

Điện mặt trời là loại năng lượng sạch, giá thành sản xuất điện năng không biến động theo sự thay đổi giá của nhiên liệu đầu vào như các dạng năng lượng truyền thống khác. Với nguồn tài nguyên vô tận, điện mặt trời góp phần đảm bảo an ninh năng lượng cho địa phương và đất nước trong giai đoạn sắp tới. Nhà máy điện phong phú được xây dựng tại khu vực có tiềm năng bức xạ mặt trời rất tốt, phù hợp để xây dựng nhà máy với quy mô

công nghiệp. Ngoài ra, dự án được triển khai còn góp phần tạo công ăn việc làm cho đại phương, tăng khoản nộp ngân sách địa phương bình quân hàng năm 20 tỷ đồng.

• Thời gian hoàn thành dự kiến: Trước 30/06/2019.

• Địa điểm thực hiện dự án: Xã Phong Phú, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận.

• Quy mô dự án:

– Diện tích đất xây dựng: khoảng 60 ha. Trong đó phần diện tích để lắp các tấm pin năng lượng mặt trời khoảng 44,306 ha; diện tích trạm hợp bộ inverter, máy biến áp trung thế 22KV khoảng 0,63 ha; khu vực trạm biến áp 110KV, khu quan quản lý vận hành, trạm xử lý nước, nhà xe, đường giao thông khoảng 4,064 ha; phần diện tích 1 ha còn lại dự kiến sử dụng để quy tập mộ và troogn cây xanh

– Tiềm năng năng lượng mặt trời tại vị trí Dự án Phong Phú khoảng 1.940 kWh/m²/năm. Công suất lắp đặt là 42MWp, sản lượng điện năm đầu khoảng 66.605 MWh tại giá trị xác suất tương ứng là 50%. Hệ số hiệu suất PR của nhà máy điện trên 80,56%.

– Cấu hình phần nhà máy điện gồm 10 trạm biến áp trung thế và 19 inverter được chia làm 2 loại:

Loại 1: Tổng số 09 trạm, mỗi trạm 02 inverter, công suất khoảng 2000 KVA/máy kết nối với 01 máy biến áp trung thế, công suất 4.000 KVA.

Loại 2: Tổng số 01 trạm, inverter có công suất khoảng 2.000 KVA kết nối với 01 máy biến áp trung thế công suất 2.000 KVA.

• Tiến độ thực hiện dự án dự kiến:

– Ngày 15/1/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ra Quyết định số 147/QĐ-UBND chấp thuận chủ trương đầu tư của dự án;

– Ngày 31/1/2018, Dự án được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 3547776323

– Trước ngày 15/5/2018, làm việc với Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo Bộ Công thương thông qua thiết kế cơ sở;

– Tháng 5/2018, hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng;

– Tháng 6/2018, thương thảo và ký xong hợp đồng EPC cung cấp, lắp đặt và thi công xây dựng trọn gói Nhà máy tới hàng rào Trạm năng áp 22/110KV (Thời gian thực hiện hợp đồng là 240 ngày); Ký các hợp đồng khác năm ngoài hợp đồng EPC;

– Tháng 6/2018, phê duyệt bản vẽ thiết kế kỹ thuật do nhà thầu EPC trình;

– Tháng 6/2018, bàn giao mặt bằng phục vụ công tác xây dựng;

– Tháng 6/2018-1/2019, tiến hành thi công xây dựng nhà máy;

- Tháng 1/2019, hoàn thành cung cấp vật tư, thiết bị điện, tấm pin mặt trời,... đến công trường chuẩn bị sẵn sàng cho lắp đặt;
- Cuối tháng 2/2019, hoàn thành, thi nghiệm và chạy thử nhà máy;
- Cuối tháng 3/2019, nghiệm thu, phát điện thương mại;
- Tháng 6/2019, hoàn thành quyết toán công trình.

• Tình trạng pháp lý:

- Quyết định số 4288/QĐ-BCT ngày 14/11/2017 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt bỏ sung danh mục Dự án Nhà máy điện mặt trời Phong Phú, công suất 42MWp vào Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2011-2015, có xét đến 2020;
- Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 15/1/2018 của UBND tỉnh Bình Thuận chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy điện mặt trời Phong Phú tại xã Phong Phú, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận;
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 3547776323 chứng nhận lần đầu ngày 31/01/2018 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp;

- Giấy chứng nhận số 3391/TĐ-PCCC ngày 22 tháng 03 năm 2018 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Bình Thuận về thẩm duyệt thiết kế phòng cháy, chữa cháy Nhà máy điện mặt trời Phong Phú.

- Quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 8/5/2018 của UBND huyện Tuy Phong về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để xây dựng công trình Nhà máy Điện Mặt trời Phong Phú, huyện Tuy Phong.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107687931 cấp lần đầu ngày 29/12/2016, thay đổi lần thứ 1 ngày 9/2/2018 của Công ty cổ phần Đầu tư điện Mặt Trời.
- Tổng mức đầu tư: Tổng mức đầu tư dự án dự kiến 947 tỷ đồng (đã bao gồm 10% thuế VAT), gồm:

Bảng số 41: Tổng mức đầu tư dự án Nhà máy điện mặt trời Phong Phú

TT	Hạng mục	Giá trị trước thuế (Đơn vị: Đồng)	Giá trị sau thuế (Đơn vị: Đồng)
1	Chi phí đền bù GPMB, tái định cư	29.007.270.554	29.007.271.000
2	Chi phí xây dựng	121.519.399.457	133.671.339.000
3	Chi phí thiết bị	560.421.524.134	616.463.677.000
4	Chi phí Quản lý dự án	7.735.937.837	7.735.938.000
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	17.511.491.320	19.262.640.000
6	Chi phí khác	89.002.284.547	91.513.923.000
7	Chi phí dự phòng	70.517.759.253	76.474.984.000

7.1	Chi phí dự phòng cho khởi lường công việc phát sinh	46.477.836.475	51.125.620.000
7.2	Chi phí dự phòng cho trượt giá trong thời gian xây dựng	24.039.922.778	25.349.364.000
	Tổng cộng	895.716.000.000	974.000.000.000

• Nguồn vốn đầu tư:

Nguồn vốn đầu tư cho dự án là vốn từ huy động của Chủ đầu tư và vốn vay thương mại. Cơ cấu vốn dự kiến theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Sông Đà 11 như sau:

TT	Nội dung	Tỷ trọng
1	Vốn tự có của Công ty	30%
2	Vốn vay thương mại	70%
	Tổng cộng	100%

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 01/2018/10607313/HBTD ký với BIDV Hà Tây, do

BIDV Hà Tây thực hiện điều chỉnh tỷ lệ cho vay (từ 75% xuống còn 70%) và phương án trả nợ gốc (mức 4.02 của Hợp đồng tín dụng) của khoản vay dẫn đến việc chi phí lãi vay của dự án giảm đi. Theo đánh giá, thẩm định của Ngân hàng, tổng mức đầu tư của dự án (đánh giá lại) sau khi giảm chi phí lãi vay là 942.666.000.000 đồng. Ngân hàng đồng ý cấp các khoản vay với tổng số tiền gốc tối đa 659.644.000.000 đồng. Vì vậy, sẽ có sự chênh lệch giữa tổng vốn đầu tư dự toán của dự án trong báo cáo nghiên cứu khả thi so với tổng mức đầu tư theo đánh giá, thẩm định lại của Ngân hàng với số tiền 24,356 tỷ đồng. Để đảm bảo đủ nguồn vốn thực hiện dự án đầu tư Nhà máy điện mặt trời Phong Phú, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 11 thống nhất sẽ sử dụng nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2019 của Công ty để góp và sẽ trình xin ý kiến DHDCE gần nhất của CTCP Đầu tư điện Mặt Trời thông qua. Vốn vay dự kiến từ ngân hàng thương mại trong nước với các thông số sau:

- Lãi suất vay vốn: là lãi suất thả nổi, được xác định theo nguyên tắc bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm (trả lãi sau) kỳ hạn 12 tháng bằng Đồng Việt Nam của bốn ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở Giao dịch); Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Sở Giao dịch 1); Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Sở Giao dịch 1) và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội) + Margin 3,0%/năm. Lãi suất tiền gửi tiết kiệm của bốn ngân hàng trên có thể được xác định theo thông báo trên trang Web chính thức của mỗi ngân hàng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần kể từ Ngày Giải ngân Đầu tiên và được thực hiện vào Ngày Lâm Việc đầu tiên của tháng điều chỉnh. Trường hợp lãi suất

cho vay của kỳ điều chỉnh vẫn giữ nguyên như kỳ hạn trước thì Bên cho vay không cần thông báo. Trường hợp mức lãi suất điều chỉnh vượt quá mức lãi suất cho vay cao nhất do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm điều chỉnh, thì lãi suất áp dụng sẽ là mức lãi suất cao nhất được phép áp dụng.

- Thời gian thanh toán nợ gốc: Trong thời gian từ kỳ 25/9/2019 đến kỳ 25/6/2029.
- Hiệu quả của dự án về mặt kinh tế – xã hội:

- Đáp ứng nhu cầu tăng trưởng phụ tải điện: Dự án khi đi vào vận hành sẽ đáp ứng nhu cầu tăng phụ tải trong giữa nguồn năng lượng tái tạo so với các nguồn khác trong hệ thống điện, góp phần làm ổn định việc cung cấp điện cho nền kinh tế.
- Tạo việc làm cho người lao động: Trong quá trình vận hành nhà máy sẽ tạo ra thêm nhiều việc làm cho người lao động trong nhà máy điện với mức thu nhập ổn định, góp phần phát triển kinh tế xã hội khu vực, là động lực kéo theo các ngành khác trong khu vực phát triển.
- Phát triển dân sinh, kinh tế vùng: Dự án được sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại sẽ đóng góp vai trò quan trọng trong việc phát triển lưới điện của khu vực, là cơ sở tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ, y tế, giáo dục... Khi dự án đi vào hoạt động sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương trong việc phát triển văn hóa xã hội, tăng thu nhập cho người lao động và tăng sản lượng hàng hóa sản xuất tại địa phương. Đối với ngân sách nhà nước, dự án sẽ mang lại nguồn thu nhập từ các loại thuế, đồng thời dự án sẽ khuyến khích, thu hút các dự án khác phát triển.

- Tổng hợp doanh thu, chi phí và hiệu quả kinh tế của dự án theo kết quả tính toán chi tiêu tài chính:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị
1	Sản lượng	Triệu KWh	1.488,62
2	Doanh thu	Tỷ đồng	4.173,37
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2.075
4	Thời gian thu hồi vốn	năm	10 năm 10 tháng
5	NPV	Tỷ đồng	388,16
6	B/C	Lần	1,34
7	FIRR	%	18,44

(Nguồn: Hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và Nghị quyết ĐHĐCB của Công ty)

STT	Thông tin người có liên quan	Chức vụ tại CTCP Sông Đà 11	Mối quan hệ với CTCP Đầu tư điện Mặt Trời
1.	Công ty cổ phần Sông Đà 11		Công ty mẹ, sở hữu 94,5% vốn điều lệ thực góp CTCP Đầu tư điện Mặt Trời.
2.	Nguyễn Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch HĐQT
3.	Trần Văn Ngụ	Phó chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT
4.	Trần Thanh Giang	Phó KTT Công ty	Trưởng ban kiểm soát
5.	Nguyễn Văn Hải	Phó TGB Công ty	Thành viên ban kiểm soát
6.	Nguyễn Hoàng Tùng	Trưởng phòng KTCG	Thành viên ban kiểm soát
7.	Nguyễn Hoàng Hưng	Người đại diện vốn của SJE tại CTCP Đầu tư điện Mặt Trời	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐÓT CHÀO BÁN

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCB bất thường năm 2018 số 02/2018/NQ-ĐHĐCB ngày 16/10/2018 của Công ty thông qua chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ của Công ty, kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán được Đại hội đồng cổ đông thông qua dự kiến như sau:

Tổng số lượng cổ phần chào bán: 6.931.863 cổ phiếu

Số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu dự kiến: 103.977.945.000 đồng. Toàn bộ số tiền huy động được từ đợt chào bán được Công ty sử dụng vào mục đích đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư Điện Mặt Trời để thực hiện đầu tư xây dựng dự án Nhà máy điện mặt trời Phong Phú. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 11 đã thông qua chỉ tiết phương án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán, cụ thể về thời gian thực hiện và kế hoạch sử dụng tiền như sau :

Nội dung sử dụng vốn		Giá trị dự kiến (ĐVT: đồng)	Thời gian dự kiến
1. Góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư Điện Mặt Trời để thực hiện đầu tư xây dựng dự án “Nhà máy điện mặt trời Phong Phú”:		103.977.945.000	Trong quý I/2019
- Bổ sung nguồn vốn thực hiện toàn hợp đồng cung cấp VTTB, thi công xây dựng Trạm nâng áp 22/110KV, và nâng cấp VTTB, thi công xây dựng đường dây 110KV Phong phú – Phan Ri và Ngăn lò 110KV đầu nối vào TBA Phan Ri (Gói thầu EPC-11).		25.416.736.000	Trong tháng I/2019
- Bổ sung nguồn vốn thực hiện toàn hợp đồng thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thi công xây dựng trọn gói Nhà máy (Gói thầu EPC-10).		78.561.209.000	Trong tháng I, 2/2019
Tổng cộng		103.977.945.000	

Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCB ngày 25/7/2018 của ĐHĐCB Công ty cổ phần Đầu tư Điện Mặt Trời thông qua phương án góp vốn của các cổ đông hiện hữu để triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng “Nhà máy điện mặt trời Phong Phú” tại tỉnh Bình Thuận, công suất 42MWp, CTCP Đầu tư điện Mặt Trời căn cứ nguồn vốn thực góp từ cổ đông ứng là 290 tỷ đồng (bằng chữ: Hai trăm chín mươi tỷ đồng), trong đó SJF sẽ góp 264,640 tỷ đồng. Hội đồng quản trị SJF thông qua phương án cần đổi nguồn vốn chủ sở hữu và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để góp vốn như sau:

- + Sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua (số tiền: 103,977 tỷ đồng).
- + Số tiền còn lại cần góp thêm, căn cứ vào tình hình hoạt động của Công ty và kế hoạch đầu tư dự án, Hội đồng quản trị thông nhất sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu còn kết dư đến 31/12/2017, nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2018 (số tiền: 160,663 tỷ đồng).

BẢN CẠO BÁCH

Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C – CHI NHÁNH HÀ NỘI

- Địa chỉ: Số 40 Giảng Võ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

- Điện thoại: (024) 37.367.879 Fax: (024) 37.367.869

- Website: <https://www.a-c.com.vn/>

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

- Trụ sở chính: Tầng 12 tòa nhà CDC, 25 Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

- Điện thoại: (024) 3944 6666 Fax: (024) 3944 8071

- Website: www.irs.com.vn

X. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

2. Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty.

3. Phụ lục III: Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2018 số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ

ngày 16/10/2018 thông qua Phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ và

phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

4. Phụ lục IV: Bản sao các Báo cáo kiểm toán tổng hợp và Báo cáo kiểm toán hợp

nhất năm 2016, 2017, BCTC tự lập 9 tháng đầu năm 2018.

5. Phụ lục V: Nghị quyết HĐQT thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu.

6. Phụ lục VI: Bản sao Hợp đồng tư vấn phát hành.



BẢN CẠO BẠCH

Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG DÀ 11

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2018

TỔ CHỨC CHÀO BÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG DÀ 11

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN VĂN SƠN

TRƯỜNG BAN KIỂM SOÁT

HÀ HỒNG NHUNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ VĂN TUẤN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN VĂN NGƯU

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN THỊ THU HƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2018

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA